VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Thông tư số 19/2021/TT-BNNPTNT ngày 28 tháng 12 năm 2021 ban hành Danh mục thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng tại Việt Nam, Danh mục thuốc bảo vệ thực vật cấm sử dụng tại Việt Nam

(Tiếp theo Công báo số 71 + 72)

Phụ lục I

DANH MỤC THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT ĐƯỢC PHÉP SỬ DỤNG TẠI VIỆT NAM

(Ban hành kèm theo Thông tư số 19/2021/TT-BNNPTNT ngày 28 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

TT	HOẠT CHẤT/ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT KỸ THUẬT (COMMON NAME)	TÊN THƯƠNG PHẨM (TRADE NAME)	ĐỐI TƯỢNG PHÒNG TRỪ (PEST/CROP)	TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ (APPLICANT)
490	Fenpropathrin 100g/l + Pyridaben 200g/l	Sieunhen 300EC	Nhện gié/lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
491	Fenpropathrin 100g/l (5g/l) + Profenofos 40g/l (300g/l) + Pyridaben 10g/l (5g/l)	Calicydan 150EW, 310EC	**150EW:** nhện gié/lúa **310EC:** rệp sáp giả/cà phê	Công ty TNHH Thuốc BVTV LD Nhật Mỹ
492	Fenpropathrin 100g/l + Quinalphos 250g/l	Naldaphos 350EC	Nhện gié/lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình

493	Fenpyroximate (min 96%)	Ortus 5 SC	Nhện đỏ/hoa hồng, bông vải	Công ty TNHH Nichino Việt Nam
		May 050SC	Nhện gié/lúa	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
494	Fenpyroximate 3% + Propargite 10%	Ω-Baxi 13EW	Nhện đỏ/lạc	Công ty TNHH MTV BVTV Omega
495	Fenpyroximate 50g/l + Pyridaben 150g/l	Rebat 20SC	Nhện gié/lúa,bọ xít muỗi/điều, ca cao; nhện đỏ/hoa hồng	Công ty TNHH TM Tân Thành
496	Fenvalerate (min 93%)	Dibatox 20EC	Sâu cuốn lá, sâu keo/lúa; sâu cuốn lá/lạc; rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA
		Fantasy 20EC	Rầy nâu/lúa	Asiatic Agricultural Industries Pte Ltd.
		Fenkill 20EC	Sâu đục thân/lúa, sâu đục quả/đậu tương	Công ty TNHH UPL Việt Nam
		First 20EC	Bọ xít/lúa	Zagro Singapore Pte Ltd
		Kuang Hwa Din 20EC	Rầy xanh/lúa	Bion Tech Inc.
		Pathion 20EC	Sâu xanh/thuốc lá	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
		Pyvalerate 20EC	Rầy, sâu cuốn lá/lúa; bọ xít muỗi/điều	Forward International Ltd
		Sanvalerate 200EC	Bọ xít/lúa	Longfat Global Co., Ltd.
		Sutomo 25EC	Sâu đục quả/đậu tương	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
		Timycin 20EC	Bọ xít/lúa	Công ty TNHH - TM Thái Phong
		Vifenva 20EC	Sâu xanh/thuốc lá, bọ xít/đậu lấy hạt, sâu keo/lúa	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam

497	Flometoquin (min 94%)	Gladius 10SC	Bọ trĩ/hoa cúc, bọ phấn trắng/sắn, sâu xanh da láng/đậu tương	Sumitomo Corporation Vietnam LLC.
		Quinac 10SC	Rầy nâu/lúa, sâu xanh da láng/đậu tương	Công ty TNHH Á Châu Hóa Sinh
498	Flonicamid (min 96%)	Acpymezin 10WG	Rầy nâu nhỏ/lúa	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu
		Ace focamid 50WG	Bọ trĩ/hoa cúc, bọ phấn/thuốc lá	Công ty CP ACE Biochem Việt Nam
		Fairway 500WG	Rệp muội/ngô	Công ty TNHH Alfa (Sài Gòn)
		Teppeki 50WG	Rầy nâu/lúa	Sumitomo Corporation Vietnam LLC.
499	Flonicamid 100g/kg + Nitenpyram 400g/kg	Achetray 500WP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu
500	Flonicamid 100g/kg + Nitenpyram 300g/kg + Pymetrozine 300g/kg	Florid 700WP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu
501	Fluazinam (min 95%)	Flame 500SC	Nhện đỏ/cam, nhện gié/lúa	Công ty TNHH Alfa (Sài Gòn)
502	Fluacrypyrim (min 95%)	Ang.clean 250SC	Nhện gié/lúa	Công ty TNHH An Nông
503	Flubendiamide (min 95%)	Saikumi 39.35SC	Sâu tơ/bắp cải	Công ty CP BVTV Sài Gòn
		Takumi 20WG, 20SC	**20WG:** sâu tơ/bắp cải, sâu cuốn lá/lúa; sâu khoang/lạc; sâu đục quả/cà chua **20SC:** sâu tơ/bắp cải, sâu cuốn lá/lúa, sâu đục quả/bưởi	Nihon Nohyaku Co., Ltd.
504	Fluensulfone (min 95%)	Nimitz 480EC	Tuyến trùng/hồ tiêu	Công ty TNHH Adama Việt Nam

505	Flufenoxuron (min 98%)	Cascade 5EC	sâu xanh da láng/lạc, đậu tương	BASF Vietnam Co., Ltd.
506	Flufiprole (min 97%)	Tachi 150SC	sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Hóa sinh Á châu
507	Flufiprole 50g/l + Indoxacarb 100g/l	Good 150SC	nhện gié/lúa	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu
508	Flupyradifurone (min 96%)	Sivanto Prime 200SL	Rệp sáp/cà phê	Bayer Vietnam Ltd (BVL)
509	Fosthiazate (min 93%)	BN-Fosthi 10GR	Tuyến trùng/cà phê	Công ty CP Bảo Nông Việt
		Foster 15GR	Tuyến trùng/cà phê	Công ty CP Liên doanh quốc tế Fujimoto
		Makeno 10GR	Tuyến trùng/hồ tiêu, cà phê	Công ty CP Đầu tư TM & PT NN ADI
		Nemafos 10GR, 30CS	Tuyến trùng/hồ tiêu	Công ty TNHH Hóa Sinh Á Châu
		Nemathorin 10GR	Tuyến trùng/cà phê, hồ tiêu	Sumitomo Corporation Vietnam LLC.
		Nemazate 15GR	Tuyến trùng/cà phê	Công ty TNHH Phú Nông
		Quota 10GR	Tuyến trùng/cà phê, hồ tiêu	Công ty TNHH ADC
		Sagofort 10GR	Tuyến trùng/hồ tiêu	Công ty CP BVTV Sài Gòn
		Sakuto 10GR	Tuyến trùng/cà phê	Công ty TNHH US Agro
		Sun Choong En 5GR	Tuyến trùng/hồ tiêu	Công ty TNHH Hỗ trợ PTKT và chuyển giao công nghệ
510	Fufenozide (min 98%)	Fufe-super 100EC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Hóa Sinh Á Châu

511	Gamma-cyhalothrin (min 98%)	Vantex 15CS	Sâu đục thân/lúa, sâu xanh da láng/lạc	Công ty TNHH FMC Việt Nam
512	Garlic juice	Bralic-Tỏi Tỏi 1.25SL	Bọ phấn/cà chua	Công ty TNHH Adama Việt Nam
		Biorepel 10SL	Rầy xanh, bọ cánh tơ, bọ xít muỗi/chè; ruồi/lá cải bó xôi; rệp muội/hoa cúc, cải thảo; bọ phấn/cà chua; rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH Ngân Anh
513	Hexaflumuron (min 95%)	Fluron 100SC	Sâu tơ/bắp cải	Công ty TNHH Hóa Sinh Á Châu
		Staras 50EC	Sâu xanh/lạc	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
514	Hexythiazox (min 94%)	Akiazox 50EW	Nhện đỏ/hoa hồng	Công ty TNHH BVTV Akita Việt Nam
		Hoshi 55.5EC	Nhện gié/lúa	Công ty TNHH TM SX Ngọc Yến
		Lama 50EC	Nhện gié/lúa, nhện đỏ/cam	Công ty CP BMC Vĩnh Phúc
		Nissorun 5EC	Nhện đỏ/chè, hoa hồng, cam, đu đủ; nhện gié/lúa, nhện lông nhung/nhãn, vải	Sumitomo Corporation Vietnam LLC.
		Nhendo 5EC	Nhện gié/lúa, nhện đỏ/cam	Công ty TNHH MTV BVTV Long An
		Thizomite 200EC	Bọ phấn trắng/sắn	Shanghai Synagy Chemicals Company Limited
		Tomuki 50EC	Nhện gié/lúa	Công ty CP Nông dược Việt Nam
515	Hexythiazox 2% + Propargite 20%	Omega-Hexy 22EC	Nhện đỏ/hoa hồng, rệp muội/đậu tương	Công ty TNHH MTV BVTV Omega
516	Hexythiazox 3% + Propargite 30%	Aki-siêu nhện 33EW	Nhện đỏ/lạc	Công ty TNHH BVTV Akita Việt Nam

517	Hexythiazox 40g/l + Pyridaben 160g/l	Super bomb 200EC	Nhện gié/lúa	Công ty TNHH TM DV Tấn Hưng
518	Imidacloprid (min 96%)	Acmayharay 100WP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu
		Actador 100WP	Rầy nâu/lúa	Công ty CP Khoa học CNC American
		Admitox 050EC, 100SL, 100WP, 600SC, 750WG	**050EC, 100SL:** rầy nâu/lúa **100WP:** rệp sáp/cà phê, rầy nâu, bọ trĩ/lúa **750WG:** rầy nâu, bọ trĩ/lúa **600SC:** rầy nâu, bọ trĩ/lúa, xử lý hạt giống trừ bọ trĩ, rầy nâu/lúa	Công ty TNHH An Nông
		Aicmidae 100WP	Rầy nâu/lúa	Công ty CP Hóa chất Nông nghiệp và Công nghiệp AIC
		Amico 10EC, 200WP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Alfa (Sài gòn)
		Anvado 100SL, 100WP, 200SC, 700WG	**100SL, 100WP, 200SC, 700WG:** rầy nâu/lúa **100WP:** Châu chấu tre lưng vàng/tre, ngô	Công ty TNHH Việt Thắng
		Armada 50EC, 100SL, 700WG	**50EC:** bọ trĩ, rầy nâu/lúa; sâu cuốn lá/lạc **100SL:** rệp sáp/cà phê **700WG:** bọ trĩ/lúa	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA
		Asimo 10WP	Bọ trĩ/lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
		Biffiny 10WP, 400SC, 600FS	**10WP:** bọ trĩ/lúa, rầy nâu/lúa **400SC:** rầy nâu, bọ trĩ/lúa **600FS:** xử lý hạt giống trừ rầy nâu/lúa	Công ty TNHH TM & SX Ngọc Yến
		Canon 100SL	Bọ trĩ/lúa, rệp sáp/cà phê	Công ty CP TST Cần Thơ

		Confidor 200SL, 200 OD, 700WG	**200SL:** rầy nâu, bọ trĩ/lúa; rệp vảy, rệp sáp/cà phê, bọ trĩ/điều, rệp sáp/hồ tiêu **200OD:** rầy nâu/lúa; bọ trĩ/lúa, điều; rệp sáp, rệp vảy/cà phê; rầy xanh, rệp muội/bông vải **700WG:** rầy nâu, bọ trĩ/lúa; rệp sáp/cà phê, hồ tiêu	Bayer Vietnam Ltd (BVL)
		Conphai 10ME, 10WP, 100SL, 700WG	**10ME, 10WP, 700WG:** rầy nâu/lúa **100SL:** rầy nâu/lúa; rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH Trường Thịnh
		Helmer Admida 350SC	Bọ phấn trắng/sắn	Công ty TNHH B.Helmer
		Imida 10WP, 20SL	**10WP:** bọ trĩ/lúa **20SL:** rầy nâu, bọ trĩ/lúa, rệp sáp/cà phê	Công ty CP Long Hiệp
		Imidova 150WP	Rầy nâu/lúa, rệp sáp/hồ tiêu	Công ty TNHH Thuốc BVTV Đồng Vàng
		Imitox 10WP, 20SL, 700WG	**10WP:** Bọ trĩ, rầy nâu/lúa; rệp sáp/cà phê **20SL:** rầy nâu/lúa **700WG:** bọ trĩ/lúa, rệp sáp/cà phê, xử lý hạt giống trừ bọ trĩ/lúa; bọ phấn trắng/sắn	Công ty CP Đồng Xanh
		Inmanda 100WP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH TM Bình Phương
		Iproimida 20SL	Rầy nâu/lúa	Công ty CP Futai
		Javidan 100WP, 150SC	Rầy nâu/lúa	Công ty CP Nông dược Nhật Việt
		Jiami 10SL	Rầy nâu/lúa, rệp sáp/cà phê	Công ty CP Jia Non Biotech (VN)
		Jugal 17.8SL	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH UPL Việt Nam

		Just 050EC	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
		Kerala 700WG	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH TM SX GNC
		Keyword 10SL	Bọ trĩ/lúa	FarmHannong Co., Ltd.
		Kimidac 050EC	Rầy nâu, bọ trĩ/lúa	Công ty TNHH - TM Tân Thành
		Kola 600FS, 700WG	**600FS:** xử lý hạt giống trừ bọ trĩ, rầy nâu, ruồi hại lá/lúa **700WG:** bọ trĩ, rầy nâu, ruồi hại lá/lúa	Công ty TNHH ADC
		Kongpi-da 151WP, 700WG	**151WP:** rầy nâu/lúa, bọ xít muỗi/điều **700WG:** rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng
		Map-Jono 5EC, 700WP	**5EC:** bọ trĩ/lúa **700WP:** rầy nâu/lúa; sâu xám/ngô; rầy xanh/ bông vải	Map Pacific PTE Ltd
		Mega-mi 178SL	Bọ trĩ, rầy nâu/lúa	Công ty TNHH TM Anh Thơ
		Mikhada 10WP, 45ME, 70WG	Rầy nâu/lúa	Công ty CP TM BVTV Minh Khai
		Miretox 10EC, 250WP, 700WG	Rầy nâu/lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
		Midan 10WP	Rầy xanh/bông vải; rầy nâu, bọ trĩ, rầy lưng trắng/lúa; rệp vẩy/cà phê; bọ trĩ/điều	Công ty CP Nicotex
		Nomida 10WP, 50EC, 700WG	**10WP, 50EC:** rầy nâu/lúa **700WG:** rầy nâu, bọ trĩ/lúa	Công ty CP Điền Thạnh
		Phenodan 10WP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH VT BVTV Phương Mai

		Pysone 700WG	Rầy nâu/lúa	Công ty CP Nông nghiệp HP
		Punto xtra 70WG	Rầy nâu/lúa	Shandong Weifang Rainbow Chemical Co.Ltd
		Saimida 100SL	Rệp sáp/cà phê	Công ty CP BVTV Sài Gòn
		Sahara 25WP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Thạnh Hưng
		Sectox 100WP, 200EC, 700WG	**100WP:** rầy nâu/lúa **200EC, 700WG:** rầy nâu, bọ trĩ/lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
		Stun 20SL	Rầy nâu/lúa, bọ xít muỗi/điều, bọ xít lưới/hồ tiêu	Hextar Chemicals Sdn, Bhd.
		Sun top 700WP	Rầy nâu/lúa	Sundat (S) PTe Ltd
		T-email 10WP, 70WG	**10WP:** bọ trĩ, rầy nâu, nhện gié/lúa; rệp sáp, rệp vảy/cà phê **70WG:** sâu cuốn lá, rầy nâu, nhện gié/lúa; rệp sáp, rệp vảy/cà phê; dòi đục lá/đậu xanh; bọ xít muỗi, bọ trĩ/điều; rệp sáp, bọ xít lưới/hồ tiêu	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
		Thần Địch Trùng 200WP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Nam Nông Phát
		Thanasat 10WP	Rầy nâu/lúa	Công ty CP Nông dược Việt Nam
		Tinomo 100SL, 100WP	**100SL:** rầy nâu, bọ trĩ/lúa **100WP:** rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH TM Thái Phong
		Vicondor 50EC, 700WP	**50EC:** Rầy nâu/lúa **700WP:** Rầy nâu/lúa, rệp sáp/cà phê	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
		Vipespro 150SC	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Vipes Việt Nam

		Yamida 10WP, 100EC, 100SL, 700WG	**10WP:** bọ trĩ, rầy nâu/lúa; rệp sáp, rệp vảy/cà phê **100EC, 700WG:** bọ trĩ, rầy nâu/lúa **100SL:** bọ trĩ/lúa, rệp sáp/cà phê	Bailing Agrochemical Co., Ltd
519	Imidacloprid 200g/l + Indoxacarb 50g/l	Aickacarb 250SC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Hóa chất Nông nghiệp và Công nghiệp AIC
520	Imidacloprid 200g/l + Indoxacarb 70g/l	Yasaki 270SC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Nông dược Việt Nam
521	Imidacloprid 150g/l + Indoxacarb 150g/l	Xacarb 300SC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Vipes Việt Nam
		Xarid 300SC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Kiên Nam
522	Imidacloprid 3% + Isoprocarb 32%	Qshisuco 35WP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH hỗ trợ phát triển kỹ thuật và chuyển giao công nghệ
523	Imidacloprid 100g/kg + Isoprocarb 250g/kg	Tiuray TSC 350WP	Rầy nâu/lúa	Công ty CP Lion Agrevo
524	Imidacloprid 250g/kg + Lambda-cyhalothrin 50g/kg + Nitenpyram 450g/kg	Centertrixx 750WP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Hóa nông Mê Kông
525	Imidacloprid 205g/kg + Lambda-cyhalothrin 50g/kg + Nitenpyram 500g/kg	Startcheck 755WP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH An Nông
526	Imidacloprid 5% + Nitenpyram 45% + Pymetrozine 25%	Ramsuper 75WP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu
527	Imidacloprid 200g/kg + Nitenpyram 450g/kg + Transfluthrin (min 95%) 50g/kg	Strongfast 700WP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH An Nông

528	Imidacloprid 100g/kg (50g/l) + Pirimicarb 20g/kg (150g/l)	Actagold 120WP, 200EC	Rầy lưng trắng/lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
529	Imidacloprid 50g/l + Profenofos 200g/l	Romano 250EC	Sâu xanh da láng/lạc	Công ty CP Liên doanh quốc tế Fujimoto
		Vitasupe 250EC	Rầy nâu/lúa, rệp sáp/cà phê	Asiatic Agricultural Industries Pte Ltd.
530	Imidacloprid 2% + Pyridaben 18%	Hapmisu 20EC	Bọ phấn/lạc, rệp sáp/cà phê, bọ trĩ/hoa hồng, nhện gié/lúa	Công ty TNHH Sản phẩm Công nghệ cao
531	Imidacloprid 2.5% + Pyridaben 15%	Usatabon 17.5WP	Rệp bông xơ/mía, rệp sáp/cà phê	Công ty CP Khoa học Công nghệ cao American
532	Imidacloprid 150 g/kg (150g/kg) + Pymetrozine 200 g/kg (500g/kg)	Tvpymeda 350WP, 650WG	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Hóa chất & TM Trần Vũ
533	Imidacloprid 200g/kg + Pymetrozine 500g/kg	Cherray 700WG	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Việt Thắng
534	Imidacloprid 15g/kg + Thiamethoxam 285g/kg	Wofara 300WG	Rầy nâu/lúa	Công ty CP Công nghệ cao Thuốc BVTV USA
535	Imidacloprid 150g/kg + Thiamethoxam 200g/kg	Leader 350WG	Rầy nâu/lúa	Công ty CP Tập Đoàn Điện Bàn
536	Imidacloprid 100g/l (400g/kg) + Thiamethoxam 200g/l (350g/kg)	NOSOT Super 300SC, 750WP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH An Nông
537	Imidacloprid 200g/kg + Thiamethoxam 50g/kg	Aicpyricyp 250WG	Rầy nâu/lúa	Công ty CP Hóa chất Nông nghiệp và Công nghiệp AIC
538	Imidaclorpid 10g/kg + Thiosultap-sodium (Nereistoxin) 340g/kg	Actadan 350WP	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình

539	Imidacloprid 5% + Thiosultap-sodium (Nereistoxin) 85%	Zobin 90WP	Sâu đục thân, sâu cuốn lá/lúa; sâu khoang/lạc; rệp sáp/cà phê; bọ xít muỗi/điều; sâu xanh da láng/đậu tương	Công ty CP Nông nghiệp HP
540	Imidacloprid 2% + Thiosultap-sodium (Nereistoxin) 58%	Midanix 60WP	Sâu xanh/đậu tương; sâu cuốn lá; bọ trĩ, rầy nâu/lúa	Công ty CP Nicotex
541	Imidacloprid 4g/kg (20g/kg) + Thiosultap-sodium (Nereistoxin) 36/kg (930g/kg)	Vk.Dan 40GR, 950WP	**40GR:** Sâu đục thân/lúa **950WP:** Bọ trĩ, sâu cuốn lá/lúa; sâu đục thân/ngô	Công ty TNHH MTV BVTV Omega
542	Imidacloprid 5% + Thiosultap-sodium (Nereistoxin) 70%	Rep play 75WP	Sâu cuốn lá, rầy nâu, bọ trĩ, sâu đục bẹ/lúa	Công ty TNHH - TM Nông Phát
543	Indoxacarb (min 90%)	Actatin 150SC	Sâu khoang/lạc	Công ty CP Công nghệ cao Thuốc BVTV USA
		Aficap 200SC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Cali Agritech USA
		Agfan 15SC	Sâu cuốn lá/lúa, bọ xít lưới/hồ tiêu	Rotam Asia Pacific Limited
		Amateusamy 150SC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
		Amater 150SC	Sâu cuốn lá/lúa, sâu xanh da láng/đậu tương	Công ty CP Lion Agrevo
		Avio 150SC	sâu cuốn lá, nhện gié/lúa; sâu xanh da láng/ đậu tương; bọ hà/khoai lang	Công ty TNHH - TM Tân Thành
		Ammate® 30WG, 150EC	**30WG:** sâu cuốn lá/lúa **150EC:** sâu khoang/lạc, sâu xanh/thuốc lá, sâu xanh da láng/đậu tương, sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH FMC Việt Nam
		Anhvatơ 150SC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH TM Thái Phong

		Anmaten 150SC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH TM DV Việt Nông
		Betakill 150SC	Sâu keo mùa thu/ngô	Công ty CP Kỹ nghệ HGA
		Blog 8SC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
		Clever 150SC, 300WG	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP BVTV I TW
		Doxagan 150SC	Sâu cuốn lá, nhện gié/lúa	Công ty TNHH Adama Việt Nam
		Indocar 150SC	sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu
		Indogold 150SC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
		Indony 150SC	Sâu cuốn lá, nhện gié/lúa; sâu xanh da láng/đậu tương	Công ty TNHH TM & SX Ngọc Yến
		Indosuper 150SC, 300WG	**150SC:** sâu cuốn lá, bọ trĩ, bọ xít hôi, nhện gié/lúa; rệp muội, sâu đục quả, sâu đục hoa, sâu xanh/đậu tương **300WG:** Sâu cuốn lá, nhện gié/lúa	Công ty TNHH Phú Nông
		Inrole 30WG	Sâu khoang/lạc	Shandong Weifang Rainbow Chemical Co., Ltd.
		Master Indo 150SC	Sâu khoang/lạc	Công ty TNHH Master AG
		Newamate 200SC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH thuốc BVTV Đồng Vàng
		Opulent 150SC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Minh Long
		Samxacarb 145SC	Sâu khoang/lạc	Công ty CP SAM
		Sparring 30WG	Sâu xanh da láng/đậu tương	Công ty TNHH Hỗ trợ PTKT và chuyển giao công nghệ
		Supermate 150SC	Sâu xanh da láng/đậu tương, sâu cuốn lá/lúa, sâu xanh/thuốc lá, sâu khoang/lạc	Công ty TNHH An Nông

		Sunset 100EC, 100ME, 100WP, 150SC, 300WG	**100EC, 100ME, 100WP, 150SC:** Sâu keo mùa thu/ngô **300WG:** Sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Đầu tư TM & PT NN ADI
		Thamaten 150SC	Sâu cuốn lá, sâu keo/lúa; sâu xanh da láng/đậu tương	Công ty TNHH MTV BVTV Thạnh Hưng
		Zazz 150SC	Sâu xanh da láng/đậu tương	Công ty TNHH Nam Bắc
		Wavesuper 15SC	Sâu cuốn lá/lúa, sâu xanh/thuốc lá	Công ty TNHH Nam Bộ
544	Indoxacarb 150g/l + Lambda-cyhalothrin 30g/l	Divine 180SC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP CN Hóa chất Nhật Bản Kasuta
545	Indoxacarb 150 g/l + Lambda cyhalothrin 50 g/l	Casino 200SC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Vipes Việt Nam
546	Indoxacarb 345 g/kg + Matrine 5g/kg	August 350WG	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP CN Hóa chất Nhật Bản Kasuta
547	Indoxacarb 100 g/l + Methoxyfenozide 150 g/l	Carno 250SC	Sâu keo mùa thu/ngô	Công ty CP Global Farm
548	Indoxacarb 15% + Methoxyfenozide 20%	Superplus 35SC	Sâu khoang/lạc	Công ty TNHH A2T Việt Nam
549	Indoxacarb 240 g/l + Novaluron 80 g/l	Plemax 320SC	Sâu keo mùa thu/ngô	Công ty TNHH Adama Việt Nam
550	Indoxacarb 55g/kg (0.2g/l), (160g/l) + Profenofos 0.5g/kg (84.8g/l), (40g/l)	Goldkte 55.5WG, 85EW, 200SC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Thuốc BVTV LD Nhật Mỹ
551	Indoxacarb 50g/kg + Pymetrozine 550g/kg	Pymin 600WG	Rầy nâu/lúa	Công ty CP Nông Tín AG
552	Indoxacarb 150g/l + Tebufenozide 200g/l	Captain 350SC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Alfa (Sài Gòn)
553	Isoprocarb	Mipcide 50WP	Rầy xanh/bông vải, rầy nâu/lúa	Công ty CP BVTV Sài Gòn

		Micinjapane 500WP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
		Tigicarb 20EC, 25WP	Rầy nâu/lúa	Công ty CP Vật tư NN Tiền Giang
		Vimipc 20EC, 25WP	Rầy/lúa	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
554	Isoprocarb 400g/kg + Thiamethoxam 25g/kg	Cynite 425WP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng
555	Isoprocarb 400g/kg + Thiacloprid 50g/kg	Zorket 450WP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Được Mùa
556	Isoprocarb 200g/kg + Pymetrozine 100g/kg	Silwet 300WP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng
557	Isoprocarb 600g/kg + Pymetrozine 80g/kg	Pentax 680WG	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH hỗ trợ phát triển kỹ thuật và chuyển giao công nghệ
558	Karanjin	Takare 2EC	Nhện đỏ, bọ cánh tơ/chè; bọ trĩ/dưa chuột, nho, dưa hấu; nhện lông nhung/nhãn, vải; nhện gié/lúa; nhện đỏ/cam, hồ tiêu	Công ty CP Nông dược HAI
559	Lambda-cyhalothrin (min 81%)	Cyhella 250CS	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Việt Hóa Nông
		Karate® 2.5EC	Sâu cuốn lá, bọ xít, bọ trĩ, sâu phao, rầy nâu/lúa; bọ xít muỗi/điều; sâu cuốn lá, sâu ăn lá/lạc; sâu ăn lá/đậu tương	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam
		Katedapha 25EC	Bọ xít, sâu cuốn lá/lúa; bọ xít muỗi/điều; sâu đục quả/đậu tương; sâu xanh da láng/lạc	Công ty TNHH KD HC Việt Bình Phát
		Katera 50EC	Sâu cuốn lá, sâu phao đục bẹ, bọ trĩ, rầy nâu/lúa	Công ty CP Thanh Điền
		K-T annong 25EC, 25EW	Sâu cuốn lá/lúa, sâu khoang/đậu tương	Công ty TNHH An Nông

		K-Tee Super 50EC	Sâu cuốn lá, sâu đục thân/lúa	Công ty CP Công nghệ cao Thuốc BVTV USA
		Fast Kill 2.5EC	Rệp/thuốc lá	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
		Iprolamcy 5EC	Sâu cuốn lá/lúa, bọ xít lưới/hồ tiêu	Công ty CP Futai
		Perdana 2.5EC	Sâu cuốn lá/lúa	Hextar Chemicals Sdn, Bhd.
		Racket 2.5EC	Sâu ăn lá/lạc	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA
		Sumo 2.5EC	Bọ trĩ/lúa	Forward International Ltd
		Vovinam 2.5EC	Sâu cuốn lá/lúa, sâu róm/điều	Công ty CP BVTV Sài Gòn
560	Lambda-cyhalothrin 50g/l + Methylamine avermectin 38g/l	Manytoc 88EC	Sâu đục quả/đậu tương	Công ty TNHH CEC Việt Nam
561	Lambda-cyhalothrin 50g/kg + Nitenpyram 450g/kg + Paichongding (min 95%) 250g/kg	Kingcheck 750WP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH An Nông
562	Lambda-cyhalothrin 15g/l + Profenofos 335g/l	Wofatac 350EC	Sâu khoang/lạc; sâu cuốn lá, sâu đục thân, sâu đục bẹ/lúa	Công ty CP Công nghệ cao Thuốc BVTV USA
563	Lambda-cyhalothrin 50g/l + Profenofos 375g/l	Gammalin super 425EC	Rệp sáp/cà phê	Asiatic Agricultural Industries Pte Ltd
564	Lambda-cyhalothrin 15g/l + Quinalphos 235g/l	Cydansuper 250EC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
		Repdor 250EC	Rệp sáp/cà phê	Công ty CP Nông dược Nhật Việt

565	Lambda-cyhalothrin 20g/l + Quinalphos 230g/l	Supitoc 250EC	Sâu khoang/lạc	Công ty CP Khoa học Công nghệ cao American
566	Lambda-cyhalothrin 106g/l + Thiamethoxam 141g/l	Fortaras top 247SC	Rầy nâu, bọ xít hôi, sâu đục thân, sâu cuốn lá, bọ trĩ/lúa; rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH Phú Nông
567	Lambda-cyhalothrin 110g/l + Thiamethoxam 140g/l	Valudant 250SC	Sâu cuốn lá, rầy nâu/lúa	Công ty TNHH - TM Tân Thành
		Yapoko 250SC	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH - TM Nông Phát
568	Lambda-cyhalothrin 10.6% + Thiamethoxam 14.1%	Uni-tegula 24.7SC	Rầy nâu, sâu cuốn lá, bọ trĩ/lúa	Công ty TNHH World Vision (VN)
569	Lambda-cyhalothrin 2g/l (50g/l) + Phoxim 283g/l (19.99g/l) + Profenofos 120g/l (30g/l)	Boxing 405EC, 99.99EW	**405EC:** Rầy nâu, sâu đục thân/lúa **99.99EW:** Sâu đục thân, sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
570	Lambda-cyhalothrin 20g/l (10g/kg) (110g/l) + Thiacloprid 36.66g/l (100g/kg) (10g/l), + Thiamethoxam 10g/l (10g/kg), (150g/l)	Arafat 66.66EW, 120WP, 270SC	**66.66EW:** Sâu cuốn lá/lúa **120WP, 270SC:** Rầy lưng trắng/lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
571	Lufenuron (min 96%)	Lockin 100EC	Sâu keo mùa thu/ngô	Shanghai Synagy Chemicals Company Limited
		Lockone 115EC	Sâu xanh da láng, sâu đục quả/đậu tương; sâu keo mùa thu/ngô	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
		Lufenron 050EC	Sâu tơ/bắp cải, sâu cuốn lá/lúa; sâu xanh da láng/đậu xanh, thuốc lá; sâu đục quả/đậu tương, sâu vẽ bùa/cam; sâu keo mùa thu/ngô	Công ty CP Đồng Xanh

		Match® 050EC	Sâu tơ/bắp cải; sâu xanh/đậu xanh, thuốc lá; sâu cuốn lá/lúa, sâu đục quả/cà chua; sâu keo mùa thu/ngô; sâu khoang/khoai tây	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam
		Sukibe 50EC	Sâu keo mùa thu/ngô	Công ty TNHH TCT Hà Nội
		Tplufenron 100EC	Sâu keo mùa thu/ngô	Công ty TNHH VTNN Trung Phong
		Ω-Luron 50SC	Sâu tơ/bắp cải, sâu xanh da láng/đậu tương	Công ty TNHH MTV BVTV Omega
572	Lufenuron 50g/l + Metaflumizone 200 g/l	Truemax 250SC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Phú Nông
573	Liuyangmycin	ANB52 Super 100EC	Nhện gié, rầy nâu, sâu cuốn lá/lúa; nhện lông nhung/vải; sâu tơ/bắp cải; dòi đục lá/dưa hấu	Công ty TNHH An Nông
		Map Loto 10EC	Nhện đỏ/xoài, cam; sâu xanh da láng/đậu tương; bọ phấn/đậu cô ve; rệp muội/quýt	Map Pacific Pte Ltd
574	Matrine (dịch chiết từ cây khổ sâm)	Agri-one 1SL	Sâu khoang/lạc, đậu cô ve; dòi đục lá/đậu tương; sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/bắp cải; rệp muội/cải bẹ; sâu cuốn lá/lúa; nhện đỏ, sâu vẽ bùa/cam; bọ trĩ/dưa hấu; sâu xanh da láng/cà chua, thuốc lá; bọ cánh tơ, nhện đỏ/chè	Công ty CP Hóa chất Nông nghiệp Hà Long
		Ajisuper 0.5SL, 1EC, 1WP	Sâu cuốn lá, sâu đục bẹ/lúa; sâu tơ, sâu xanh, bọ nhảy/bắp cải; bọ trĩ/dưa hấu; sâu vẽ bùa, nhện đỏ/cam; bọ cánh tơ, rầy xanh/chè	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
		Aphophis 5EC	Sâu cuốn lá, sâu đục thân, bọ trĩ, rầy nâu/lúa; sâu khoang/đậu tương; sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/bắp cải; rệp/cải xanh; bọ trĩ, sâu xanh/dưa hấu; bọ cánh tơ, rầy xanh, bọ xít muỗi/chè; rầy bông/xoài	Công ty CP nông dược Việt Nam
		Asin 0.5SL	Sâu tơ/bắp cải; sâu xanh da láng/đậu tương	Công ty TNHH - TM Thái Nông

		Đầu trâu Jolie 1.1SP	Bọ trĩ/lúa	Công ty CP Bình Điền MeKong
		Dotrine 0.6SL	Sâu tơ/bắp cải, nhện gié/lúa	Công ty TNHH BVTV Đồng Phát
		Ema 5EC	Sâu cuốn lá, sâu đục thân, sâu đục bẹ, rầy nâu, nhện gié/lúa; sâu khoang/khoai lang; sâu tơ/bắp cải; sâu xanh bướm trắng/cải xanh; sâu xanh, sâu xanh da láng/cà chua, đậu xanh; bọ trĩ, bọ xít, nhện đỏ/dưa hấu; dòi đục lá, sâu đục quả/đậu tương; sâu xanh da láng, sâu hồng/bông vải; bọ cánh tơ, rầy xanh, nhện đỏ/chè, rệp sáp/cà phê, hồ tiêu; bọ xít muỗi/điều; bọ trĩ, sâu xanh da láng/nho; bọ xít, sâu cuốn lá/vải; rầy chổng cánh, sâu vẽ bùa/cam; sâu đục bông, rầy bông/xoài	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
		Faini 0.288EC, 0.3SL	**0.288EC:** rầy nâu/lúa, rầy xanh/chè **0.3SL:** sâu tơ, sâu xanh/bắp cải; bọ cánh tơ, nhện đỏ/chè; sâu cuốn lá, sâu đục bẹ, nhện gié/lúa	Công ty CP Nicotex
		Kobisuper 1SL	Nhện đỏ, bọ cánh tơ/chè; sâu cuốn lá/lúa; nhện đỏ/hoa cúc, cam; ruồi hại lá/đậu tương; sâu xanh/cà chua; sâu xanh da láng/hành; nhện đỏ/nho; sâu đục quả, dòi đục lá/đậu đũa; ruồi hại lá/cây bó xôi; sâu khoang/lạc; sâu xanh/thuốc lá; bọ trĩ, nhện đỏ/dưa chuột	Công ty TNHH Nam Bắc
		Ly 0.26SL	Sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/bắp cải; bọ cánh tơ/chè	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu

		Marigold 0.36SL	Rầy xanh, bọ cánh tơ/chè; rệp sáp/cà phê; rầy xanh/xoài; sâu xanh da láng/đậu tương; sâu khoang/lạc; sâu vẽ bùa/cam; bọ trĩ/dưa hấu; nhện đỏ/vải; bọ xít/điều; sâu đục quả/chôm chôm; sâu tơ/bắp cải; thối quả/xoài; mốc xám/nho; sương mai/dưa hấu, cà chua	Công ty CP Nông dược Nhật Việt
		Plasma 3EC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP QT APC Việt Nam
		Sakumec 0.5EC	Sâu cuốn lá, bọ trĩ/lúa; bọ nhảy, sâu tơ/bắp cải; sâu xanh da láng/đậu tương; rầy xanh, nhện đỏ/chè; sâu vẽ bùa, nhện đỏ/cam	Công ty CP Quốc tế Agritech Hoa kỳ
		Sokonec 0.36SL	Sâu xanh da láng/đậu tương; nhện đỏ, sâu vẽ bùa/cam; rầy nâu, sâu cuốn lá/lúa; nhện đỏ, rầy xanh, bọ cánh tơ/chè; sâu đục quả/đậu côve; sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/bắp cải	Công ty TNHH Vật tư NN Phương Đông
		Sokupi 0.5SL	Sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/bắp cải; rệp muội/cải bẹ; sâu khoang/lạc, đậu côve; sâu xanh da láng/thuốc lá, cà chua; bọ trĩ/dưa chuột; bọ trĩ, nhện đỏ/chè; sâu vẽ bùa/cam; sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Trường Thịnh
		Wotac 16EC	Sâu cuốn lá, sâu đục thân, bọ trĩ, rầy nâu/lúa; sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/bắp cải; rệp/cải xanh; dòi đục lá/cà chua; sâu khoang/đậu tương; bọ trĩ, sâu xanh/dưa hấu; bọ cánh tơ, rầy xanh, nhện đỏ/chè; sâu vẽ bùa/cam; rầy bông/xoài	Công ty CP Công nghệ cao Thuốc BVTV USA
575	Matrine 0.5% + Oxymatrine 0.1%	Disrex 0.6SL	Sâu ăn hoa/xoài, sâu tơ/bắp cải, sâu xanh/lạc	Công ty TNHH An Nông
576	Matrine 2g/l + Quinalphos 250g/l	Nakamura 252EC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Nông dược Việt Nam

577	Metaflumizone (min 96%)	Ataflu 240SC	Nhện đỏ/đậu tương	Công ty CP BVTV Asata Hoa Kỳ
		Lumizon 240SC	Sâu đục quả/cà chua	Công ty TNHH Phú Nông
		Like-HP 240SC	Sâu tơ/bắp cải	Công ty CP NN HP
		Verismo 240SC	Sâu khoang/hành; sâu tơ/cải bắp; sâu cuốn lá/lúa; sâu xanh da láng/đậu tương	BASF Vietnam Co., Ltd.
578	Metaflumizone 150 g/l + Methoxyfenozide 150 g/l	Metadi 300SC	Sâu xanh da láng/bắp cải	Công ty CP Global Farm
579	Metaflumizone 200 g/l + Methoxyfenozide 200 g/l	MDMetometa 400SC	Sâu keo mùa thu/ngô	Công ty TNHH MTV Mạnh Đan
580	*Metarhirium anisopliae*	Naxa 800DP	Rầy nâu/lúa	Công ty CP sinh học NN Hai Lúa Vàng
		Ometar 1.2 x 10^9 bào tử/g	Rầy, bọ xít/lúa; bọ cánh cứng/dừa	Viện Lúa đồng bằng sông Cửu Long
581	Methoxyfenozide (min 95%)	Gold Wing 24SC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Thạnh Hưng
		Masterole 24SC	Sâu xanh da láng/bắp cải	Shandong Weifang Rainbow Chemical Co., Ltd.
		Prodigy® 240SC	Sâu khoang, sâu xanh/lạc; sâu xanh da láng/bắp cải; sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Corteva Agriscience Việt Nam
		Profendi 240SC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Gap Agro
582	Methoxyfenozide 150 g/l + Pyridalyl 90 g/l	Mepyda 240SC	Sâu keo mùa thu/ngô, sâu xanh da láng/bắp cải	Công ty TNHH Á Châu Hóa Sinh
583	Methoxyfenozide 300g/l + Spinetoram 60g/l	Pixy® 360SC	Sâu keo mùa thu/ngô	Công ty TNHH Corteva Agriscience Việt Nam
584	Methylamine avermectin	Aicmectin 75WG	Rầy xanh/chè, sâu tơ/bắp cải	Công ty CP Hóa chất Nông nghiệp và Công nghiệp AIC

		Hagold 75WG	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH CEC Việt Nam
		Lutex 1.9EC, 5.5WG	**1.9EC:** sâu cuốn lá/lúa **5.5WG:** sâu tơ/bắp cải, sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Vật tư và Nông sản Song Mã
585	Methyl butyrate	Map rigo 3.2SL	Sâu xanh da láng/hành, nhện đỏ/cam	Map Pacific Pte. Ltd
586	Milbemectin (min 92%)	Cazotil 1EC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH TM Anh Thơ
587	Monosultap (min 95%)	Tvpyrafos 750WP	Sâu khoang/lạc	Công ty TNHH HC và TM Trần Vũ
588	Naled (Bromchlophos) (min 93%)	Dibrom 50EC	Bọ xít hôi/lúa	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
		TĐK Epoxyco 50EC	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH SX TM DV Tô Đăng Khoa
589	Natural rubber	Map Laba 10EC	Rệp sáp/ổi, nhện đỏ/cam	Map Pacific Pte. Ltd
590	Nitenpyram (min 95%)	Acnipyram 50WP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu
		Charge 500WP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Alfa (Sài Gòn)
		Dyman 500WP	Rầy nâu/lúa	Công ty CP NN HP
		Elsin 10EC, 500SL, 600WP	**10EC:** Rầy nâu, rầy lưng trắng/lúa; rệp/đậu tương **500SL:** Rầy nâu/lúa **600WP:** Rầy nâu/lúa, rệp muội/đậu tương	Công ty CP Enasa Việt Nam
		Fonica 600WP	Rầy nâu/lúa, bọ xít muỗi/điều	Công ty TNHH TM DV Thanh Sơn Hóa Nông
		Luckyram 600WP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH MTV Lucky
		Nitensuper 220SL, 500WP	**220SL:** Bọ trĩ/điều, rầy nâu/lúa **500WP:** Bọ xít muỗi/điều; rầy nâu, nhện gié/lúa	Công ty TNHH An Nông

		Super King 500SL, 600WP	Bọ phấn trắng/sắn	Công ty TNHH Việt Đức
		TVG28 650SP	Bọ phấn trắng/sắn	Công ty TNHH HC và TM Trần Vũ
		Ω-ram 600WP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Omega
591	Nitenpyram 15% + Pymetrozine 20%	Nitop 35OD	Rầy chổng cánh/phật thủ, rệp muội/đậu tương, bọ phấn trắng/sắn	Công ty Cổ phần Global Farm
592	Nitenpyram 150 g/kg + Pymetrozine 200 g/kg	Asa Ray 350OD	Rầy nâu/lúa	Công ty CP BVTV Asata Hoa Kỳ
593	Nitenpyram 20% (200g/kg) + Pymetrozine 60% (600g/kg)	Maxram 800WG	Rầy nâu/lúa	Công ty CP BVTV Phú Nông
		Meniten 800WG	Rầy nâu/lúa	Công ty CP Global Farm
		Nitendo 80WG	Rệp sáp/cà phê	Công ty CP Kỹ thuật NN I.FI
		Osago 80WG	Bọ phấn/sắn, rầy nâu/lúa, rầy chổng cánh/ phật thủ	Công ty Cổ phần BVTV Sài Gòn
		Phoppaway 80WG	Rệp muội/mía	Beijing Bioseen Crop Sciences Co., Ltd
		Vuachest 800WG	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH TAT Hà Nội
594	Nitenpyram 40% + Pymetrozine 30%	TT Led 70WG	Rầy nâu, sâu đục thân, sâu cuốn lá, rầy lưng trắng/lúa; mọt đục quả, rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH TM Tân Thành
595	Nitenpyram 30% (300g/kg) + Pymetrozine 40% (400g/kg)	Laroma 70WG	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Long An
		Nisangold 700WP	Rầy nâu/lúa	Công ty CP Nông nghiệp HP
		Ramsing 700WP, 700WG	**700WP:** Rầy nâu/lúa, rệp sáp/cà phê **700WG:** Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Phú Nông
596	Nitenpyram 30% (50%) + Pymetrozine 40% (25%)	Lkset-up 70WG, 75WP	**70WG:** rầy nâu/lúa **75WP:** bọ trĩ, rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu

597	Nitenpyram 50% + Pymetrozin 25%	Nypydo 75WP	Rầy nâu/lúa	Công ty CP Đồng Xanh
598	Nitenpyram 400g/kg + Pymetrozine 200g/kg	Palano 600WP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Hóa nông Lúa Vàng
599	Nitenpyram 150 g/kg + Pymetrozine 450 g/kg	Titan 600WG	Rầy nâu/lúa	Công ty CP BVTV I TW
600	Nitenpyram 40% + Pymetrozine 40%	Auschet 80WP	Rầy nâu nhỏ/lúa	Công ty TNHH MTV Lucky
601	Nitenpyram 500g/kg + Pyriproxyfen (min 97%) 220g/kg	Supercheck 720WP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH An Nông
602	Nitenpyram 450g/kg + Tebufenozide 200g/kg + Thiamethoxam 100g/kg	Facetime 750WP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH An Nông
603	Nitenpyram 500 g/kg + Spiromesifen (min 97%) 200g/kg	Ang-Sachray 700WP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH An Nông
604	Novaluron (min 96%)	Rimon 10EC	Sâu tơ/bắp cải, sâu xanh da láng/lạc	Công ty TNHH Adama Việt Nam
		True 100EC	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Phú Nông
605	Oxymatrine	Vimatrine 0.6SL	Bọ trĩ, nhện đỏ, bọ xít muỗi/chè; sâu tơ/rau cải ngọt; ruồi hại lá/cải bó xôi; bọ phấn, sâu đục quả, sâu xanh da láng/cà chua; bọ xít muỗi/điều; sâu cuốn lá/lúa; bọ trĩ/dưa hấu	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
606	Permethrin (min 92%)	Army 10EC	Sâu khoang/đậu tương	Imaspro Resources Sdn Bhd
		Asitrin 50EC	Sâu khoang/lạc	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
		Clatinusa 500EC	Sâu keo/lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang

		Crymerin 50EC	Mọt đục cành, rệp sáp/cà phê; sâu khoang/lạc; sâu róm/điều; sâu đục thân, sâu cuốn lá, rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Việt Thắng
		Fullkill 50EC	Sâu cuốn lá/lúa	Forward International Ltd
		Galaxy 50EC	Sâu xanh/lạc, bọ xít muỗi/điều	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA
		Kilsect 10EC	Sâu khoang/lạc; bọ trĩ, sâu phao/lúa; rệp sáp/ cà phê; bọ xít muỗi, sâu róm/điều	Hextar Chemicals Sdn, Bhd
		Map-Permethrin 50EC	Sâu cuốn lá/lúa, bọ xít muỗi/điều, sâu đục quả/ đậu tương, sâu xanh da láng/lạc, rệp sáp/cà phê	Map Pacific PTE Ltd
		Megarin 50EC	Sâu xanh/đậu tương	Công ty TNHH TM Anh Thơ
		Patriot 50EC	Sâu khoang/đậu tương, sâu đục thân, sâu keo/lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Thạnh Hưng
		Peran 50EC	Sâu cuốn lá/lúa; sâu ăn tạp, sâu đục quả/đậu tương; bọ xít muỗi/điều	Công ty CP Lion Agrevo
		PER annong 100EW, 500EC	**100EW:** rệp sáp/cà phê, sâu cuốn lá/lúa **500EC:** bọ xít, sâu cuốn lá/lúa, sâu đục hoa/đậu tương, rệp vảy/cà phê	Công ty TNHH An Nông
		Perkill 50EC	Sâu xanh/đậu xanh; rệp sáp/cà phê; sâu cuốn lá nhỏ, bọ xít/lúa	Công ty TNHH UPL Việt Nam
		Permecide 50EC	Sâu khoang/lạc, bọ xít muỗi/điều, sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Đầu tư Hợp Trí
		Pernovi 50EC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Nông Việt
		Perthrin 50EC	Sâu khoang/đậu tương, sâu cuốn lá/lúa, bọ xít muỗi/điều, sâu ăn tạp/bông vải; rệp sáp/cà phê	Công ty CP Đồng Xanh
		Pounce 50EC	Sâu khoang/lạc	Công ty TNHH FMC Việt Nam

		Terin 50EC	Bọ xít muỗi/điều; rệp sáp/cà phê; sâu cuốn lá, bọ xít, sâu đục bẹ/lúa	Công ty TNHH TM Tân Thành
		Tigifast 10EC	Sâu khoang/đậu tương, sâu đục thân/lúa	Công ty CP Vật tư NN Tiền Giang
		Tungperin 50EC	Sâu cuốn lá nhỏ, bọ trĩ/lúa; sâu xanh da láng/ đậu xanh; dòi đục lá/đậu tương; sâu đục ngọn/ thuốc lá; rệp sáp/cà phê; bọ xít muỗi/điều; sâu đục thân/mía	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
607	Permethrin 100g/l + Profenofos 400g/l	Checksau TSC 500EC	Sâu cuốn lá/lúa, rệp sáp/cà phê	Công ty CP Lion Agrevo
608	Permethrin 100g/l + Quinalphos 250g/l	Ferlux 350EC	Sâu đục bẹ, sâu đục thân/lúa, rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng
609	Petroleum spray oil	Citrole 96.3EC	Rệp sáp, nhện đỏ/cam; sâu vẽ bùa, rệp muội/quýt	Total Fluides. (France)
		Dầu khoáng DS 98.8EC	Nhện đỏ, sâu vẽ bùa/cây có múi	Công ty CP Đồng Xanh
		DK-Annong Super 909EC	Rầy xanh/chè; rệp sáp/cà phê; nhện đỏ/cam	Công ty TNHH An Nông
		Medopaz 80EC	Bọ trĩ/chè; sâu vẽ bùa/cam	Kital Ltd.
		SK Enspray 99EC	Nhện đỏ/chè, cam; nhện lông nhung/nhãn, sâu hồng đục quả/bưởi	Công ty CP BVTV Sài Gòn
		Vicol 80EC	Rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
610	Phenthoate (Dimephenthoate) (min 92%)	Elsan 50EC	Sâu đục thân, sâu cuốn lá/lúa; rầy xanh, sâu ăn lá/thuốc lá; rệp/bông vải; sâu đục thân/ mía; sâu khoang/lạc; rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH Nissei Corporation Việt Nam
		Forsan 60EC	Sâu cuốn lá/lúa; sâu đục thân/ngô	Forward International Ltd
		Phetho 50EC	Sâu đục thân/lúa, ngô	Công ty CP Nông dược HAI
		Pyenthoate 50EC	Sâu đục thân/lúa	Longfat Global Co., Ltd.

		Vifel 50EC	Sâu xanh/lạc; sâu cuốn lá, bọ xít dài/lúa	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
611	Phosalone (min 93%)	Pyxolone 35EC	Bọ trĩ/lúa	Forward International Ltd
		Saliphos 35EC	Sâu cuốn lá/lúa, sâu keo/ngô, rệp sáp/cà phê, bọ xít muỗi/điều	Công ty CP BVTV Sài Gòn
612	Pirimicarb (min 95%)	Altis 50WP	Rệp muội/thuốc lá	Công ty CP Nicotex
		Ahoado 50WP	Rầy nâu/lúa, rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH TCT Hà Nội
613	Polyphenol chiết xuất từ Bồ kết (*Gleditschia australis)*, Hy thiêm (*Siegesbeckia orientalis)*, Đơn buốt (*Bidens pilosa)*, Cúc liên chi dại (*Parthenium hystherophorus)*	Anisaf SH-01 2SL	Rầy xanh, bọ xít muỗi/chè; sâu xanh, sâu tơ, sâu khoang/bắp cải, rau cải; sâu xanh, sâu khoang/dưa chuột; sâu khoang, muội đen, rệp đào/thuốc lá, sâu đục cuống quả/vải, rệp sáp/cà phê, hồ tiêu	Viện nghiên cứu đào tạo và tư vấn khoa học công nghệ (ITC)
614	Profenofos (min 87%)	Binhfos 50EC	Bọ trĩ/lúa; rệp, sâu khoang/bông vải; rệp/ngô	Bailing Agrochemical Co., Ltd
		Callous 500EC	Sâu khoang/đậu xanh, sâu đục thân/ngô, bọ trĩ/lúa	Công ty TNHH UPL Việt Nam
		Carina 50EC	Sâu cuốn lá/lúa, rệp sáp/cà phê	Sumitomo Corporation Vietnam LLC.
		Cleaver 45EC	sâu xanh da láng/lạc	Công ty TNHH Thuốc BVTV Bông Sen Vàng
		Nongiaphat 500EC	Sâu đục thân/lúa	Công ty TNHH TM Thái Phong
		Ronado 500EC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Omega
		Selecron® 500EC	Sâu xanh, sâu khoang, rệp, bọ trĩ, nhện đỏ/bông vải; sâu cuốn lá, rầy xanh/lúa; rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam

615	Profenofos 50g/l + Propargite 150g/l + Pyridaben 150g/l	Ducellone 350EC	Nhện đỏ/lạc, nhện gié/lúa	Công ty CP thuốc BVTV Việt Trung
		Newdive 350EC	Nhện đỏ/lạc, nhện gié/lúa	Công ty TNHH Thuốc BVTV LD Nhật Mỹ
616	Profenofos 450g/l + Thiamethoxam 100g/l	Thipro 550EC	Rầy lưng trắng, rầy nâu/lúa	Công ty CP Nông Tín AG
617	Profenofos 100 g/l + Thiamethoxam 147g/l	Tik wep 247EC	Rầy nâu/lúa, rệp sáp/cà phê	Công ty CP XNK Thọ Khang
618	Propargite (min 85%)	Atamite 73EC	Nhện đỏ/hoa hồng, cam; nhện gié/lúa	Công ty TNHH Việt Thắng
		Bigmite 73EC	Nhện đỏ/hoa hồng	Công ty CP Bigfive Việt Nam
		Comite® 73EC, 570EW	**73EC:** nhện đỏ/chè, cải bẹ xanh, lạc, cam, sắn; nhện gié/lúa **570EW:** nhện gié/lúa; nhện đỏ/chè, cam, lạc, sắn	Công ty TNHH UPL Việt Nam
		Daisy 57EC	Nhện đỏ/chè, cam	Công ty CP Nicotex
		Kamai 730EC	Nhện đỏ/cam	Công ty CP Hóa Nông Mỹ Việt Đức
		Saromite 57EC	Nhện đỏ/chè; nhện gié, bọ phấn/lúa, nhện lông nhung/nhãn	Công ty CP BVTV Sài Gòn
		Superrex 73EC	Nhện đỏ/cam	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
		Topspider 570EC	Nhện đỏ/hoa hồng	Công ty CP Nông dược Nhật Thành
619	Propargite 150g/l + Pyridaben 50g/l	Muteki 200EC	Sâu khoang/lạc	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
620	Propargite 300g/l + Pyridaben 200g/l	Proben super 500EC	Nhện gié/lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
621	Prothiofos (min 95%)	Sheba 50EW	Rệp sáp/cà phê, sâu keo mùa thu/ngô	Sinon Corporation, Taiwan

622	Pymetrozine (min 95%)	Bless 500WP	Rầy nâu, bọ xít/lúa	Công ty TNHH An Nông
		Checknp 70WG	Rầy nâu/lúa	Công ty CP SX Thuốc BVTV Omega
		Chelsi 50WG	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Thuốc BVTV Đồng Vàng
		Chess® 50WG	Rầy nâu, rầy lưng trắng, bọ phấn/lúa; bọ trĩ, rầy bông/xoài	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam
		Cheesapc 500WG	Rầy nâu/lúa	Công ty CP Quốc tế APC Việt Nam
		Cheestar 50WG	Rầy nâu/lúa, rầy bông/xoài, rầy xanh/chè	Công ty CP Nicotex
		Chersieu 50WG	Rầy nâu, bọ xít dài/lúa, rệp sáp giả/cà phê	Công ty TNHH Việt Thắng
		Chits 500WG	Rầy nâu/lúa	Công ty CP Nông dược Agriking
		Gepa 50WG	Rầy nâu/lúa	Công ty CP Đầu tư Hợp Trí
		F35 25WP	Rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH Tấn Hưng Việt Nam
		Hichespro 500WP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Sản phẩm Công nghệ cao
		Hits 50WG	Rầy nâu/lúa, nhện lông nhung/nhãn, rệp sáp/cà phê; rệp muội, bọ phấn/cải xanh	Công ty CP SX TM Bio Vina
		Jette 50WG	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH thuốc BVTV Mekong
		Longanchess 70WP, 700WG	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Long An
		Map sun 500WP	Rầy nâu/lúa	Map Pacific PTE Ltd
		Matoko 50WG	rầy nâu/lúa	Công ty CP Nông dược Việt Nam
		NBChestop 50WG	Bọ trĩ/hoa cúc	Công ty TNHH Nam Bắc

		Newchestusa 500WG	Rầy nâu/lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
		Oscare 100WP, 600WG	**600WG:** rầy nâu, bọ trĩ/lúa **100WP:** rệp bông xơ/mía, rầy nâu/lúa	Công ty CP BMC Vĩnh Phúc
		Sagometro 50WG	Rầu nâu/lúa	Công ty CP BVTV Sài Gòn
		Schezgold 500WG	Rầy xanh/chè, rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Hóa chất và TM Trần Vũ
		Scheccjapane super 750WG	Rầy nâu, bọ trĩ/lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
		TT-osa 50WG	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH - TM Tân Thành
623	Pymetrozine 40% + Spirotetramat 25%	Pimero 65WG	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Sunwa
624	Pymetrozine 65% + Thiamethoxam 5%	Chery 70WG	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH-TM Nông Phát
625	Pymetrozine 400g/kg + Thiamethoxam 200g/kg	Tvusa 600WP	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
626	Pymetrozine 300g/kg + Thiamethoxam 350g/kg	Topchets 650WG	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH hỗ trợ phát triển kỹ thuật và chuyển giao công nghệ
627	Pyrethrins	Bopy 14EC	Sâu tơ/bắp cải	Công ty CP Genta Thụy Sĩ
		Mativex 1.5EW	Rệp/bắp cải, thuốc lá, nho	Công ty TNHH Nông Sinh
		Nixatop 3.0 CS	Rệp muội, sâu tơ, sâu xanh/cải xanh; rầy xanh, bọ cánh tơ, bọ xít muỗi/chè; rầy nâu, bọ trĩ, sâu cuốn lá, sâu đục thân, sâu đục bẹ/lúa	Công ty CP Nicotex
628	Pyrethrins 2.5% + Rotenone 0.5%	Biosun 3EW	Rầy xanh, bọ cánh tơ, nhện đỏ, bọ xít muỗi/chè; sâu tơ/bắp cải; bọ nhảy/rau cải; bọ phấn/cà chua; bọ trĩ/dưa hấu, thuốc lá, nho	Công ty TNHH Nông Sinh

629	Pyridaben (min 95%)	Alfamite 150EC, 200WP	Nhện gié/lúa	Công ty TNHH Alfa (Sài Gòn)
		Bipimai 150EC	Nhện đỏ/hoa hồng	Côngty TNHH TM Bình Phương
		Coven 200EC	Nhện gié, sâu cuốn lá/lúa; rệp sáp/cà phê	Công ty CP Hóc Môn
		Dandy 15EC	Nhện gié/lúa	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA
		Dietnhen 150EC	Nhện gié/lúa, nhện đỏ/hoa huệ	Công ty CP VT Nông nghiệp Tiền Giang
		Koben 15EC	Bọ xít muỗi/điều; rệp/bông vải; nhện gié/lúa	Bailing Agrochemical Co., Ltd
		Massy 200EC	Sâu cuốn lá đầu đen/lạc	Shanghai Synagy Chemicals Co., Ltd.
		Ongtrum 200EC	Nhện gié/lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Long An
		Tifany 150EC	Nhện đỏ/hoa hồng	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
630	Pyridaben 150g/kg (150g/l) + Sulfur 250g/kg (350g/l)	Pyramite 400WP, 500SC	Nhện gié/lúa	Công ty TNHH Hóa chất và TM Trần Vũ
631	Pyridalyl (min 91%)	Sumipleo 10EC	Sâu tơ/bắp cải, sâu keo mùa thu/ngô	Công ty TNHH Hóa chất Sumitomo Việt Nam
		Ω-Dalyn 100SC	Sâu tơ/bắp cải, sâu xanh da láng/cà chua	Công ty TNHH MTV BVTV Omega
632	Pyridaphenthion (min 95%)	Difitox 200EC	Rệp bông xơ/mía	Công ty CP BVTV I TW
633	Pyriproxyfen (min 95%)	Permit 100EC	Rệp sáp/cà phê, tuyến trùng/hồ tiêu	Công ty TNHH Alfa (Sài Gòn)
		Sunlar 110EC	Sâu vẽ bùa/cam	Sundat (S) PTe Ltd

634	Pyriproxyfen 50g/l + Quinalphos 250g/l	Assassain 300EC	Nhện gié, sâu cuốn lá, bọ phấn trắng/lúa; sâu khoang/lạc, sâu xanh da láng/đậu tương; rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH An Nông
635	Pyriproxyfen 170g/l (350g/kg) + Tolfenpyrad (min 95%) 130g/l (250g/kg)	Bigsun 300EC, 600WP	**300EC:** rầy nâu/lúa **600WP:** rệp sáp/cà phê, rầy nâu, nhện gié, sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH An Nông
636	Quinalphos (min 70%)	Aquinphos 40EC	Rầy nâu/lúa	Công ty CP Nông nghiệp Việt Nam
		Faifos 5GR, 25EC	**5GR:** sâu đục thân/ngô, lúa **25EC:** rệp muội/thuốc lá, sâu khoang/lạc, rệp sáp/cà phê, sâu xanh/bông vải, sâu đục thân/lúa	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA
		Kinalux 25EC	Sâu khoang/lạc; sâu ăn tạp/đậu tương; rệp/cà phê; sâu phao, sâu cuốn lá, sâu đục bẹ, nhện gié/lúa; sâu đục ngọn/điều	Công ty TNHH UPL Việt Nam
		Methink 25EC	Sâu phao, nhện gié/lúa; rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
		Obamax 25EC	Sâu khoang/lạc; rệp sáp/cà phê; sâu phao đục bẹ, sâu cuốn lá, nhện gié/lúa	Công ty CP Tập đoàn Lộc Trời
		Peryphos 25EC	Sâu phao/lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
		Quiafos 25EC	Sâu đục bẹ, nhện gié, sâu cuốn lá/lúa; rệp sáp/cà phê; vòi voi đục nõn/điều; sâu khoang/đậu tương	Công ty CP Đồng Xanh
		Quilux 25EC	Sâu đục bẹ, nhện gié/lúa; sâu đục ngọn/điều, rệp sáp/cà phê	Công ty CP Thanh Điền
		Quintox 25EC	Sâu đục thân/lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
637	Quinalphos 230g/l + Thiamethoxam 40g/l	Inikawa 270EC	Sâu đục thân/lúa	Công ty CP Nông dược Việt Nam

638	Rotenone	Bin 25EC	Sâu cuốn lá/lúa, sâu đục quả/đậu xanh	Công ty TNHH đầu tư và phát triển Ngọc Lâm
		Dibaroten 5WP, 5SL, 5GR	**5WP:** sâu xanh/cải bẹ, dưa chuột **5WP, 5SL, 5GR:** sâu xanh da láng, sâu xanh, sâu tơ, rầy/cải xanh, cải bắp; rầy chổng cánh, nhện đỏ/bầu bí, dưa hấu, dưa chuột, cam, quýt; rệp muội, nhện đỏ/nho; rệp muội, nhện đỏ, sâu ăn lá/hoa - cây cảnh; nhện đỏ, rầy xanh, rệp vảy xanh, rệp sáp/chè, thuốc lá, cà phê, hồ tiêu; bọ nhảy, bọ xít, rệp/đậu xanh, đậu tương; rệp muội, nhện đỏ, rầy bông/xoài	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA
		Fortenone 5WP	Sâu tơ/bắp cải, sâu xanh/đậu tương	Forward International Ltd
		Limater 7.5EC	Sâu tơ/bắp cải; sâu xanh, bọ nhảy, rệp/cải xanh; rệp, nhện đỏ, sâu đục quả/ớt; rệp sáp/bí xanh; nhện đỏ/bí đỏ, hoa hồng; rệp, sâu khoang/ thuốc lá; sâu khoang/lạc; sâu xanh da láng, dòi đục lá/đậu tương; rầy xanh, nhện đỏ, bọ xít muỗi, bọ trĩ/chè; sâu vẽ bùa, rệp sáp, nhện đỏ/cam; bọ xít/nhãn; rệp/xoài; sâu đục quả/ vải; rệp sáp/na; sâu ăn lá/cây hồng; sâu róm/ổi	Công ty TNHH Vật tư NN Phương Đông
		Newfatoc 75WP, 75SL	Sâu cuốn lá, sâu đục thân, bọ trĩ, rầy nâu/lúa; sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/bắp cải; rệp/cải xanh; dòi đục lá/cà chua; sâu khoang/đậu tương; bọ trĩ, sâu xanh/dưa hấu; bọ cánh tơ, rầy xanh, nhện đỏ/chè; sâu vẽ bùa/cam; rầy bông/xoài	Công ty TNHH UPL Việt Nam
		Rinup 50EC, 50WP	Sâu tơ/bắp cải; sâu xanh da láng/súp lơ, lạc, đậu tương; sâu xanh/cà chua; dòi đục lá/dưa chuột; bọ trĩ/dưa hấu; rệp đào/thuốc lá; nhện đỏ/cam; rầy xanh, bọ cánh tơ/chè; sâu ăn hoa/xoài	Công ty TNHH An Nông

		Trusach 2.5EC	Sâu đục quả/đậu tương; nhện đỏ, sâu vẽ bùa/cam; sâu tơ/bắp cải; rệp muội/cải bẹ; bọ nhảy/rau cải; sâu cuốn lá/lúa; bọ trĩ, nhện đỏ/chè; rệp sáp/cà phê; sâu xanh da láng/ thuốc lá	Công ty TNHH Nam Bắc
		Vironone 2EC	Sâu tơ/cải thảo	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
639	Rotenone 5% (5 g/l) (5g/l) + Saponin 14.5% (145g/l) (145 g/l)	Sitto-nin 15BR, 15EC, 15SL	**15BR:** tuyến trùng/bắp cải, cà phê; bọ hung/ mía, ốc bươu vàng/lúa **15EC:** tuyến trùng/bắp cải, cà phê; bọ hung/mía **15SL:** ốc bươu vàng/lúa	Công ty TNHH Sitto Việt Nam
640	Rotenone 2.5% + Saponin 2.5%	Dibonin 5WP, 5SL, 5GR	**5WP:** bọ nhảy, sâu xanh/cải xanh **5WP, 5SL, 5GR:** sâu xanh da láng, sâu xanh, sâu tơ, rầy/cải xanh, cải bắp; rầy chổng cánh, nhện đỏ/bầu bí, dưa hấu, dưa chuột, cam, quýt; rệp muội, nhện đỏ/nho; rệp muội, nhện đỏ, sâu ăn lá/hoa - cây cảnh; nhện đỏ, rầy xanh, rệp vảy xanh, rệp sáp/chè, thuốc lá, cà phê, hồ tiêu; bọ nhảy, bọ xít, rệp/đậu xanh, đậu tương; rệp muội, nhện đỏ, rầy bông/xoài	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA
641	Rotenone 2g/kg + Saponin 148g/kg	Ritenon 150BR, 150GR	Tuyến trùng/bắp cải, cà phê; bọ hung/mía	Công ty CP Quốc tế Agritech Hoa kỳ
642	Saponin	Map lisa 230SL	Sâu tơ/bắp cải, sâu xanh bướm trắng/rau cải, xử lý hạt giống trừ bệnh lúa von/lúa	Map Pacific Pte. Ltd.
643	Saponozit 46% + Saponin acid 32%	TP-Thần Điền 78SL	Rệp sáp, rệp vảy xanh, rệp nâu/cà phê, xoài; rệp muội/nhãn, vải; rệp/đậu tương; bọ trĩ/dưa chuột; rầy xanh, bọ cánh tơ, nhện đỏ/chè	Công ty TNHH Thành Phương
644	Sodium pimaric acid	Dulux 30EW	Rệp sáp/cà phê	Công ty CP Nicotex

645	Spinetoram (min 86.4%)	Radiant® 60SC	Sâu xanh da láng/hành, lạc, đậu tương; dòi đục lá, sâu đục quả, bọ trĩ/cà chua; bọ trĩ/dưa hấu, nho, xoài; bọ trĩ, dòi đục lá/ớt; sâu vẽ bùa/cây có múi; sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/bắp cải; bọ trĩ/hoa hồng, chè; bọ trĩ, sâu đục thân, sâu cuốn lá, sâu đục bẹ/lúa; sâu keo mùa thu/ngô	Công ty TNHH Corteva Agriscience Việt Nam
		Pineram 60SC	Sâu cuốn lá đầu đen/lạc, bọ xít lưới/hồ tiêu, bọ xít muỗi/điều	Công ty TNHH TM DV Thanh Sơn Hóa Nông
		Thor 60SC	Sâu cuốn lá/lúa, bọ trĩ/cà chua	Công ty TNHH TM & SX Ngọc Yến
646	Spinosad (min 85%)	Akasa 25SC, 250WP	Sâu đục thân, sâu cuốn lá, nhện gié, rầy nâu, sâu keo/lúa; sâu tơ, sâu xanh, rệp, bọ nhảy/bắp cải; sâu xanh da láng/hành, lạc; dòi đục lá, sâu đục quả/cà chua; sâu khoang/đậu tương; dòi đục quả/ổi; sâu đục quả/xoài	Công ty TNHH Wonderful Agriculture (VN)
		Automex 100EC, 250SC, 250WP	**100EC, 250WP:** Sâu cuốn lá, sâu đục thân/lúa **250SC:** Sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Nông dược Việt Nam
		Daiwansin 25SC	Sâu tơ/bắp cải	Công ty CP Futai
		Efphê 25EC, 250WP	Sâu đục thân, sâu cuốn lá, nhện gié/lúa; sâu tơ, sâu xanh bướm trắng/bắp cải	Công ty TNHH ADC
		Spicess 28SC	Sâu xanh/cà chua; sâu tơ/bắp cải	Công ty TNHH An Nông
		Spinki 25SC	Bọ xít hôi, bọ trĩ, rầy nâu, sâu cuốn lá, sâu keo lúa; sâu tơ, sâu xanh, rệp muội/bắp cải; sâu xanh, dòi đục lá, sâu khoang/cà chua; sâu xanh, rệp muội/đậu tương; rầy chổng cánh, sâu vẽ bùa, nhện đỏ/cam; rầy bông, sâu ăn bông, rệp vảy/xoài	Công ty TNHH Phú Nông

		Success 25SC	Sâu tơ/bắp cải; sâu xanh/cà chua; sâu xanh da láng/hành; ruồi đục quả/ổi, xoài	Công ty TNHH Corteva Agriscience Việt Nam
		Suhamcon 25SC, 25WP	Sâu tơ, sâu xanh bướm trắng, rệp muội, bọ nhảy sọc cong vỏ lạc/bắp cải; rệp muội, bọ nhảy, sâu xanh da láng/hành; sâu xanh, dòi đục lá/cà chua; sâu đục quả, rệp muội/đậu đũa; sâu xanh da láng/lạc	Công ty TNHH Sản phẩm Công nghệ Cao
		Wish 25SC	Sâu tơ, sâu xanh, rệp, bọ nhảy/bắp cải; sâu xanh, rệp, bọ nhảy/hành	Công ty CP Đồng Xanh
647	Spirodiclofen (min 98%)	Brinka 240SC	Nhện đỏ/hoa cúc	Công ty TNHH UPL Việt Nam
		Goldmite 240SC	Nhện đỏ/cam	Công ty CP Bigfive Việt Nam
		MDSpifendor 340SC	Nhện đỏ/hoa hồng	Công ty TNHH MTV Mạnh Đan
		Omega-Spidermite 24SC	Nhện đỏ/hoa hồng	Công ty TNHH MTV BVTV Omega
		Palman 150EC, 240SC	**150EC:** Nhện đỏ/hoa hồng, cam **240SC:** Nhện đỏ/hoa hồng	Công ty CP Long Hiệp
		Spiro 240SC	Nhện đỏ/quýt	Công ty TNHH TM Tùng Dương
		Yonlock 240SC	Nhện đỏ/cam, sanh	Yongnong Biosciences Co., Ltd.
		Wilson 240SC	Nhện đỏ/cam	Công ty CP NN HP
648	Spirotetramat (min 96%)	Aspiro 150OD	Rệp sáp/cà phê	Công ty CP BVTV Asata Hoa Kỳ
		Movento 150OD	Rệp muội/bắp cải, vải; bọ trĩ/chè; rệp sáp/ thanh long, nhãn, cà phê, cam, hồ tiêu, xoài, sầu riêng; sâu đục quả/cà chua; sâu tơ/bắp cải; sâu đục quả, rệp sáp/bưởi; bọ phấn/khoai tây	Bayer Vietnam Ltd (BVL)

649	Spirotetramat 150 g/l + Thiamethoxam 150 g/l	Tiramat 300SC	Rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH Gap Agro
650	Sulfoxaflor (min 95%)	Closer® 500WG	Rầy nâu/lúa, rệp/bông vải; rệp muội/đậu tương; rệp sáp/cà phê, hồ tiêu; rầy xanh/bông vải; bọ phấn trắng/lúa; rệp muội/ngô; bọ phấn/khoai tây	Công ty TNHH Corteva Agriscience Việt Nam
651	Sulfur	Bacca 80WG	Nhện đỏ/cam	Công ty CP Hóa chất NN I
		Sul-elong 80WG	Nhện gié/lúa	Công ty TNHH King Elong
		Sulfex 80WG	Nhện gié/lúa; nhện đỏ/cam	Excel Crop Care Ltd.
		Tramuluxjapane 80WG	Nhện đỏ/cam	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
652	Tebufenozide (min 98%)	Mimic® 20 SC	Sâu xanh da láng/thuốc lá, lạc; sâu cuốn lá, sâu đục thân/lúa	Sumitomo Corporation Vietnam LLC.
		Racy 20SC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Tập đoàn Lộc Trời
		Xerox 20SC	Sâu xanh da láng/đậu xanh	Công ty CP Nicotex
653	Tebufenpyrad 250g/kg (min 98%) + Thiamethoxam 250g/kg	Fist 500WP	Rầy nâu, nhện gié/lúa; bọ trĩ/hoa cúc; bọ xít lưới/hồ tiêu	Công ty TNHH - TM Tân Thành
654	Tetraniliprole (min 90%)	Vayego 200SC	Sâu tơ/bắp cải, sâu cuốn lá/lúa, sâu keo màu thu/ngô	Bayer Vietnam Ltd (BVL)
655	Thiacloprid (min 95%)	Calypso 240 SC	Bọ trĩ/lúa	Bayer Vietnam Ltd (BVL)
		Fentinat 48 SC	Bọ trĩ/lúa	Công ty TNHH BVTV Đồng Phát
		Hostox 480SC	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH - TM Tân Thành
		Koto 240SC	Sâu cuốn lá, sâu đục thân, rầy nâu/lúa; rệp sáp/cà phê; sâu đục quả/đậu tương;	Công ty CP BMC Vĩnh Phúc

		Zukop 480SC	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Á Châu Hóa Sinh
656	Thiamethoxam (min 95%)	Actara® 25WG	Rầy nâu, bọ trĩ/lúa; rệp sáp/cà phê; rệp/mía; bọ trĩ/điều; rệp/thuốc lá	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam
		Amira 25WG	Rầy nâu, rầy lưng trắng/lúa	Công ty CP Nicotex
		Anfaza 250WG, 350SC	**250WG:** bọ trĩ, rầy nâu/lúa; rệp sáp/cà phê **350SC:** bọ trĩ/lúa; rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH An Nông
		Apfara 25WG	Rầy nâu, bọ trĩ/lúa	Công ty TNHH TM Anh Thơ
		Asarasuper 500SC, 250WG	Rầy nâu/lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
		Dop 25WG	Bọ trĩ/hoa cúc	Công ty TNHH Master AG
		Hercule 25WG	Bọ trĩ/lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Long An
		Fortaras 25WG	Rầy nâu, bọ xít, bọ trĩ/lúa; rệp sáp, sâu đục cành/cà phê	Công ty TNHH Phú Nông
		Furacol 25WG	Rầy nâu/lúa	Công ty CP BVTV An Hưng Phát
		Impalasuper 25WG	Rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Nam Bộ
		Jiathi 25WP	Bọ trĩ/lúa	Công ty CP Jia Non Biotech (VN)
		Nofara 35WG, 350SC	**35WG:** bọ trĩ, rầy nâu/lúa **350SC:** rầy nâu/lúa	Công ty TNHH - TM Nông Phát
		Ranaxa 25WG	Rầy nâu/lúa	Công ty CP Đồng Xanh
		Tata 25WG, 355SC	**25WG:** rầy nâu, bọ trĩ/lúa; xử lý hạt giống trừ bọ trĩ/lúa; rệp sáp/cà phê **355SC:** rầy nâu/lúa, rệp sáp/cà phê	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
		Thiamax 25WG	Rầy nâu/lúa	Công ty CP Đầu tư Hợp Trí

		Thionova 25WG	Rầy nâu/lúa; rệp muội, rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH UPL Việt Nam
		Vithoxam 350SC	Rầy nâu/lúa; xử lý hạt giống trừ bọ trĩ/lúa; rệp sáp/cà phê	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
657	Thiodicarb (min 96%)	Click 75WP	Bọ trĩ, ốc bươu vàng, rầy nâu, sâu cuốn lá, sâu đục thân/lúa; sâu khoang/đậu tương; rệp sáp/cà phê	Công ty TNHH Phú Nông
		Ondosol 750WP	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH - TM Tân Thành
		Pontiac 800WG	Rệp sáp/cà phê	Rotam Asia Pacific Limited
		Supepugin 750WP	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH - TM Nông Phát
		Thio.dx 75WP	Sâu đục thân/lúa	Công ty CP Đồng Xanh
658	Triflumezopyrim (min 94%)	Pexena® 106SC, 20WG	**106SC:** rầy nâu, rầy lưng trắng, rầy nâu nhỏ/lúa **20WG:** rầy nâu/lúa	Công ty TNHH Corteva Agriscience Việt Nam
659	Thiosultap-sodium (Nereistoxin) (min 95%)	Acemo 180SL	Sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Trường Thịnh
		Apashuang 10GR, 18SL, 95WP	**10GR:** sâu đục thân/lúa, mía, ngô **18SL, 95WP:** sâu đục thân, bọ trĩ, sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH - TM Thái Nông
		Binhdan 10GR, 18SL, 95WP	**10GR:** sâu đục thân/lúa, mía, ngô **18SL:** rầy nâu, sâu đục thân, bọ trĩ, sâu keo, rầy xanh/lúa; sâu đục thân, rệp/ngô; sâu xanh/đậu tương; sâu đục thân, rệp/mía; rệp sáp/cà phê **95WP:** sâu cuốn lá, sâu đục thân, rầy nâu, rầy xanh/lúa; sâu xanh/đậu tương; rầy/bông vải; sâu đục thân/ngô, mía; sâu khoang/lạc; rệp sáp/cà phê	Bailing Agrochemical Co., Ltd

		Catodan 18SL, 90WP	**18SL:** sâu cuốn lá/lúa **90WP:** sâu cuốn lá/lúa, rệp/đậu tương	Công ty CP TST Cần Thơ
		Colt 95WP, 150SL	**95WP:** sâu phao/lúa **150SL:** sâu đục thân/lúa	Công ty TNHH ADC
		Dibadan 18SL, 95WP	**18SL:** bọ trĩ, rầy nâu, sâu đục thân/lúa; rệp bông xơ mía; rầy/bông vải; rệp/ngô **95WP:** sâu đục thân, sâu cuốn lá/lúa; sâu khoang/ngô; rầy/bông vải; rệp sáp/cà phê; rệp bông xơ/mía	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA
		Neretox 18SL, 95WP	**18SL:** sâu đục thân, sâu cuốn lá, bọ trĩ/lúa **95WP:** sâu đục thân, sâu cuốn lá, bọ trĩ/lúa; châu chấu tre lưng vàng/ngô, tre	Công ty CP BVTV I TW
		Netoxin 90WP	Sâu xanh/lạc; sâu cuốn lá, sâu đục thân/lúa	Công ty CP BVTV Sài Gòn
		Sát trùng đơn (Sát trùng đan) 5 GR, 18SL, 95WP	**5GR:** sâu đục thân/lúa **18SL:** sâu cuốn lá, bọ trĩ/lúa; sâu xanh/đậu tương **95WP:** sâu cuốn lá, sâu đục thân, bọ trĩ/lúa; sâu xanh/đậu tương	Công ty CP Nicotex
		Sadavi 18SL, 95WP	**18SL:** bọ xít, sâu cuốn lá/lúa **95WP:** sâu đục thân, sâu cuốn lá, bọ xít hôi/lúa	Công ty CP DV NN & PTNT Vĩnh Phúc
		Sanedan 95WP	sâu đục thân/lúa	Công ty TNHH Anh Dẩu Tiền Giang
		Shaling Shuang 180SL, 950WP	**180SL:** sâu đục thân/lúa **950WP:** sâu đục thân, sâu keo, sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
		Sha Chong Jing 95WP	Sâu đục thân/lúa	Công ty TNHH - TM Bình Phương
		Sha Chong Shuang 18SL, 50SP, 95WP	**18SL, 95WP:** sâu đục thân, sâu cuốn lá/lúa **50SP:** sâu đục thân lúa	Guizhou CUC INC. (Công ty TNHH TM Hồng Xuân Kiệt, Quý Châu, Trung Quốc)

		Taginon 18SL, 95WP	**18SL:** sâu đục thân, bọ trĩ, sâu cuốn lá/lúa **95WP:** rầy nâu, sâu đục thân, sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH - TM Tân Thành
		Tiginon 5GR, 18SL, 95WP	**5GR:** sâu đục thân/mía, lúa **18SL:** sâu đục thân/lúa, rệp sáp/cà phê **95WP:** sâu xanh/đậu xanh, sâu đục thân/lúa	Công ty CP Vật tư NN Tiền Giang
		Tungsong 18SL, 95WP	**18SL:** sâu đục thân, sâu cuốn lá/lúa **95WP:** sâu cuốn lá, sâu đục thân, bọ trĩ/lúa	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
		Vietdan 3.6GR, 29SL, 95WP	**3.6GR:** sâu đục thân/lúa **29SL:** bọ trĩ/lúa **95WP:** sâu cuốn lá, sâu đục thân/lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
		Vinetox 5GR, 18SL, 95SP	**5GR, 18SL:** sâu đục thân/lúa **95SP:** rệp sáp/cà phê; sâu đục thân, sâu cuốn lá/lúa	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
		Vi Tha Dan 18SL, 95WP	**18SL:** bọ trĩ, sâu đục thân lúa **95WP:** sâu đục thân, bọ trĩ, sâu cuốn lá/lúa	Công ty TNHH Việt Thắng
660	Verticillium chlamydosporium ZK7	Nematodie GR	Tuyến trùng/cà chua	Công ty CP Ace Biochem Việt Nam
2. Thuốc trừ bệnh:				
1	Ascorbic acid 2.5% + Citric acid 3.0% + Lactic acid 4.0%	Agrilife 100SL	Bạc lá, lem lép hạt/lúa; thán thư/xoài; thối nhũn vi khuẩn/bắp cải; thán thư/ớt; thán thư/thanh long; lúa von/lúa (xử lý hạt giống); đốm mắt cua/ớt, đốm lá/cà tím; héo xanh/mướp, cà tím	Công ty CP Đầu tư Hợp Trí
2	Acrylic acid 4% + Carvacrol 1%	Som 5SL	Đạo ôn, khô vằn, bạc lá/lúa; giả sương mai, mốc xám/dưa chuột, rau, cà; thán thư/ớt	Công ty TNHH Nam Bắc
3	Acrylic acid 40g/l + Carvacrol 10g/l	Stargolg 5SL	Khô vằn, bạc lá, lem lép hạt, đạo ôn/lúa; thán thư/ớt	Công ty CP Hóa Nông Mỹ Việt Đức
4	Acibenzolar-S-methyl (min 96%)	Bion 50 WG	Bạc lá/lúa	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam

5	Albendazole (min 98.8%)	Abenix 10SC	Đạo ôn, lem lép hạt, vàng lá vi khuẩn/lúa; vàng lá, thán thư/hồ tiêu	Công ty CP Nicotex
6	Albendazole 100g/kg + Tricyclazole 500g/kg	Masterapc 600WG	Lem lép hạt/lúa	Công ty CP Quốc tế APC Việt Nam
7	Amisulbrom (min 96.5%)	Gekko 20SC	Sương mai/cà chua, giả sương mai/dưa chuột, sưng rễ/bắp cải, xì mủ/sầu riêng, cam	Công ty TNHH Nissei Corporation Việt Nam
8	Anacardic acid	Amtech 100EW	Thối nhũn/cải thảo, đốm vòng/cà tím, giả sương mai/dưa chuột; thán thư/thanh long, vải; loét/cam; sương mai/cà chua	Công ty CP NN HP
9	Azoxystrobin (min 93%)	Amistar® 250 SC	Đốm vòng/cà chua, mốc sương, lở cổ rễ/khoai tây, thối quả/ca cao; sương mai, thán thư/dưa hấu; sương mai/cà chua; thán thư/ớt; đốm nâu/thanh long; thán thư/cam, xoài, vải	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam
		Azo-elong 350SC	Lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH King Elong
		Azony 25SC	Khô vằn, đạo ôn/lúa; sẹo (ghẻ nhám)/cam, thán thư/xoài	Công ty TNHH TM SX Ngọc Yến
		Envio 250SC	Lem lép hạt/lúa, đốm nâu/thanh long, thán thư/xoài, sương mai/dưa hấu	Công ty CP Đầu tư Hợp Trí
		Majestic 250SC	Thán thư hoa/xoài	Công ty TNHH MTV BVTV Thạnh Hưng
		Mission 250SC	Phấn trắng/hoa hồng	Công ty TNHH Western Agrochemicals
		Overamis 300SC	Thán thư/xoài; lem lép hạt, đạo ôn/lúa	Công ty TNHH Nam Bắc
		Sinstar 250SC	Đạo ôn/lúa	Sinon Corporation, Taiwan
		Sixoastrobin 25SC	Đốm lá/lạc	Công ty TNHH Sixon
		Star.dx 250SC	Khô vằn, đạo ôn, lem lép hạt/lúa; thán thư/ớt, xoài, dưa hấu	Công ty CP Đồng Xanh
		Trobin 250SC	Đạo ôn, khô vằn/lúa; thán thư/xoài; ghẻ nhám/cam	Công ty TNHH Phú Nông

10	Azoxystrobin 60g/l + Chlorothalonil 500g/l	Ameed Plus 560SC	Rỉ sắt/cà phê; thán thư/ớt, giả suong mai/dưa chuột; sương mai/cà chua	Jiangyin Suli Chemical Co., Ltd.
		Mighty 560SC	Sương mai/dưa chuột	Công ty TNHH Alfa (Sài Gòn)
11	Azoxystrobin 100g/l + Chlorothalonil 500g/l	Azoxygold 600SC	Lem lép hạt/lúa; đốm nâu/thanh long; sẹo/cam; thán thư/xoài	Công ty TNHH Hóa sinh Mùa Vàng
		Kata-top 600SC	Phấn trắng/hoa hồng	Công ty CP Hóa chất Nông nghiệp và Công nghiệp AIC
		Ortiva® 600SC	Thán thư/xoài; thán thư, đốm vòng/ớt; giả sương mai/dưa chuột; nấm hồng/cà phê; thán thư, sương mai/dưa hấu; thán thư, rỉ sắt/cà phê; thán thư, đốm vòng, sương mai/cà chua; đốm lá/cà chua; vàng rụng lá, nứt vỏ khô mủ/cao su	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam
12	Azoxystrobin 90g/l + Chlorothalonil 700g/l	Kempo 790SC	Sương mai/dưa hấu	Công ty TNHH Trường Thịnh
13	Azoxystrobin 200g/kg + Cyproconazole 75g/kg + Trifloxystrobin 250g/kg	Cyat 525WG	Lem lép hạt/lúa	Công ty CP Nông Tín AG
14	Azoxystrobin 200g/l + Difenoconazole 120g/l	Vitrobin 320SC	Đạo ôn/lúa	Công ty CP VTNN Việt Nông
15	Azoxystrobin 200g/l + Difenoconazole 125g/l	Adiconstar 325SC	Thán thư/cà phê	Shandong Weifang Rainbow Chemical Co., Ltd.
		Amistar Top® 325SC	Khô vằn, lem lép hạt, đạo ôn/lúa; chết cây con/lạc, phấn trắng/hoa hồng, phấn trắng, vàng lá/cao su; khô nứt vỏ/cao su; đốm lá lớn, gỉ sắt/ngô; thán thư/cà phê, hồ tiêu; khô vằn/ngô, rỉ sắt/cà phê	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam
		Amylatop 325SC	Đạo ôn, khô vằn, lem lép hạt/lúa; chết cây con/lạc, phấn trắng/cao su; vàng rụng lá/cao su, phấn trắng/hoa hồng	Công ty TNHH SX & KD Tam Nông

		Artivar Helmer 325SC	Nấm hồng/cao su	Công ty TNHH B.Helmer
		Asmaitop 325SC	Lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH Việt Thắng
		Azofenco 325SC	Lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH Kital
		Keviar 325SC	Đạo ôn, lem lép hạt, khô vằn/lúa	Công ty CP Đầu tư Hợp Trí
		Mastertop 325SC	Lem lép hạt/lúa; thán thư/cà phê, hồ tiêu; vàng rụng lá/cao su	Công ty CP Giải pháp NN Tiên Tiến
		Moneys 325SC	Lem lép hạt, đạo ôn/lúa; phấn trắng/hoa hồng	Công ty CP Nông nghiệp HP
		Ohho 325SC	Lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH Nam Bộ
		Phaybuc 325SC	Chết ẻo cây con/lạc	Công ty TNHH King Elong
		Star.top 325SC	Đạo ôn/lúa	Công ty CP Đồng Xanh
		Supreme 325 SC	Khô vằn, đạo ôn, lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH Alfa (Sài Gòn)
		Topmystar 325SC	Lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu
		TT-Over 325SC	Lem lép hạt, khô vằn/lúa; rỉ sắt/cà phê; thán thư/cà phê; vàng lá/khoai lang	Công ty TNHH - TM Tân Thành
		Trobin top 325SC	Đạo ôn, khô vằn, lem lép hạt/lúa; đốm nâu, lở cổ rễ/lạc; đốm lá/đậu tương; rỉ sắt, thán thư/cà phê; thối gốc/lạc; đốm vòng/khoai tây	Công ty TNHH Phú Nông
16	Azoxystrobin 255g/l + Difenoconazole 160g/l	Citeengold 415SC	Lem lép hạt/lúa	Công ty CP Lan Anh
17	Azoxystrobin (250g/l), (250g/kg) + Difenoconazole (250g/l), (250g/kg)	Amity top 500SC, 500SG	**500SC:** Khô vằn, đạo ôn, lem lép hạt, bạc lá/lúa; phấn trắng/cao su; rỉ sắt/cà phê **500SG:** Đạo ôn, khô vằn/lúa; rỉ sắt/cà phê	Công ty TNHH Việt Đức

18	Azoxystrobin 200g/l (400g/kg) + Difenoconazole 125g/l (250g/kg)	Myfatop 325SC, 650WP	**325SC:** đạo ôn, lem lép hạt/lúa **650WP:** lem lép hạt/lúa; nấm hồng/cà phê	Công ty TNHH An Nông
19	Azoxystrobin 10g/kg, (50g/kg), (200g/l) + Difenoconazole 200g/kg, (200g/kg), (125g/l)	Audione 210WP, 250WG, 325SC	**210WP, 250WG:** Lem lép hạt/lúa **325SC:** Đạo ôn, lem lép hạt/lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
20	Azoxystrobin 200 g/l + Difenoconazole 150g/l	Amass TSC 350SC	Lem lép hạt/lúa	Công ty CP Lion Agrevo
		Ara-super 350SC	Lem lép hạt, đạo ôn, khô vằn/lúa; rỉ sắt/cà phê; đốm lá/đậu tương; chết nhanh/hồ tiêu, sương mai/khoai tây	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
		Aviso 350SC	Lem lép hạt, đạo ôn/lúa, phấn trắng/cao su, thán thư/cà phê	Công ty CP Nông dược HAI
		Maxtatopgol 350SC	Phấn trắng/cao su	Công ty CP Quốc tế Agritech Hoa kỳ
		Mi stop 350SC	Lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH TM Nông Phát
21	Azoxystrobin 250g/l + Difenoconazole 150g/l	Anmisdotop 400SC	Lem lép hạt, đạo ôn, khô vằn/lúa	Công ty CP XNK Nông dược Hoàng Ân
		Asmiltatop Super 400SC	Lem lép hạt, đạo ôn/lúa	Công ty TNHH TM DV Nông Trang
		Azotop 400SC	Đạo ôn, lem lép hạt/lúa; thán thư/hồ tiêu	Công ty TNHH Thuốc BVTV MeKong
		Azosaic 400SC	Lem lép hạt/lúa	Công ty CP Hóa chất Nông nghiệp và Công nghiệp AIC
		Bi-a 400SC	Lem lép hạt, đạo ôn, khô vằn/lúa	Công ty TNHH TM DV Tấn Hưng

		Dovatop 400SC	Thán thư/điều, khoai môn; khô vằn, đạo ôn, lem lép hạt/lúa; khô quả/cà phê; nấm hồng, vàng rụng lá/cao su; chết nhanh/hồ tiêu	Công ty TNHH Thuốc BVTV Đồng Vàng
		Help 400SC, 400OD	**400SC:** lem lép hạt, khô vằn, đạo ôn, đốm nâu/lúa; thán thư/hồ tiêu, hoa hồng, cà phê **400OD:** Thán thư/hồ tiêu, cà phê	Công ty TNHH ADC
		Paramax 400SC	đạo ôn, khô vằn, lem lép hạt/lúa; rỉ sắt/ngô; đốm lá/ngô	Công ty TNHH TM & SX Ngọc Yến
		Upper 400SC	Lem lép hạt, đạo ôn/lúa, vàng rụng lá/cao su; thán thư/cà phê; nứt thân xì mủ/cao su; chết nhanh/hồ tiêu; lở cổ rễ/thuốc lá	Công ty TNHH TM DV SX XNK Đức Thành
22	Azoxystrobin 25% + Difenoconazole 15%	Uni-rich 40SC	Rỉ sắt/lạc, cà phê	Công ty TNHH World Vision (VN)
23	Azoxystrobin 200g/l + Difenoconazole 220g/l	Majetictop 420SC	Rỉ sắt/cà phê; lem lép hạt, đốm nâu/lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Thạnh Hưng
24	Azoxystrobin 250g/l + Difenoconazole 175g/l	Vk.Lasstop 425SC	Lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Omega
25	Azoxystrobin 325g/l + Difenoconazole 125g/l	Neoamistagold 450SC	Lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
26	Azoxystrobin 250g/l + Difenoconazole 200g/l	A zol 450SC	Đạo ôn/lúa, sương mai/khoai tây, thán thư/cà phê	Công ty TNHH Kiên Nam
		Toplusa 450SC	Đạo ôn/lúa	Công ty TNHH Vipes Việt Nam
27	Azoxystrobin 300g/l + Difenoconazole 150g/l	Jiadeporo 450SC	Lem lép hạt/lúa	Công ty CP Jianon Biotech (VN)
		Miligo 450SC	Lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH Nông Nghiệp Xanh
28	Azoxystrobin 270g/l + Difenoconazole 180g/l	Tilgent 450SC	Đạo ôn/lúa	Công ty CP Nông dược Việt Nam

29	Azoxystrobin 60g/kg + Difenoconazole 200g/kg + Dimethomorph 100g/kg	Novistar 360WP	Đạo ôn, lem lép hạt/lúa; chết nhanh/hồ tiêu	Công ty CP Nông Việt
30	Azoxystrobin 210 g/l + Difenoconazole 130 g/l + Hexaconazole 50g/l	Mitop one 390SC	Lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH TM Nông Phát
31	Azoxystrobin 200g/l + Difenoconazole 125g/l + Hexaconazole 50g/l	Curegold 375SC	Đạo ôn, khô vằn, lem lép hạt/lúa; khô cành khô quả/cà phê	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng
32	Azoxystrobin 200g/l + Difenoconazole 125g/l + Hexaconazole 100g/l	Starvil 425SC	Lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu
33	Azoxystrobin 200g/l + Difenoconazole 150g/l + Propiconazole 150g/l	Osaka-Top 500SE	Lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu
34	Azoxystrobin 200g/l + Difenoconazole 80 g/l + Tricyclazole 200g/l	Athuoctop 480SC	Lem lép hạt/lúa	Công ty CP Đầu tư TM & PT NN ADI
35	Azoxystrobin 200g/l + Difenoconazole 125g/l + Tricyclazole 200g/l	Mix Perfect 525SC	Đạo ôn, lem lép hạt, khô vằn/lúa; nấm hồng, vàng rụng lá/cao su; rỉ sắt/cà phê	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
36	Azoxystrobin 50g/l + Difenoconazole 250g/l + Tricyclazole 255g/l	Tilgermany super 555SC	Lem lép hạt, đạo ôn/lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
37	Azoxystrobin 20.1g/l (50g/kg) + Difenoconazole 12.6g/l (150g/kg) + Sulfur 294.3g/l (560g/kg)	Titanicone 327SC, 760WP	Lem lép hạt/lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung

38	Azoxystrobin 20% (200g/kg) + Dimethomorph 10% (100g/kg)	Azomor 300WG	Chết nhanh/hồ tiêu	Công ty CP BVTV Asata Hoa Kỳ
		Diabin 30WG	Sương mai/dưa hấu	Công ty TNHH MTV BVTV Omega
39	Azoxystrobin 20% + Dimethomorph 40%	Avatop 60WG	Sương mai/dưa hấu	Beijing Bioseen Crop Sciences Co., Ltd
40	Azoxystrobin 60g/kg + Dimethomorph 250g/kg + Fosetyl-aluminium 30g/kg	Map hero 340WP	Thán thư/cà chua; giả sương mai/dưa gang; mốc sương/nho; đốm vòng/bắp cải; thán thư, sương mai/dưa hấu; thối thân, đốm nâu/thanh long; sương mai/cà chua; nứt thân chảy nhựa/dưa hấu	Map Pacific Pte Ltd
41	Azoxystrobin 250 g/l (250g/kg) + Fenoxanil 200g/l (500g/kg)	Lk-Vill @ 450SC, 750WG	**450SC:** lem lép hạt/lúa **750WG:** đạo ôn/lúa	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu
42	Azoxystrobin 200g/kg (250g/l) + Fenoxanil 125g/kg (150g/l)	Omega 325WP, 400SC	**325WP:** đạo ôn/lúa; đốm vòng/hành, sẹo/cam **400SC:** đạo ôn, lem lép hạt/lúa; đốm vòng/hành; ghẻ nhám/cam; sương mai/bắp cải	Công ty TNHH Thuốc BVTV MeKong
43	Azoxystrobin 200g/l + Fenoxanil 200g/l	Trobin plus 400SC	Đạo ôn, lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH Phú Nông
44	Azoxystrobin 200g/l + Fenoxanil 200g/l + Hexaconazole 100g/l	Aha 500SC	Đạo ôn/lúa	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu
45	Azoxystrobin 30g/l (60g/kg) + Fenoxanil 200g/l (350g/kg) + Kasugamycin 30g/l (40g/kg)	Surijapane 260SC, 450WP	**260SC:** Đạo ôn/lúa **450WP:** Lem lép hạt, đạo ôn/lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
46	Azoxystrobin 200g/l + Fenoxanil 210g/l + Ningnanmycin 40g/l	Lazerusa 450SC	Đạo ôn/lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang

47	Azoxystrobin 10g/l + Fenoxanil 200g/l + Tebuconazole 150g/l	Chilliusa 360SC	Đạo ôn/lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
48	Azoxystrobin 15% + Fludioxonil 15%	Chamnuri 30SC	Phấn trắng/hoa hồng	Công ty TNHH Hỗ trợ PTKT và chuyển giao công nghệ
49	Azoxystrobin 150g/l (200g/l) + Flusilazole 150g/l (150g/l)	Willsuper 300EC, 350SC	Lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH TM DV Tấn Hưng
50	Azoxystrobin 12% + Flusilazole 8%	Fifatop 20SC	Rỉ sắt/cà phê	Công ty TNHH MTV BVTV Omega
51	Azoxystrobin 50g/l + Hexaconazole 100g/l	Camilo 150SC	Lem lép hạt, khô vằn, đốm nâu/lúa; nấm hồng, vàng rụng lá/cao su; rỉ sắt, nấm hồng/cà phê; thán thư/xoài, phấn trắng/cao su	Công ty TNHH ADC
		Hextop 150SC	Lem lép hạt, khô vằn/lúa; vàng rụng lá/cao su; thán thư/xoài	Công ty TNHH TM DV Việt Nông
		Ori 150SC	Vàng rụng lá/cao su	Công ty TNHH TM DV SX XNK Đức Thành
52	Azoxystrobin 50g/l + Hexaconazole 101g/l	Super cup 151SC	Nấm hồng/cà phê	Công ty TNHH TM DV Tấn Hưng
53	Azoxystrobin 200g/l + Hexaconazole 50g/l	Calox 250SC	Vàng rụng lá/cao su	Công ty TNHH TM SX Ngọc Yến
54	Azoxystrobin 10g/l (200g/kg) + Hexaconazole 60g/l (565g/kg)	Anforli 70SC, 765WG	**70SC:** Khô vằn/lúa **765WG:** Lem lép hạt/lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
55	Azoxystrobin 250g/l + Hexaconazole 70g/l	Acatop 320SC	Lem lép hạt/lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
56	Azoxystrobin 270g/l + Hexaconazole 90g/l	Fujivil 360SC	Sẹo/cam	Công ty Cổ phần Nông dược Việt Nam
57	Azoxystrobin 200g/l + Hexaconazole 40g/l + Tricyclazole 220g/l	King-cide Japan 460SC	Lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH TM Nông Phát

58	Azoxystrobin 10g/l + Hexaconazole 30g/l + Tricyclazole 220g/l	Avas Zin 260SC	Đạo ôn/lúa	Công ty TNHH TM DV Tấn Hưng
59	Azoxystrobin 200g/l + Hexaconazole 100g/l + Tebuconazole 50g/l	Acdino 350SC	Lem lép hạt, đạo ôn/lúa	Công ty TNHH Hóa Sinh Á Châu
60	Azoxystrobin 200 g/l + Isopyrazam 125 g/l	Reflect® Xtra 325 SC	Khô vằn, lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam
61	Azoxystrobin 200 g/l + Kasugamycin 50 g/l	Trobinsuper 250SC	Chết nhanh/hồ tiêu, thán thư/cà phê	Công ty TNHH Phú Nông
62	Azoxystrobin 50 g/kg + Mancozeb 700 g/kg	Fineluck 750WG	Khô vằn/lúa	Công ty TNHH UPL Việt Nam
63	Azoxystrobin 56g/l + Prochloraz 200g/l + Tebuconazole 100g/l	Almagor 356EC	Lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH Adama Việt Nam
64	Azoxystrobin 20% + Propiconazole 12%	Omega-Vil 32SC	Chết nhanh/hồ tiêu, đốm lá/đậu tương, rỉ sắt/ cà phê	Công ty TNHH MTV BVTV Omega
65	Azoxystrobin 20% + Propiconazole 15%	Bn-azopro 35SC	Lem lép hạt, đạo ôn, khô vằn/lúa; rỉ sắt/cà phê, phấn trắng/cao su	Công ty CP Bảo Nông Việt
66	Azoxystrobin 75g/l + Propiconazole 125g/l	Apropo 200SE	Lem lép hạt, đạo ôn, khô vằn/lúa	Công ty TNHH Adama Việt Nam
		Quilt 200SE	Đốm lá lớn/ngô; đạo ôn, khô vằn, lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam
67	Azoxystrobin 1g/l (130g/l), (100g/kg) (200g/kg) + Propineb 10g/l (10g/l), (300g/kg) (10g/kg) + Tebuconazole 260g/l (200g/l), (100g/kg) (550g/kg)	Amisupertop 271EW, 340SC, 500WP, 760WG	Lem lép hạt/lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung

68	Azoxystrobin 1g/l (260g/l), (50g/kg) + Sulfur 20g/l (10g/l), (460g/kg) + Tebuconazole 260g/l (60g/l), (250g/kg)	Topnati 281EW, 330SC, 760WP	Lem lép hạt/lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
69	Azoxystrobin 80 g/l + Tebuconazole 160 g/l	Buxyzole 240SC	Thán thư/cà phê	Rotam Asia Pacific Co. Ltd.
70	Azoxystrobin 20% + Tebuconazole 30%	Omega-mytop 50SC	Đốm lá đậu tương, rỉ sắt/cà phê, chết nhanh/ hồ tiêu	Công ty TNHH MTV BVTV Omega
71	Azoxystrobin 120g/l + Tebuconazole 200g/l	Custodia 320SC	Đạo ôn, khô vằn/lúa; thán thư/hồ tiêu	Công ty TNHH Adama Việt Nam
72	Azoxystrobin 200g/l (450g/kg) + Tebuconazole 200g/l (350g/kg)	Lotususa 400SC, 800WG	**400SC:** lem lép hạt/lúa **800WG:** Khô vằn/lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
73	Azoxystrobin 400g/kg + Tebuconazole 100g/kg	Maxxa 500WG	Đạo ôn; lem lép hạt, khô vằn/lúa	Công ty TNHH TM DV Tấn Hưng
74	Azoxystrobin 300g/kg + Tebuconazole 500g/kg	Natiduc 800WG	Đạo ôn, khô vằn, lem lép hạt/lúa; gỉ sắt/cà phê	Công ty TNHH Việt Đức
75	Azoxystrobin 260g/l (100g/kg) + Tebuconazole 60g/l (350g/kg)	Natigold 320SC, 450WG	**320SC:** lem lép hạt, đạo ôn/lúa **450WG:** lem lép hạt, đạo ôn/lúa	Công ty CP thuốc BVTV Việt Trung
76	Azoxystrobin 250g/kg + Tebuconazole 500g/kg	Ameed top 750WG	Lem lép hạt, khô vằn/lúa; đốm lá/lạc, phấn trắng/hoa hồng,	Jiangyin Suli Chemical Co., Ltd.
77	Azoxystrobin 0.2g/kg (100g/l), (10g/kg) + Tricyclazole 79.8g/kg (225g/l), (750g/kg)	Verygold 80WP, 325SC, 760WG	**80WP, 760WG:** Đạo ôn/lúa **325SC:** Lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH Thuốc BVTV LD Nhật Mỹ
78	Azoxystrobin 100g/l + Tricyclazole 225 g/l	Staragro 325SC	Khô vằn/lúa	Công ty CP Đồng Xanh

79	Azoxystrobin 30 g/l (50g/kg) + Tricyclazole 370g/l (750g/kg)	Azobem 400SC, 800WP	Đạo ôn/lúa	Công ty TNHH Hóa Chất và Thương Mại Trần Vũ
80	Azoxystrobin 20g/l + Tricyclazole 400g/l	Top-care 420SC	Đạo ôn/lúa	Công ty CP Khử trùng Nam Việt
81	Azoxystrobin 60g/l + Tricyclazole 400g/l	Roshow 460SC	Đạo ôn/lúa	Công ty CP Đầu tư TM & PT NN ADI
82	Azoxystrobin 15g/kg + Tricyclazole 745g/kg	Bemjapane 760WP	Đạo ôn/lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
83	Azoxystrobin 10g/kg + Tricyclazole 800g/kg	Be-amusa 810WP	Đạo ôn/lúa	Công ty TNHH TM DV Nông Trang
84	Azoxystrobin 200g/l + Tricyclazole 300g/l	Altista top 500SC	Đạo ôn/lúa	Công ty TNHH Nam Bắc
85	Azoxystrobin 20% + Thifluzamide 5%	Tvazomide 25WP	Thán thư/cà phê	Công ty TNHH Vbook Hoa Kỳ
86	Bạc Nano 1g/l + Chitosan 25g/l	Nano Kito 2.6SL	Nấm hồng/cao su	Công ty TNHH Ngân Anh
87	*Bacillus subtilis*	Ace Bacis 111WP	Đạo ôn/lúa, mốc xám/cà chua, phấn trắng/dưa chuột	Công ty CP ACE Biochem Việt Nam
		Balus 111WP	Đạo ôn/lúa, phấn trắng/dưa chuột	Công ty TNHH Á Châu Hóa Sinh
		Biobac WP	Héo xanh/cà chua; phấn trắng/dâu tây; thối rễ/súp lơ, sưng rễ/bắp cải; vàng lá thối rễ/cam; héo xanh vi khuẩn/ớt, hoa cúc	Bion Tech Inc.,
		BioniteWP	Đốm phấn vàng, phấn trắng/dưa chuột, bí xanh; sương mai/nho; mốc sương/cà chua; biến màu quả/vải; héo vàng, chết cây con/lạc; đen thân/thuốc lá; đạo ôn, lem lép hạt/lúa; bệnh còng, chết cây con/hành tây	Công ty TNHH Nông Sinh
		Moti-V 100WP	Mốc xám/cà chua	Công ty TNHH TM Hải Thụy

		Rebaci 100WP	Vàng lá thối rễ/cam, quýt	Công ty TNHH TM DV Thanh Sơn Hóa Nông
		Subtial 100WP	Khô vằn/lúa	Công ty CP Nông dược HAI
88	*Bacillus amyloliquefaciens (Bacillus subtilis)* QST 713	Serenade SC	Thối đen/bắp cải; loét/cam; đạo ôn/lúa; sương mai/hành; đốm vòng/cà chua, phấn trắng/dưa chuột	Bayer Vietnam Ltd (BVL)
89	*Bacillus amyloliquefaciens* AT-332	Miyabi WG	Phấn trắng/ớt chuông, dưa lưới	Công ty TNHH Việt Thắng
90	Bemystrobin (min 98%)	Bemy 100SC	Đạo ôn/lúa	Công ty TNHH Á Châu Hóa Sinh
91	Benalaxyl (min 94%)	Dobexyl 50WP	Giả sương mai/dưa hấu, đốm lá/đậu tương	Công ty CP Đồng Xanh
92	Benthiavalicarb-isopropyl (min 91%)	Hida 15WG	Mốc sương/dưa chuột, sương mai/khoai tây	Sumitomo Corporation Vietnam LLC.
93	Benthiavalicarb 1.75% + Mancozeb 70.0%	Valbon 71.75WG	Sương mai/cà chua, chết nhanh/hồ tiêu	Sumitomo Corporation Vietnam LLC.
94	Berberine	Antiba 4SL	Đốm góc cạnh/cà chua	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
95	Bismerthiazol (Sai ku zuo) (min 90%)	Agpicol 200WP	Bạc lá/lúa	Công ty CP BVTV An Hưng Phát
		Anti-xo 200WP	Bạc lá, thối gốc vi khuẩn/lúa, loét vi khuẩn/cam; thối đen vi khuẩn/bắp cải; đốm lá vi khuẩn/cà chua, đậu tương; héo xanh vi khuẩn/ớt; đốm đen vi khuẩn/xoài	Công ty TNHH Phú Nông
		Asusu 20WP	Bạc lá/lúa, loét/cam	Công ty TNHH - TM Thái Nông
		Benita 250WP	Bạc lá/lúa	Công ty CP Nông nghiệp HP
		Diebiala 20SC	Bạc lá/lúa, xì mủ/xoài	Công ty TNHH Thuốc BVTV Đồng Vàng

		Kadatil 300WP	Bạc lá/lúa	Công ty TNHH TM Nông Phát
		Sasa 25WP	Bạc lá/lúa	Guizhou CUC INC. (Công ty TNHH TM Hồng Xuân Kiệt, Quý Châu, Trung Quốc)
		Sansai 200WP	Bạc lá/lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
		TT-atanil 250WP	Bạc lá/lúa	Công ty CP Delta Cropcare
		TT Basu 250WP	Bạc lá/lúa; thối nhũn/bắp cải; héo rũ/khoai lang; đốm lá vi khuẩn/hành	Công ty TNHH - TM Tân Thành
		VK. Sakucin 25WP	Bạc lá/lúa	Công ty TNHH Á Châu Hóa sinh
		Xanthomix 20WP	Bạc lá/lúa	Công ty CP Nicotex
		Xiexie 200WP	Bạc lá/lúa	Công ty TNHH TM Bình Phương
		Zeppelin 200WP	Bạc lá/lúa, phấn trắng/hoa hồng	Công ty TNHH Đầu tư và PT Ngọc Lâm
96	Bismerthiazol 15% + Copper hydroxide 60%	TT-Tafin 75WP	Bạc lá/lúa	Công ty TNHH TM Tân Thành
97	Bismerthiazol 350 g/kg + Fenoxanil 450 g/kg	Broken 800WP	Nấm hồng/cà phê	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
98	Bismerthiazol 250g/kg + Fenoxanil 400g/kg + Sulfur 100g/kg	Bikin 750WP	Đạo ôn/lúa	Công ty TNHH An Nông
99	Bismerthiazol 150g/kg + Gentamicin sulfate 15g/kg + Streptomycin sulfate 50g/kg	ARC-clench 215WP	Bạc lá, lép vàng vi khuẩn/lúa; héo rũ/hồ tiêu; đốm đen xì mủ/xoài	Công ty TNHH TM & SX Ngọc Yến
		Riazor 215WP	Bạc lá/lúa	Công ty CP Nông dược Nhật Việt

100	Bismerthiazol 150g/l + Hexaconazole 450g/l	TT-bemdex 600SC	Khô vằn, bạc lá/lúa; thán thư, nấm hồng/cà phê	Công ty TNHH TM Tân Thành
101	Bismerthiazol 190 g/kg + Kasugamycin 10g/kg	Probicol 200WP	Bạc lá/lúa	Công ty TNHH TM Nông Phát
102	Bismerthiazol 290g/kg (475g/l) + Kasugamycin 10g/kg (25g/l)	Nanowall 300WP, 500SC	Bạc lá/lúa	Công ty TNHH UPL Việt Nam
103	Bismerthiazol 200g/kg + Oxytetracycline hydrochloride 20g/kg	Tokyo-Nhật 220WP	Bạc lá/lúa	Công ty TNHH Anh Dẩu Tiền Giang
104	Bismerthiazol 200g/kg + Oxolinic acid 200g/kg	Captivan 400WP	Bạc lá/lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Thạnh Hưng
		Longantivo 400WP	Bạc lá/lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Long An
105	Bismerthiazol 200 g/kg + Streptomycin sulfate 50g/kg	Probencarb 250WP	Bạc lá/lúa	Công ty TNHH TM Nông Phát
106	Bismerthiazol 150g/kg + Tecloftalam 100g/kg	Kasagen 250WP	Bạc lá/lúa	Công ty TNHH Việt Thắng
		Sieu sieu 250WP	Bạc lá/lúa; đốm sọc vi khuẩn/lúa, ngô	Công ty TNHH TM & SX Ngọc Yến
107	Bismerthiazol 250g/kg + Tricyclazole 550g/kg	Bitric 800WP	Đạo ôn/lúa	Công ty TNHH TM DV Việt Nông
108	Bismerthiazol 400g/kg, + Tricyclazole 375g/kg	Antigold 775WP	Đạo ôn, bạc lá/lúa	Công ty CP SX TM Bio Vina
109	Bismerthiazol 300g/kg + Tricyclazole 500g/kg	Bimplus 800WP	Đạo ôn/lúa	Công ty TNHH An Nông
		Tigondiamond 800WP	Bạc lá, đạo ôn/lúa	Công ty CP NN HP
110	Bismerthiazol 200g/kg + Tricyclazole 400g/kg + Sulfur 200g/kg	Antimer-so 800WP	Bạc lá, đạo ôn/lúa	Công ty TNHH TM DV Nông Trang

111	Bordeaux mixture (min 83.05%)	BM Bordeaux M 25WP	Sương mai/cà chua, rỉ sắt/cà phê, sẹo/cam, tảo đỏ/hồ tiêu, vàng rụng lá/cao su, thán thư/điều	Công ty TNHH Ngân Anh
		IC-Top 28.1SC	Loét vi khuẩn/cam; sương mai/nho	Công ty TNHH Xây dựng Thành Phát
112	Boscalid (min 96%)	Ac-Bosca 300SC	Đạo ôn/lúa	Công ty TNHH Hóa Sinh Á Châu
		Bosstar 25SC	Phấn trắng/nho	Beijing Bioseen Crop Sciences Co., Ltd
		Entry 500WG	Thối quả/xoài	Công ty TNHH Alfa (Sài Gòn)
		Kimono.apc 50WG	Sương mai/đậu tương	Công ty CP Nông dược Việt Nam
		MDBosdan 500WG	Thán thư/tiêu	Công ty TNHH MTV Mạnh Đan
		Wasaki 250SC	Đạo ôn/lúa	Công ty TNHH TCT Hà Nội
113	Boscalid 25% + Pyraclostrobin 10%	Mustang 35SC	Thán thư/hồ tiêu	Công ty CP Khử trùng Việt Nam
114	Boscalid 25.2% + Pyraclostrobin 12.8%	Bibos 380SC	Sẹo/cam, đạo ôn/lúa	Công ty TNHH Á Châu Hóa Sinh
		Lessick 38WG	Thán thư/ớt	Shandong Weifang Rainbow Chemical Co., Ltd.
115	Boscalid 252 g/l + Pyraclostrobin 128 g/l	Boss-B 380SC	Đạo ôn/lúa	Công ty TNHH Hóa Sinh Á Châu
		Bostrobin 380SC	Rỉ sắt/cà phê	Công ty CP BVTV Asata Hoa Kỳ
116	Bromothalonil (min 95%) 370 g/kg + Myclobutanil 130 g/kg	Ang-Sachbenh 500WP	Lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH An Nông

117	Bronopol (min 99%)	Totan 200WP	Bạc lá, lép vàng/lúa	Công ty CP Tập đoàn Lộc Trời
		Xantocin 40WP	Bạc lá, thối gốc do vi khuẩn/lúa; chết chậm/ hồ tiêu	Công ty CP Khử trùng Việt Nam
		TT-biomycin 40.5WP	Bạc lá, lem lép hạt do vi khuẩn/lúa	Công ty TNHH TM Tân Thành
118	Bronopol 450g/kg + Salicylic acid 250g/kg	Sapol 700WP	Bạc lá, thối bẹ/lúa; héo xanh vi khuẩn/lạc	Công ty TNHH TM DV Thanh Sơn Hóa Nông
		Sieukhuan 700WP	Bạc lá/lúa	Công ty TNHH An Nông
119	Bupirimate (min 98%)	Ω-Buri 25ME	Đạo ôn/lúa, giả sương mai/dưa chuột	Công ty TNHH MTV BVTV Omega
120	Calcium Polysulfide	Lime Sulfur	Phấn trắng/nho, sương mai/dưa chuột	Công ty TNHH ADC
121	Carpropamid (min 95%)	Newcado 300SC	Đạo ôn/lúa	Công ty TNHH An Nông
122	Carvacrol 0.1% + Eugenol 2%	Senly 2.1SL	Bạc lá, khô vằn/lúa; phấn trắng/bí xanh; giả sương mai/dưa chuột; sương mai/cà chua; thán thư/ớt	Công ty TNHH Trường Thịnh
123	Chaetomium cupreum	Ketomium 1.5 x 10^6 Cfu/g bột	Thối rễ, thối thân/cà phê, hồ tiêu; đạo ôn/lúa; héo rũ/cà chua; đốm lá, phấn trắng/cây hồng	Viện Di truyền nông nghiệp
124	Chaetomium sp. 1.5 x 10^6 cfu/ml + Trichoderma sp 1.2 x 10^4 cfu/ml	MocabiSL	Sưng rễ, héo vàng/bắp cải; héo vàng/cà chua; thối gốc, thối lá/hành tây; lem lép hạt/lúa; thối gốc/hồ tiêu; nấm hồng/cao su	Công ty TNHH Nông Sinh
125	Chitosan	Fusai 50SL	Đạo ôn, bạc lá/lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
		Jolle 1SL, 50WP	Đạo ôn, lem lép hạt/lúa; tuyến trùng/bí xanh, cà phê, hồ tiêu; thối quả/vải, xoài	Công ty TNHH MTV BVTV Omega
		Kaido 50SL, 50WP	Đạo ôn, lem lép hạt/lúa; tuyến trùng/bí xanh, cà phê, hồ tiêu; thối quả/xoài, vải	Công ty TNHH Thuốc BVTV LD Nhật Mỹ

		Stop 5SL, 15WP	**5SL:** tuyến trùng/cà rốt, cà chua, thanh long, hoa huệ, xà lách; héo dây, cháy lá, thối rễ, thối gốc/dưa hấu; đạo ôn, khô vằn/lúa **15WP:** tuyến trùng/cà rốt; sương mai/dưa chuột; đốm nâu, đốm xám, thối búp do nấm bệnh, thối rễ do nấm bệnh và tuyến trùng/chè	Công ty TNHH Ngân Anh
		Thumb 0.5SL	Bạc lá, khô vằn, đạo ôn/lúa; phấn trắng/bí xanh; giả sương mai/dưa chuột; sương mai/cà chua; thán thư/ớt; tuyến trùng/cà phê, hồ tiêu; chết nhanh/hồ tiêu	Công ty TNHH Nam Bắc
		Tramy 2SL	Tuyến trùng/cải xanh, xà lách, bầu bí, cà phê, hồ tiêu, chè, hoa cúc; tuyến trùng, bệnh héo rũ, lở cổ rễ/cà chua; tuyến trùng, mốc sương/ dưa hấu; héo rũ/lạc; đạo ôn, tuyến trùng/lúa; đốm lá/ngô; thối quả/vải, xoài; mốc xám/xà lách	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA
		Vacxilplant 8SL	Đạo ôn, lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH TM - SX Phước Hưng
		Yukio 50SL	Đạo ôn, khô vằn, bạc lá, lem lép hạt/lúa; thối đen/bắp cải; thối nhũn/hành	Công ty TNHH MTV Gold Ocean
126	Oligo-Chitosan	Rizasa 3SL	Đạo ôn, lem lép hạt, kích thích sinh trưởng/ lúa; thối ngọn, kích thích sinh trưởng/mía; kích thích sinh trưởng/chè; mốc xám/quả, kích thích sinh trưởng/dâu tây; phấn trắng, rỉ sắt, kích thích sinh trưởng/đậu Hà lan; mốc sương, kích thích sinh trưởng/cà chua	Công ty TNHH Ngân Anh
127	Chitosan 5g/l + Kasugamycin 20g/l	Premi 25SL	Lem lép hạt, đạo ôn/lúa	Công ty TNHH Thuốc BVTV LD Nhật Mỹ
128	Chitosan tan 0.5% + nano Ag 0.1%	Mifum 0.6SL	Đạo ôn, lem lép hạt/lúa	Viện Khoa học vật liệu ứng dụng
129	Chitosan 10g/l (10g/kg)+ Ningnanmycin 10g/l (17g/kg)	Hope 20SL, 27WP	Bạc lá, lem lép hạt/lúa; thán thư/vải	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung

130	Chitosan 20g/kg + Nucleotide 5g/kg	Daone 25WP	Thán thư quả/vải; lem lép hạt, đạo ôn/lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
131	Chitosan 2% + Oligo-Alginate 10%	2S Sea & See 12WP, 12SL	**12WP:** đốm vòng/cà rốt; thối đen vi khuẩn/ súp lơ xanh; rỉ sắt/hoa cúc; kích thích sinh trưởng/cải xanh, chè; đốm nâu, đốm xám/chè **12SL:** đốm vòng/cà rốt; thối đen vi khuẩn/ bắp cải; rỉ sắt/hoa cúc; kích thích sinh trưởng/ cải xanh	Công ty TNHH Ngân Anh
132	Chitosan 19g/kg + Polyoxin 1g/kg	Starone 20WP	Đạo ôn, lem lép hạt, khô vằn/lúa; phấn trắng/ xoài; lở cổ rễ/bắp cải, thối búp/chè	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
133	Chitosan 1g/l (1g/kg) + Polyoxin B 20g/l (21g/kg)	Stonegold 21SL, 22WP	**21SL:** Đạo ôn, lem lép hạt/lúa **22WP:** Đạo ôn, bạc lá/lúa; thán thư/vải	Công ty TNHH Thuốc BVTV LD Nhật Mỹ
134	Chlorobromo isocyanuric acid (min 85%)	Hỏa tiễn 50 SP	Bạc lá/lúa	Công ty CP BVTV Sài Gòn
135	Chlorothalonil (min 98%)	Agronil 75WP	Khô vằn/lúa, sương mai/dưa hấu	Công ty CP Jia Non Biotech (VN)
		Anhet 75WP	Giả sương mai/dưa hấu, đốm lá/hành	Công ty CP Futai
		Arygreen 75WP, 500SC	**75WP:** đốm vòng/cà chua; sương mai/dưa hấu, vải thiều; đốm lá/hành; thán thư/xoài, điều **500SC:** thán thư/điều, xoài; đốm lá/hành, lạc; giả sương mai/dưa hấu; sương mai/cà chua, vải; chết rạp cây con/ớt, ghẻ sẹo/cam	Arysta LifeScience Vietnam Co., Ltd
		Binhconil 75WP	Đốm lá/lạc; đốm nâu/thuốc lá; khô vằn/lúa; thán thư/cao su	Bailing Agrochemical Co., Ltd
		Chionil 750WP	Thán thư/xoài; đốm lá/hành; đốm vòng/cà chua; giả sương mai/dưa chuột; chết cây con/ớt	Công ty CP Nông nghiệp HP
		Clearner 75WP	Sương mai/dưa hấu	Shandong Weifang Rainbow Chemical Co., Ltd.
		Cornil 75WP, 500SC	Sương mai/khoai tây	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình

		Daconil 75WP, 500SC	**75WP:** phấn trắng/cà chua, hoa hồng, dưa chuột; đốm lá/hành, chè; bệnh đổ ngã cây con/bắp cải, thuốc lá; đạo ôn, khô vằn/lúa; thán thư/vải, ớt, xoài; sẹo, Melanos/cam; mốc sương/khoai tây; thán thư/chanh leo, thanh long; giả sương mai/dưa hấu; mốc sương/cà chua, sương mai/khoai tây **500SC:** đốm lá/lạc; thán thư/xoài, chè dưa hấu, nhãn; sương mai/cà chua; giả sương mai/dưa chuột; đạo ôn, khô vằn, lem lép hạt/lúa; phấn trắng/nho, vải; sẹo, Melanos/ cam; mốc sương/khoai tây; thán thư/chanh leo; sương mai/súp lơ; sương mai, thán thư/đậu côve; đốm lá/cà tím; đốm mắt cua/mồng tơi, ớt; lở cổ rễ/rau cải, su hào; mốc xám/rau cải; phấn trắng/ớt; rỉ sắt/đậu đũa; sương mai/đậu đũa, mướp, rau cải; thán thư/đậu đũa; thối cổ rễ/mồng tơi; rỉ trắng/rau muống, rỉ sắt/đậu cô ve	Công ty TNHH Việt Thắng
		Damssi 720SC	Giả sương mai/dưa chuột	Công ty CP Cửu Long
		Duruda 75WP	Sương mai/dưa hấu	FarmHannong Co., Ltd.
		Forwanil 50SC, 75WP	**50SC:** khô vằn/lúa, rỉ sắt/cà phê **75WP:** đốm vòng/cà chua, đốm nâu/lạc, sương mai/bắp cải	Forward International Ltd
		Fungonil 75WP	Thán thư/cam	Công ty TNHH Việt Hóa Nông
		Rothanil 75WP	Rỉ sắt/lạc	Guizhou CUC INC. (Công ty TNHH TM Hồng Xuân Kiệt, Quý Châu, Trung Quốc)
		Sinlonil 75WP	Sương mai/dưa hấu	Sinon Corporation
		Sulonil 720SC, 750WP	**720SC:** Sương mai/dưa chuột, cà chua; đốm lá/lạc; giả sương mai/dưa chuột **750WP:** Đốm lá/lạc, mốc sương/cà chua	Jiangyin Suli Chemical Co., Ltd.

		Top Line 75WP	Phấn trắng/hoa hồng	Công ty TNHH Hỗ trợ PTKT và chuyển giao công nghệ
		Thalonil 75WP	Sương mai/dưa hấu, đốm vòng/cà chua	Longfat Global Co., Ltd.
136	Chlorothalonil 60% (600g/kg) + Cymoxanil 15% (150g/kg)	Cythala 75WP	Khô vằn/lúa; rỉ sắt/đậu tương, cà phê	Công ty CP Đồng Xanh
		Dipcy 750WP	Phấn trắng/hoa hồng	Công ty CP Đầu tư TM và PTNN ADI
137	Chlorothalonil 600g/l + Fluoxastrobin (min 94%) 60g/l	Evito-C 660SC	Đốm nâu/thanh long	Arysta LifeScience Vietnam Co., Ltd
138	Chlorothalonil 30% + Fosetyl-aluminium 50%	Calaeti 800WP	Chết nhanh/hồ tiêu	Công ty TNHH Sản phẩm Công nghệ cao
139	Chlorothalonil 500g/l + Hexaconazole 50g/l	Tisabe 550 SC	Rỉ sắt/cà phê, khô vằn/lúa; thán thư/dưa hấu, điều, xoài; đốm vòng/hành; vàng rụng lá/cao su; ghẻ nhám/cam	Công ty CP Nông nghiệp HP
140	Chlorothalonil 500g/l + Hexaconazole 55g/l	Rubygold 555SC	Lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH CEC Việt Nam
141	Chlorothalonil 125g/kg + Mancozeb 625g/kg	Elixir 750WG	Thán thư/dưa hấu	Công ty TNHH UPL Việt Nam
142	Chlorothalonil 400g/l + Metalaxyl 40g/l	Mechlorad 440SC	Loét sọc mặt cạo/cao su	Công ty CP Bình Điền MeKong
143	Chlorothalonil 600g/kg + Metalaxyl 50g/kg	Dobins 650WP	Rỉ sắt/đậu tương, thán thư/hồ tiêu, sương mai/khoai tây	Công ty CP Nông dược Việt Thành
144	Chlorothalonil 40% + Metalaxyl-M 4%	Kevlar 44SC	Phấn trắng/hoa hồng	Công ty TNHH BVTV Akita Việt Nam
145	Chlorothalonil 200g/kg + Propineb 600g/kg	Dr.Green 800WP	Thán thư/xoài, sương mai/dưa hấu	Công ty TNHH Nông Nghiệp Xanh
146	Chlorothalonil 400g/l + Mandipropamid (min 93%) 40g/l	Revus Opti® 440SC	Sương mai/cà chua, mốc sương/dưa chuột, nứt dây/dưa hấu, thán thư/xoài, đốm vòng, mốc sương/khoai tây, thán thư, thối rễ/hồ tiêu	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam

147	Chlorothalonil 15% + Sulfur 35%	Suflonil 50SC	Rỉ sắt/hoa hồng	Công ty TNHH A2T Việt Nam
148	Chlorothalonil 35% (530g/l) + Tricyclazole 45% (25g/l)	Vanglany 80WP, 555SC	**80WP:** khô vằn, lem lép hạt, đạo ôn, thối bẹ/lúa **555SC:** Thán thư/cao su; đốm lá/lạc; rỉ sắt/ đậu tương, cà phê	Công ty TNHH TM & SX Ngọc Yến
149	Chlorothalonil 250g/kg + Tricyclazole 500g/kg	Kimone 750WP	Rỉ sắt/cà phê, lem lép hạt, đạo ôn/lúa, thán thư/cao su, thối củ/gừng	Công ty CP Nông dược Agriking
150	Citrus oil	MAP Green 6SL	Thối búp/chè; thán thư/ớt; bọ trĩ, sâu xanh da láng/nho; phấn trắng/bầu bí; bọ phấn/cà chua; bọ nhảy/cải; sâu tơ/bắp cải; bọ xít muỗi, sâu cuốn lá/chè; nhện đỏ/dưa chuột; mốc sương/ nho; thán thư/xoài; nhện lông nhung/nhãn; Hỗ trợ tăng hiệu quả của thuốc trừ rệp sáp/cà phê, bọ xít muỗi/điều, chết ẻo cây con/lạc, xì mủ/cam, thán thư/điều; vàng rụng lá/cao su; thán thư/cà phê	Map Pacific PTE Ltd
151	Cnidiadin	Wifi 1.0EW	Sương mai/dưa chuột	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
152	Copper abietate (min 90%)	Abi copper 230EC	Đốm lá/lạc	Công ty CP BVTV Asata Hoa Kỳ
		Cocan 23EC	Bạc lá/lúa	Công ty CP thuốc BVTV Tiên Tiến
153	Copper acetate (min 98%) 4% + Moroxydine hydrochloride 16%	Hobyo 200WP	Xoăn lá/thuốc lá	Công ty TNHH Được Mùa
154	Copper citrate (min 95%)	Ải vân 6.4SL	Bạc lá, lem lép hạt/lúa; đốm lá/lạc; thán thư/điều	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA
		Heroga 64SL	Lở cổ rễ/đậu tương, lạc; tuyến trùng/hồ tiêu; bạc lá, đạo ôn/lúa	Công ty CP BVTV An Hưng Phát

155	Copper Hydroxide (min Cu 57.3%)	Ajily 77WP	Rỉ sắt/cà phê	Công ty TNHH Việt Thắng
		Champion 37.5SC, 57.6 DP, 77WP	**37.5SC:** Đốm rong, chết chậm/hồ tiêu; tảo đỏ/cà phê, hồ tiêu **57.6DP:** Rụng quả, tảo đỏ/cà phê **77WP:** Nấm hồng/cà phê	Nufarm Malaysia Sdn. Bhd.
		Chapaon 770WP	Sương mai/khoai tây	Công ty TNHH TM Bình Phương
		Copperion 77WP	Mốc sương/khoai tây	Công ty CP VT NN Việt Nông
		Kocide® 46.1 WG	Thán thư/điều; bạc lá/lúa; sương mai/khoai tây; chết nhanh, thán thư/hồ tiêu; thán thư, thối rễ/cà phê	Công ty TNHH Summit Agro Việt Nam
		Funguran-OH 50WP	Bạc lá/lúa	Agspec Asia Pte Ltd
		Hidrocop 77WP	Bạc lá/lúa	Công ty TNHH Adama Việt Nam
		Map-Jaho 77WP	Rỉ sắt/cà phê	Map Pacific PTE Ltd
		Omega-copperide 77WP	Đốm lá/đậu tương, rỉ sắt/cà phê	Công ty TNHH MTV BVTV Omega
		Zisento 77WP	Khô cành khô quả/cà phê	Công ty CP Nicotex
156	Copper Hydroxide 22.9% + Copper Oxychloride 24.6%	Oticin 47.5WP	Bạc lá/lúa	Công ty TNHH TM Tân Thành
157	Copper Oxychloride (min Cu 55%)	Bacba 85WP	Đốm đen/hoa hồng	Công ty TNHH SX TM Tô Ba
		Cocadama 85WP	Chết chậm/hồ tiêu	Công ty TNHH Adama Việt Nam
		Curenox oc 85WP, 85WG	**85WP:** chết nhanh/hồ tiêu, thán thư/điều; nấm hồng/cao su **85WG:** tảo đỏ/hồ tiêu, vàng rụng lá/cao su, thán thư/điều	Công ty TNHH Ngân Anh

		Đồng Cloruloxi 30WP	Sương mại/khoai tây	Công ty TNHH Việt Thắng
		Epolists 85WP	Bạc lá/lúa, rỉ sắt/cà phê, thán thư/điều	Công ty CP Thanh Điền
		Incopper 85WP	Rỉ sắt/cà phê	Công ty CP Khử trùng Nam Việt
		Isacop 65.2WG	Thán thư/cà phê	Isagro S.p.A Centro Uffici S. Siro, Italy
		PN-Coppercide 50WP	Đốm lá, thối thân/lạc; rỉ sắt/cà phê	Công ty TNHH Phương Nam, Việt Nam
		Romio 300WP	Sương mai/khoai tây	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
		Supercook 85WP	Đốm lá/lạc	Công ty CP BVTV An Hưng Phát
		Vidoc 30WP	Mốc sương/khoai tây	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
158	Copper Oxychloride 29% + Cymoxanil 4% + Zineb 12%	Dosay 45WP	Sương mai/khoai tây; vàng rụng lá/cao su	Agria S.A, Bulgaria
159	Copper Oxychloride 16% + Kasugamycin 0.6%	New Kasuran 16.6WP	Bạc lá/lúa, nấm hồng/cà phê, thán thư/điều; phấn trắng/cao su; rỉ sắt/cà phê	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
160	Copper Oxychloride 45% + Kasugamycin 2%	Copper gold 47WP	Nấm hồng/cà phê	Công ty TNHH Nam Bắc
		Kargate 470WP	Phấn trắng/hoa hồng	Công ty TNHH B.Helmer
161	Copper Oxychloride 45% + Kasugamycin 5%	BL. Kanamin 50WP	Phấn trắng/khoai tây, thán thư/hoa hồng	Công ty CP Vật tư NN Tiền Giang
		Kasuran 50WP	Cháy lá do vi khuẩn *Pseudomonas* spp/cà phê, bệnh thối do vi khuẩn/đậu tương	Sumitomo Corporation Vietnam LLC.
162	Copper Oxychloride 755g/kg + Kasugamycin 20g/kg	Reward 775WP	Bạc lá/lúa	Công ty TNHH Alfa (Sài Gòn)
163	Copper Oxychloride 39% + Mancozeb 30%	CocMan 69WP	Lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH Adama Việt Nam

164	Copper Oxychloride 43% + Mancozeb 37%	Cupenix 80WP	Mốc sương/khoai tây	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
165	Copper Oxychloride 50% + Metalaxyl 8%	Viroxyl 58WP	Sương mai/khoai tây, chết vàng cây con/lạc, chết chậm/hồ tiêu	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
166	Copper Oxychloride 60% + Oxolinic acid 10%	Sasumi 70WP	Bạc lá/lúa	Công ty TNHH Hóa chất Sumitomo Việt Nam
167	Copper Oxychloride 6.6% + Streptomycin 5.4%	Batocide 12WP	Bạc lá/lúa, giác ban/bông vải	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
168	Copper Oxychloride 45% + Streptomycin sulfate 5%	K.Susai 50WP	Bạc lá/lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
169	Copper Oxychloride 17% + Streptomycin sulfate (Streptomycin) 5% + Zinc sulfate 10%	PN-balacide 32WP	Bạc lá, đốm sọc vi khuẩn, đen lép hạt/lúa; bệnh thối lá/cây hoa huệ; bệnh thối hoa/cây hoa hồng; héo xanh/khoai tây	Công ty TNHH Phương Nam, Việt Nam
		Vicilin 32WP	Đạo ôn/lúa	Công ty CP VTNN Việt Nông
170	Copper Oxychloride 175g/kg + Streptomycin sulfate 50g/kg + Zinc sulfate 100g/kg	Parosa 325WP	Bạc lá, đốm sọc vi khuẩn/lúa; mốc xám/hoa hồng	Công ty CP ND Quốc tế Nhật Bản
171	Copper Oxychloride 300g/kg + Zineb 200g/kg	Zincopper 50WP	Rỉ sắt/cà phê, phấn trắng/cao su, đốm lá/đậu tương	Công ty CP TST Cần Thơ
		Vizincop 50WP	Rỉ sắt, nấm hồng/cà phê, phấn trắng/cao su; thán thư/điều	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
172	Copper Oxychloride 17% + Zineb 34%	Copforce Blue 51WP	Rỉ sắt/cà phê, mốc sương/khoai tây, thán thư/hồ tiêu, đốm đen/hoa hồng	Agria SA, Bulgaria
173	Copper sulfate pentahydrate (min 98%)	Super mastercop 21SL	Bạc lá/lúa, rụng lóng chết dây/hồ tiêu	Công ty TNHH Adama Việt Nam
		Phyton 240SC	Thán thư/cà phê	Công ty CP Đầu tư Hợp Trí
174	Copper sulfate (Tribasic) (min 98%)	Bordocop super 25WP	Xì mủ/cao su	Công ty TNHH Adama Việt Nam

		Cuproxat 345SC	Rỉ sắt/cà phê, bạc lá/lúa	Nufarm Malaysia Sdn. Bhd.
		Dia Thuong Vuong 27.12SC	Rỉ sắt/cà phê	Công ty TNHH World Vision (VN)
		Đồng Hóc Môn 24.5SG	Đốm mắt cua/thuốc lá	Công ty CP Hóc Môn
		Omega-coppersul 70WG	Đốm lá/đậu tương	Công ty TNHH MTV BVTV Omega
175	Copper sulfate (Tribasic) 78.520% + Oxytetracycline 0.235% + Streptomycin 2.194%	Cuprimicin 500 81WP	Bạc lá/lúa, chết chậm/hồ tiêu	Công ty TNHH Adama Việt Nam
176	Copper sulfate (Tribasic) 345 g/l + Cymoxanil 35 g/l	Moltovin 380SC	Bạc lá/lúa	Nufarm Malaysia Sdn. Bhd.
177	Cucuminoid 5% + Gingerol 0.5%	Stifano 5.5SL	Thối nhũn, sương mai/rau họ thập tự; bạc lá, đốm sọc vi khuẩn/lúa; thối gốc, chết cây con/lạc, đậu đũa; héo xanh, mốc sương, héo vàng, xoăn lá/cà chua, khoai tây; héo xanh, giả sương mai/dưa chuột, bầu bí; đốm lá, thối gốc, bệnh còng/hành; chảy gôm, thối nâu quả/ cam, quýt; khô hoa rụng quả/vải; phồng lá, chấm xám/chè; đốm đen, sương mai/hoa hồng	Công ty TNHH Sản phẩm Công nghệ cao
178	Cuprous Oxide (min 97%)	Norshield 58WP, 86.2WG	**58WP:** vàng lá thối rễ/cà phê **86.2WG:** thán thư/điều, bạc lá/lúa, gỉ sắt/cà phê, xử lý hạt giống trừ bệnh lúa von/lúa	Công ty CP Đầu tư Hợp Trí
		Onrush 86.2WG	Bạc lá/lúa	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu
		Redpoint 86WP	Rỉ sắt/cà phê	Công ty TNHH TM DV Thanh Sơn Hóa Nông
179	Cuprous Oxide 60% + Dimethomorph 12%	Eddy 72WP	Chết nhanh/hồ tiêu, thối quả/ca cao; mốc sương/khoai tây; vàng lá thối rễ/cà phê, chết ẻo/đậu xanh	Công ty CP Đầu tư Hợp Trí

180	Cyazofamid (min 93.5%)	Ranman 10 SC	Sương mai/cà chua, nho, dưa hấu, khoai môn; giả sương mai/dưa chuột.	Sumitomo Corporation Vietnam LLC.
		Camaro 100SC	Giả sương mai/dưa chuột	Công ty TNHH Được Mùa
		Foxpro 100SC	Giả sương mai/dưa chuột	Công ty CP Khử trùng Việt Nam
		Rancher 100 SC	Sương mai/vải	Công ty TNHH Alfa (Sài Gòn)
181	Cyazofamid 85 g/l + Cymoxanil 170 g/l	Pilarzox 255SC	Sương mai/khoai tây	Pilarquim (Shanghai) Co., Ltd
182	Cyazofamid 100 g/l + Flumorph (min 96%) 200g/l	Cyfamo 300SC	Giả sương mai/dưa chuột	Công ty TNHH MTV BVTV Omega
183	Cyflufenamid (min 97%)	Cyflamid 5EW	Phấn trắng/dưa chuột	Sumitomo Corporation Vietnam LLC
184	Cymoxanil 25% + Famoxadone 25%	TT-Taget 50WG	Đạo ôn/lúa, sương mai/khoai tây, chết nhanh/hồ tiêu	Công ty TNHH TM Tân Thành
185	Cymoxanil 30% (300g/kg) + Famoxadone 22.5% (225g/kg)	Equation® 52.5WG	Khô vằn, bạc lá, đạo ôn, lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH Corteva Agriscience Việt Nam
		Teamwork 525WG	Chết nhanh/hồ tiêu	Công ty TNHH Alfa (Sài Gòn)
186	Cymoxanil 8% + Fosetyl-aluminium 64%	Foscy 72WP	Chết cây con/thuốc lá, chết nhanh/hồ tiêu	Công ty CP Đồng Xanh
187	Cymoxanil 8% (80g/kg) + Mancozeb 64% (640g/kg)	Bigzeb 720WP	Rỉ sắt/cà phê	Công ty CP Bigfive VN
		Cajet-M10 72WP	Chết dây/hồ tiêu; sương mai/khoai tây; đốm lá/lạc, rỉ sắt/đậu tương	Công ty CP TST Cần Thơ
		Carozate 72WP	Chết nhanh, chết chậm/hồ tiêu; rỉ sắt/cà phê; sương mai/khoai tây	Công ty TNHH Sản phẩm Công nghệ cao
		Curzate®-M8 72WP	Chết héo dây/hồ tiêu, sương mai/khoai tây	Công ty TNHH Corteva Agriscience Việt Nam
		Cymanil 720WP	Chết nhanh/hồ tiêu	Công ty CP NN CMP

		Cymoplus 720WP	Lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH Agricare Việt Nam
		Dolphin 720WP	Đạo ôn/lúa	Công ty TNHH Phú Nông
		Iprocyman 72WP	Chết nhanh/hồ tiêu	Công ty CP Futai
		Jack M9 72WP	Lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH ADC
		Kanras 72WP	Sương mai/hoa hồng, loét sọc mặt cạo/cao su	Công ty TNHH Việt Thắng
		Niko 72WP	Sương mai/hoa hồng	Công ty CP BMC Vĩnh Phúc
		Razocide 720WP	Loét sọc mặt cạo/cao su	Công ty CP Nông dược Nhật Việt
		Simolex 720WP	Chết nhanh/hồ tiêu	Công ty TNHH Nông dược HAI Quy Nhơn
		Victozat 72WP	Phấn trắng/hoa hồng, rỉ sắt/cà phê, sương mai/khoai tây	Công ty Cổ phần Long Hiệp
		Xanized 72WP	Loét sọc mặt cạo/cao su, chết nhanh/hồ tiêu	Công ty CP Nông nghiệp HP
188	Cymoxanil 8% + Mancozeb 67%	Cyzate 75WP	Chết nhanh/hồ tiêu, rỉ sắt/lạc	Công ty TNHH Thuốc BVTV Bông Sen Vàng
189	Cymoxanil 8% (8%) + Macozeb 60% (64%)	Kin-kin Bul 68WG, 72WP	**72WP:** vàng rụng lá/cao su, sương mai/khoai tây **68WG:** Chết cây con/thuốc lá; sương mai/ khoai tây; loét sọc mặt cạo/cao su	Agria SA
190	Cymoxanil 5% + Mancozeb 68%	Nautile 73WG	Chết chậm/hồ tiêu, loét sọc mặt cạo/cao su	Công ty TNHH UPL Việt Nam
191	Cymoxanil 40g/kg + Mancozeb 720g/kg + Metalaxyl 40g/kg	Ridoxanil 800WP	Loét sọc mặt cạo/cao su	Công ty CP Cali Agritech USA
192	Cymoxanil 60g/kg + Propineb 640g/kg	Antramix 700WP	Khô vằn/lúa	Công ty CP XNK Nông dược Hoàng Ân
193	Cymoxanil 60 g/kg + Propineb 700g/kg	Tracomix 760WP	Lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH Hóa nông Lúa Vàng
		Vival 760WP	Đốm lá/lạc	Công ty CP Nông dược HAI

194	Cymoxanil 8% + Propineb 70%	Rudy 78WP	Sương mai/khoai tây, thán thư/điều	Công ty CP Cửu Long
195	Cyproconazole 50g/l + Hexaconazole 50g/l + Tricyclazole 250g/l	Thecyp 350SE	Đạo ôn/lúa	Công ty CP Nông tín AG
196	Cyproconazole 75 g/kg + Mancozeb 700 g/kg	Zenlovo 775WP	Rỉ sắt/đậu tương, đốm đen/hoa cúc	Công ty CP NN HP
197	Cyproconazole 80 g/l + Picoxystrobin 200 g/l	Acapela System® 280SC	Lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH Corteva Agriscience Việt Nam
		Picosuper 280SC	Gỉ sắt/đậu tương, đạo ôn, lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH Phú Nông
198	Cyproconazole 80g/l + Propiconazole 250g/l	Forlita Gold 330EC	Khô vằn/lúa	Công ty TNHH Phú Nông
		Neutrino 330EC	Khô vằn, lem lép hạt/lúa; rỉ sắt/cà phê	Công ty CP Lion Agrevo
		Nevo® 330EC	Khô vằn, lem lép hạt, thối thân/lúa	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam
		Newyo 330EC	Lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH An Nông
		Sopha 330EC	Lem lép hạt/lúa, thán thư/cà phê	Công ty CP NN HP
		Tigh super 330EC	Lem lép hạt, khô vằn/lúa; rỉ sắt/cà phê	Công ty TNHH TM Tân Thành
199	Cyproconazole 80g/l + Propiconazole 270g/l	Cy-pro 350EC	Phấn trắng/hoa hồng	Công ty CP Hóa chất Nông nghiệp và Công nghiệp AIC
200	Cyproconazole 10g/kg (80g/l) + Propiconazole 250g/kg (250g/l)	Newsuper 260WG, 330EC	**260WG:** Lem lép hạt/lúa **330EC:** khô vằn/lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
201	Cyproconazole 80g/l + Propiconazole 260g/l	Protocol 340EC	Lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH - TM Nông Phát
202	Cyprodinil 500 g/kg + Myclobutanil 50 g/kg	Mydinil 550WP	Đốm lá/đậu tương, đốm đen/hoa hồng, sương mai/khoai tây	Công ty TNHH An Nông
203	Cytokinin (Zeatin) (min 99%)	Etobon 0.56SL	Tuyến trùng/lạc, cà rốt; lở cổ rễ/bắp cải, cải củ; tuyến trùng, thối rễ/chè; thối rễ/hoa hồng	Công ty TNHH Được Mùa

		Geno 2005 2SL	Tuyến trùng/dưa hấu, bầu bí, cà phê, hồ tiêu, chè, hoa cúc; tuyến trùng, khô vằn/lúa; tuyến trùng, mốc xám/xà lách, cải xanh; héo rũ, tuyến trùng, mốc sương/cà chua; héo rũ/lạc; đốm lá/ngô; thối quả/vải, nho, nhãn, xoài	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA
		Sincocin 0.56SL	Tuyến trùng, nấm Fusarium sp. gây bệnh thối rễ/trong đất trồng bắp cải, lạc, lúa	Công ty CP Cali Agritech USA
204	Cytosinpeptidemycin	Sat 4SL	Bạc lá/lúa; khảm, héo xanh/thuốc lá; sương mai, héo xanh, xoăn lá/cà chua; héo xanh/bí đao, hồ tiêu; thối nõn/dứa; đốm lá/hành; loét, chảy gôm/cam; thán thư, thối cuống/nho; thối vi khuẩn/gừng; thán thư/xoài, ớt; nứt thân chảy gôm/dưa hấu; sương mai, phấn trắng, giả sương mai/dưa chuột	Công ty TNHH Nam Bắc
205	Dazomet (min 98%)	Basamid Granular 97MG	Xử lý đất trừ bệnh héo rũ do nấm *Fusarium* sp/hoa cúc	Behn Meyer Agricare Vietnam Co., Ltd
206	Dầu bắp 30% + dầu hạt bông 30% + dầu tỏi 23%	GC-3 83SL	Phấn trắng/hoa hồng, đậu que, dưa chuột	Công ty TNHH Ngân Anh
207	Dẫn xuất Salicylic Acid (Ginkgoic acid 425g/l + Corilagin 25g/l + m-pentadecadienyl resorcinol 50g/l)	Sông Lam 333 50EC	Khô vằn, đạo ôn/lúa; chảy mủ do Phytophthora/ cây có múi, lở cổ rễ/hồ tiêu, lở cổ rễ, thân do nấm/cà phê	Công ty TNHH NN Phát triển Kim Long
208	Didecyldimethylammonium chloride (min 76.6%)	Sporekill 120SL	Lem lép hạt do vi khuẩn/lúa	Nufarm Malaysia Sdn. Bhd.
209	Difenoconazole (min 94%)	Amber 250EC	Thán thư/hồ tiêu	Công ty TNHH Western Agrochemicals
		Divino 250EC	Đạo ôn/lúa	Công ty TNHH Adama Việt Nam
		Goldnil 250EC	Đạo ôn/lúa	Công ty CP Công nghệ cao Thuốc BVTV USA

		Kacie 250EC	Lem lép hạt/lúa, rỉ sắt/cà phê, đốm lá/lạc	Công ty CP Nông dược Việt Nam
		Scogold 300EC	Lem lép hạt/lúa	Công ty CP Quốc tế Agritech Hoa kỳ
		Score® 250EC	Mốc sương/khoai tây; phấn trắng/cây xanh, thuốc lá; thán thư/điều; muội đen, đốm nâu/thuốc lá	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam
210	Difenoconazole 12% + Fenoxanil 20%	Feronil 32EC	Đạo ôn/lúa	Công ty TNHH QT Nông nghiệp vàng
211	Difenoconazole 170g/l + Fenoxanil 200g/l	Lotuscide 370EC	Đạo ôn, lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH Thuốc BVTV Bông Sen Vàng
212	Difenoconazole 150g/l + Flusilazole 150g/l	Tecnoto 300EC	Đốm lá/ngô, thán thư/điều, cà phê	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng
213	Difenoconazole 50g/l + Hexaconazole 100g/l	Longanvingold 150SC	Lem lép hạt, đạo ôn/lúa; chết nhanh/hồ tiêu	Công ty TNHH MTV BVTV Long An
214	Difenoconazole 250g/l + Hexaconazole 83g/l	Koromin 333EC	Lem lép hạt/lúa	Công ty CP Nông dược Việt Nam
215	Difenoconazole 150g/l + Hexaconazole 33 g/l + Propiconazole 150g/l	Center super 333EC	Lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH SX & XK Bàn Tay Việt
216	Difenoconazole 133g/l + Hexaconazole 50g/l + Propiconazole 150g/l	Sieuvil 333EC	Lem lép hạt/lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
217	Difenoconazole 150g/l + Hexaconazole 100g/l + Propiconazole 150g/l	Prohed 400EC	Khô vằn/lúa	Công ty CP Nông Tín AG
218	Difenoconazole 37g/l + Hexaconazole 63g/l + Tricyclazole 300g/l	Ensino 400SC	Đạo ôn, khô vằn, lem lép hạt/lúa; rỉ sắt/cà phê	Công ty CP Enasa Việt Nam

219	Difenoconazole 100g/kg + Hexaconazole 100g/kg + Tricyclazole 450g/kg	Super tank 650WP	Đạo ôn, lem lép hạt, khô vằn/lúa, thán thư/cà phê, nấm hồng/cao su	Công ty TNHH TM DV Tấn Hưng
220	Difenoconazole 150g/kg + Isoprothiolane 400g/kg + Propiconazole 150g/kg	Alfavin 700WP	Đạo ôn, lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH - TM Tân Thành
221	Difenoconazole 7.5% + Isoprothiolane 12.5% + Tricyclazole 20%	Babalu 40WP	Đạo ôn, lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH Nam Bộ
222	Difenoconazole 100g/kg + Isoprothiolane 150g/kg + Tricyclazole 350g/kg	Bankan 600WP	Đạo ôn/lúa	Công ty CP Đầu tư TM & PT NN ADI
223	Difenoconazole 75g/l (75g/kg) + Isoprothiolane 125g/l (125g/kg) + Tricyclazole 200g/l (200g/kg)	Bump gold 40SE, 40WP	Đạo ôn, lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH ADC
224	Difenoconazole 15% + Isoprothiolane 25% + Tricyclazole 40%	Edivil 80WP	Đạo ôn/lúa	Công ty TNHH TM Tân Thành
		Sapful 80WP	Đạo ôn/lúa	Công ty CP VT Nông nghiệp Tiền Giang
225	Difenoconazole 5g/kg + Isoprothiolane 295g/kg + Tricyclazole 550g/kg	Bimstar 850WP	Đạo ôn/lúa	Công ty CP Quốc tế Agritech Hoa kỳ
226	Difenoconazole 125g/l + Kasugamycin 50g/l	Sconew 175SC	Lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH Vipes Việt Nam
227	Difenoconazole 150 g/l + Picoxystrobin 250 g/l	Teacher 400SC	Lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH Phú Nông
228	Difenoconazole 120g/l + Picoxystrobin 200g/l	Sagoperfect 320SC	Thán thư/cà phê	Công ty CP BVTV Sài Gòn

229	Difenoconazole 150g/l + Propiconazole 150g/l	Acsupertil 300EC	Lem lép hạt/lúa, rỉ sắt/cà phê, phấn trắng/điều	Công ty TNHH MTV Lucky
		Arytop 300EC	Lem lép hạt/lúa	Arysta LifeScience Vietnam Co., Ltd
		Autozole 300EC	Lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH SX & XK Bàn Tay Việt
		Boom 300EC	Khô vằn/lúa	Công ty TNHH Alfa (Sài gòn)
		Bretil Super 300EC	Khô vằn, lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH - TM Nông Phát
		Cure supe 300EC	Lem lép hạt, khô vằn/lúa; rỉ sắt, đốm mắt cua/cà phê; phấn trắng/điều, thán thư/điều	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng
		Daiwanper 300EC	lem lép hạt/lúa	Công ty CP Futai
		Famertil 300EC	Lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH Sản phẩm Công nghệ cao
		Hotisco 300EC	Lem lép hạt/lúa, đốm lá/đậu tương, rỉ sắt/cà phê	Công ty CP Đồng Xanh
		Iso tin 300EC	Khô vằn/lúa	Công ty CP BVTV An Hưng Phát
		Jasmine 300SE	Lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Thạnh Hưng
		Jettilesuper 300EC	Lem lép hạt, khô vằn/lúa	Công ty CP Lan Anh
		Jiasupper 300EC	Lem lép hạt/lúa	Công ty CP Jia Non Biotech (VN)
		Kanavil 300EC	Lem lép hạt/lúa; rỉ sắt/lạc	Công ty TNHH Kiên Nam
		Kimsuper 300EC	Thán thư/điều	Công ty CP Nông dược Agriking
		Map super 300EC	Lem lép hạt/lúa; rỉ sắt/cà phê, đậu tương; đốm lá/lạc; thán thư/điều, cà phê; phấn trắng/hoa hồng, hoa cúc; vàng rụng lá/cao su	Map Pacific Pte Ltd

		Nbctilfsuper 300EC	Rỉ sắt/cà phê	Công ty TNHH Nam Bắc
		Ni-tin 300EC	Rỉ sắt/cà phê, lem lép hạt/lúa; thán thư/điều, khô quả/cà phê	Công ty CP Nicotex
		Prodifad 300EC	Lem lép hạt/lúa, rỉ sắt/cà phê	Công ty CP Bình Điền MeKong
		Sagograin 300EC	Lem lép hạt, khô vằn/lúa	Công ty CP BVTV Sài Gòn
		Scooter 300EC	Lem lép hạt/lúa, rỉ sắt/cà phê, ngô; đốm vòng/khoai lang	Công ty TNHH TM & SX Ngọc Yến
		Still liver 300ME	Lem lép hạt/lúa	Công ty CP Công nghệ NN Chiến Thắng
		Super-kostin 300EC	Lem lép hạt/lúa, gỉ sắt/cà phê	Công ty TNHH OCI Việt Nam
		Supertim 300EC	Lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH Việt Thắng
		Superten 300EC	Lem lép hạt/lúa	Công ty CP Lion Agrevo
		Sunzole 30EC	Lem lép hạt/lúa	Sundat (S) PTe Ltd
		Tien super 300EC	Lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH Công nghiệp Khoa học Mùa màng Anh - Rê
		Tilbest super 300EC	Lem lép hạt/lúa	Công ty CP Hóa nông Mỹ Việt Đức
		Tilcalisuper 300EC	Lem lép hạt/lúa	Công ty CP CNC Thuốc BVTV USA
		Tileuro super 300EC	Lem lép hạt/lúa	Công ty CP Khoa học Công nghệ cao American
		Tilfugi 300EC	Lem lép hạt, khô vằn, đốm nâu/lúa; đốm lá/đậu tương; rỉ sắt/cà phê	Công ty TNHH - TM Tân Thành
		Tinitaly surper 300EC, 300SE	**300EC:** khô vằn, lem lép hạt/lúa **300SE:** lem lép hạt/lúa, rỉ sắt/cà phê	Công ty TNHH An Nông

		Tilt Super® 300EC	Khô vằn, lem lép hạt/lúa; đốm lá/lạc; rỉ sắt/cà phê, đậu tương; nấm hồng, vàng lá/cao su; khô vằn/ngô; thán thư/cà phê	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam
		Tinmynew Super 300EC	Lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH US.Chemical
		Tittus super 300EC	Lem lép hạt/lúa	Công ty CP nông dược Việt Nam
		Tstil super 300EC	Lem lép hạt/lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
		Uni-dipro 300EC	Khô vằn, lem lép hạt/lúa, nấm hồng/cao su	Công ty TNHH World Vision (VN)
230	Difenoconazole 150g/l (150g/kg) + Propiconazole 150g/l (150g/kg)	Superone 300EC, 300WP	**300EC:** khô vằn, lem lép hạt/lúa; rỉ sắt/cà phê **300WP:** khô vằn, lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH ADC
231	Difenoconazole 260g/l + Propiconazole 190g/l	Tilindia super 450EC	Lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
232	Difenoconazole 150g/l + Propiconazole 250g/l	Tiptop gold 400EC	Lem lép hạt/lúa	Công ty CP BVTV I TW
233	Difenoconazole 15% + Propiconazole 15%	Happyend 30EC	Khô vằn/lúa	FarmHannong Co., Ltd.
234	Difenoconazole 150g/l + Propiconazole 160g/l	Nôngiabảo 310EC	Rỉ sắt/cà phê, lem lép hạt/lúa, vàng rụng lá/cao su	Công ty TNHH - TM Thái Phong
235	Difenoconazole 150g/l + Propiconazole 170g/l	Canazole super 320EC	Lem lép hạt/lúa; rỉ sắt/cà phê	Công ty CP TST Cần Thơ
236	Difenoconazole 155g/l (150g/l) + Propiconazole 150g/l (200g/l)	Tiljapanesuper 305SC, 350EC	Lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH Thuốc BVTV LD Nhật Mỹ
237	Difenoconazole 200g/l + Propiconazole 200g/l	Atintin 400EC	Lem lép hạt, khô vằn/lúa; rỉ sắt/cà phê; đốm lá/lạc	Công ty TNHH - TM Thái Nông

238	Difenoconazole 20g/l (50.5g/kg) + Propiconazole 150g/l (0.5g/kg) + Prochloraz 150g/l (504g/kg)	Tilobama 320EC, 555WP	Lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH Thuốc BVTV LD Nhật Mỹ
239	Difenoconazole 100g/l + Propiconazole 200g/l + Tebuconazole 50g/l	Tilcrown super 350EC	Lem lép hạt/lúa	Công ty CP VT BVTV Hà Nội
240	Difenoconazole 150g/l + Propiconazole 150g/l + Tebuconazole 50g/l	T-supernew 350EC	Lem lép hạt, khô vằn/lúa; đốm lá/lạc; rỉ sắt/cà phê, lạc	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
		Kobesuper 350EC	Lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH Hóa Sinh Á Châu
241	Difenoconazole 100g/l + Propiconazole 150g/l + Tebuconazole 50g/l	Goltil super 300EC	Lem lép hạt/lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
		Tilplus super 300EC	Lem lép hạt/lúa	Công ty CP Nông dược Việt Nam
242	Difenoconazole 150g/l + Propiconazole 100g/l + Tebuconazole 50 g/l	Tilbluesuper 300EC	Lem lép hạt/lúa	Công ty CP Khoa học Công nghệ cao American
243	Difenoconazole 150g/l + Propiconazole 50g/l + Tebuconazole 150g/l	Gone super 350EC	Lem lép hạt, khô vằn/lúa; rỉ sắt/cà phê	Công ty CP BMC Vĩnh Phúc
244	Difenoconazole 155g/l + Propiconazole 155g/l + Tebuconazole 50g/l	Amicol 360EC	Lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH - TM Nông Phát
245	Difenoconazole 140g/l + Propiconazole 120g/l + Tebuconazole 140g/l	Tilasiasuper 400EC	Lem lép hạt/lúa	Công ty CP Quốc tế Agritech Hoa kỳ
246	Difenoconazole 5g/l + Propiconazole 165g/l Tricyclazole 430g/l	Fiate 600SE	Đạo ôn/lúa	Công ty CP Quốc tế Agritech Hoa kỳ

247	Difenoconazole 10% + Pyraclostrobin 15%	Ditrobin 25SC	Rỉ sắt/cà phê	Công ty TNHH Vĩnh Nông Phát
248	Difenoconazole 15% + Tebuconazole 15%	Dasuwang 30EC	Đốm lá/lạc	FarmHannong Co., Ltd.
249	Difenoconazole 150g/l + Tebuconazole 150g/l	Tilvilusa 300EC	Lem lép hạt/lúa	Công ty CP Hóa nông Mỹ Việt Đức
250	Difenoconazole 50g/kg (30g/kg) + Tebuconazole 250g/kg (500g/kg) + Tricyclazole 200g/kg (250g/kg)	Latimo super 500WP, 780WG	**500WP:** lúa von/lúa (xử lý hạt giống), khô vằn, lem lép hạt/lúa **780WG:** lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH An Nông
251	Difenoconazole 150g/l + Tricyclazole 350g/l	Gold-chicken 500SC	Lem lép hạt, đạo ôn/lúa	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
252	Difenoconazole 265.5g/l (30g/kg), (25g/l) + Tricyclazole 0.5g/l (270g/kg), (400g/l)	Supergold 266ME, 300WP, 425SC	**266ME, 300WP:** lem lép hạt/lúa **425SC:** Đạo ôn, lem lép hạt/lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
253	Difenoconazole 150g/kg (150 g/l)+ Tricyclazole 450g/kg (450g/l)	Cowboy 600WP, 600SE	600SE: đạo ôn/lúa 600WP: đạo ôn, lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH ADC
254	Difenoconazole 150g/l (150g/kg) + Tricyclazole 450g/l (650g/kg)	Dovabeam 600SC, 800WP	Đạo ôn/lúa	Công ty TNHH Thuốc BVTV Đồng Vàng
255	Difenoconazole 150g/kg + Tricyclazole 460g/kg	Imperial 610WP	Đạo ôn/lúa	Công ty TNHH - TM Nông Phát
256	Difenoconazole 150g/kg + Tricyclazole 450 g/kg + Cytokinin 2g/kg	Salame 602WP	Đạo ôn, lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH ADC

257	Dimethomorph (min 98%)	Cylen 500WP	Mốc sương/cà chua	Công ty TNHH Nông nghiệp Xanh
		Insuran 50WG	Mốc sương/cà chua, giả sương mai/dưa chuột; sọc lá/ngô (xử lý hạt giống); sọc lá/ngô (phun); phấn trắng/nho; chết nhanh/hồ tiêu; sương mai/vải, loét sọc mặt cạo/cao su; xì mủ/sầu riêng, bưởi, ca cao; sương mai/dưa hấu; thối quả/ ca cao, sầu riêng, dâu tây; sương mai/khoai tây	Công ty CP Tập đoàn Lộc Trời
		Metho fen 50SC	Sương mai/cà chua	Công ty TNHH World Vision (VN)
		Newsuran 500WG	Chết nhanh/hồ tiêu	Công ty TNHH Tấn Hưng Việt Nam
		Phytocide 50WP	Giả sương mai/dưa hấu, loét sọc mặt cạo/cao su, chết nhanh/hồ tiêu; sương mai/vải, cà chua; bạch tạng/ngô	Công ty CP Đầu tư Hợp Trí
		Vtsuzan 500WP	Chết nhanh/hồ tiêu	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
258	Dimethomorph 200 g/l + Fluazinam 200 g/l	Banjo Forte 400SC	Chết nhanh/hồ tiêu	Công ty TNHH Adama Việt Nam
259	Dimethomorph 9% (90g/kg) + Mancozeb 60% (600g/kg)	Acrobat MZ 90/600WP	Sương mai/dưa hấu, cà chua; chảy gôm/cam; chết nhanh/hồ tiêu; thối thân xì mủ/sầu riêng; loét sọc mặt cạo/cao su	BASF Vietnam Co., Ltd.
		Hoda 690WP	Thán thư/xoài	Công ty CP BVTV ATC
		Omega-downy 69WP	Thán thư/cà phê, chết nhanh/hồ tiêu	Công ty TNHH MTV BVTV Omega
260	Dimethomorph 10% (100g/kg) + Mancozeb 60% (600g/kg)	Andibat 700WP	Loét sọc mặt cạo/cao su	Công ty CP XNK Nông dược Hoàng Ân
		Diman bul 70WP	Chết nhanh/hồ tiêu, loét sọc mặt cạo/cao su, mốc sương/khoai tây, sương mai/dưa hấu, xì mủ/sầu riêng	Agria SA.

261	Dimethomorph 38% + Pyraclostrobin 10%	Omega-downy rust 48WG	Rỉ sắt/cà phê, chết nhanh/hồ tiêu, đốm lá/đậu tương	Công ty TNHH MTV BVTV Omega
262	Dimethomorph 140 g/l + Pyraclostrobin 80 g/l	Dimebin 220SC	Rỉ sắt/cà phê	Công ty TNHH MTV Lucky
263	Dimethomorph 200g/kg + Ziram 600g/kg	Libero 800WP	Chết nhanh/hồ tiêu	Công ty TNHH Trường Thịnh
264	Diniconazole (min 94%)	Dana-Win 12.5WP	Rỉ sắt/cà phê, lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA
		Danico 12.5WP	Rỉ sắt/cà phê	Công ty CP Nicotex
		Nicozol 12.5WP, 25SC	**25SC:** lem lép hạt/lúa, rỉ sắt/cà phê, đốm lá/lạc **12.5WP:** lem lép hạt/lúa, rỉ sắt/cà phê, đốm đen/hoa hồng, đốm lá/lạc	Công ty CP Thanh Điền
		Sumi-Eight 12.5WP	rỉ sắt/cà phê, hoa cúc; lem lép hạt, đạo ôn/lúa; phấn trắng/cao su	Công ty TNHH Hóa chất Sumitomo Việt Nam
265	Dithianon (min 95%)	Nakano 50WP	Đốm lá/lạc, sương mai/khoai tây	Công ty CP BMC Vĩnh Phúc
		Phuc dao 42.2SC	Thán thư/cà phê	Công ty TNHH World Vision (VN)
266	Edifenphos (min 94%)	Vihino 40EC	Đạo ôn, khô vằn/lúa	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
267	Edifenphos 200g/l + Isoprothiolane 200g/l	Difusan 40EC	Đạo ôn/lúa	Công ty CP BVTV I TW
268	Epoxiconazole (min 92%)	Cazyper 125 SC	Khô vằn, lem lép hạt/lúa; rỉ sắt/cà phê	Công ty TNHH Adama Việt Nam
		Expostar 125SC	Rỉ sắt/cà phê	Công ty TNHH DV và TM Tân Xuân
		Opus 75EC	Lem lép hạt, khô vằn/lúa, đốm lá/lạc, rỉ sắt/cà phê, khô vằn/ngô; đốm đồng tiền/khoai lang	BASF Vietnam Co., Ltd.
269	Epoxiconazole 50g/l + Pyraclostrobin 133g/l	Pirastar 183SE	Rỉ sắt/cà phê	Shandong Weifang Rainbow Chemical Co., Ltd.

270	Erythromycin 200g/kg + Oxytetracycline 250g/kg	Hope Life 450WP	Đốm sọc vi khuẩn, bạc lá/lúa; thối đen/bắp cải, sương mai/cà chua, héo cây con/dưa hấu; thối củ/gừng, thối nhũn/hành; thối quả/xoài	Công ty TNHH An Nông
271	Erythromycin (min 98%) 10g/kg + Streptomycin sulfate 20g/kg	Apolits 30WP	Bạc lá/lúa, thán thư/lạc, thối nhũn/bắp cải, nấm hồng/cam	Công ty CP Trường Sơn
272	Ethaboxam (min 99.6%)	Danjiri 10 SC	Mốc sương/nho; sương mai/cà chua, dưa chuột, hoa hồng, dưa hấu; cháy lá/khoai môn; chết nhanh/hồ tiêu	Công ty TNHH Hóa chất Sumitomo Việt Nam
273	Ethylicin (min 90%)	Galoa 80EC	Bạc lá/lúa	Công ty CP Enasa Việt Nam
274	Eugenol (min 99%)	Genol 1.2SL	Giả sương mai/dưa chuột, dưa hấu, cà chua, nhãn, hoa hồng; đạo ôn, khô vằn, lem lép hạt/lúa; khô vằn/ngô; đốm lá/thuốc lá, thuốc lào; thối búp/chè; sẹo/cam; thán thư/nho, vải, điều, hồ tiêu; nấm hồng/cao su, cà phê	Guizhou CUC INC. (Công ty TNHH TM Hồng Xuân Kiệt, Quý Châu, Trung Quốc)
		Lilacter 0.3SL	Khô vằn, bạc lá, tiêm lửa, đạo ôn, thối hạt vi khuẩn/lúa; héo xanh, mốc xám, giả sương mai/dưa chuột; mốc xám/cà pháo, đậu tương, hoa lyly; thán thư/ớt; thán thư, sương mai/vải; đốm lá/na; phấn trắng, thán thư/xoài, hoa hồng; sẹo/cam; thối quả/hồng; thối nõn/dứa; thối búp/chè	Công ty TNHH VT NN Phương Đông
		Piano 18EW	Đạo ôn, khô vằn, bạc lá, lem lép hạt/lúa; thán thư/xoài; phấn trắng/nho; thối đen/bắp cải; thối nhũn/hành	Công ty TNHH An Nông
		PN-Linhcide 1.2EW	Khô vằn/lúa; mốc sương/cà chua; phấn trắng/dưa chuột;đốm nâu,đốm xám/chè;phấn trắng/hoa hồng	Công ty TNHH Phương Nam, Việt Nam
275	Famoxadone 450g/kg + Hexaconazole 250g/kg	Famozol 700WP	Sương mai/khoai tây, thán thư/hồ tiêu	Công ty TNHH An Nông

276	Famoxadone 300 g/l + Oxathiapiprolin 30 g/l	Zorvec® Encantia® 330SE	Sương mai/cà chua, khoai tây, dưa chuột	Công ty TNHH Corteva Agriscience Việt Nam
277	Fenaminstrobin (min 98%) 2.5% + Tricyclazole 22.5%	Aiker Top 25SC	Đạo ôn/lúa	Công ty TNHH TM Phát An
278	Fenbuconazole (min 98.7%)	Indar 240 SC	Khô vằn, lem lép hạt/lúa; thán thư/xoài	Dow AgroSciences B.V
279	Fenoxanil (min 95%)	BN-Fepro 20SC	Đạo ôn/lúa	Công ty CP Bảo Nông Việt
		Fendy 25WP	Đạo ôn/lúa	Công ty TNHH QT Nông nghiệp vàng
		Fenogold 250EC, 300WP	Đạo ôn/lúa	Công ty TNHH Thuốc BVTV Bông Sen Vàng
		Headway 200SC	Đạo ôn/lúa	Công ty TNHH thuốc BVTV Mekong
		Katana 20SC	Đạo ôn/lúa	Nihon Nohyaku Co., Ltd.
		Kasoto 200SC	Đạo ôn/lúa	Công ty CP Công nghệ NN Chiến Thắng
		Naxanil 20SC	Đạo ôn/lúa	Nanjing Agrochemical Co., Ltd
		Nero 400SC	Đạo ôn/lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Long An
		Redrice 200SC	Đạo ôn/lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
		Sako 25WP	Đạo ôn/lúa	Công ty TNHH Agricare Việt Nam
		Taiyou 20SC	Đạo ôn/lúa	Công ty CP Đầu tư Hợp Trí
280	Fenoxanil 200 g/l + Hexaconazole 50 g/l	Fortuna 250SC	Phấn trắng/hoa hồng	Công ty TNHH Fujimoto Việt Nam

281	Fenoxanil 200 g/l + Hexaconazole 100 g/l	TT Keep 300SC	Đạo ôn/lúa	Công ty TNHH TM Tân Thành
282	Fenoxanil 250g/l+ Hexaconazole 50g/l	Hutajapane 300SC	Đạo ôn, lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
283	Fenoxanil 300g/l + Hexaconazole 200g/l	Xanilzol 500SC	Đạo ôn/lúa	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu
284	Fenoxanil 50g/l + Isoprothiolane 300g/l	Ninja 35EC	Đạo ôn/lúa	Nihon Nohyaku Co., Ltd.
285	Fenoxanil 100g/l + Isoprothiolane 400g/l	Isoxanil 50EC	Đạo ôn/lúa	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu
286	Fenoxanil 60g/l + Isoprothiolane 300g/l	Feliso 360EC	Đạo ôn/lúa	Công ty TNHH Hóa sinh Mùa Vàng
287	Fenoxanil 50g/l + Isoprothiolane 400g/l	Credit 450EC	Đạo ôn/lúa	Công ty TNHH Alfa (Sài Gòn)
288	Fenoxanil 250g/kg + Kasugamycin 18g/kg	Feno super 268WP	Đạo ôn, đốm sọc vi khuẩn/lúa	Công ty TNHH Agricare Việt Nam
		Newfeno 268WP	Đạo ôn/lúa	Công ty CP S New Rice
289	Fenoxanil 20% + Kresoxim methyl 6%	Masterone 26SC	Thán thư/cà phê	Công ty TNHH Master AG
290	Fenoxanil 200g/l + Kresoxim methyl 60g/l	Okasa one 260SC	Thán thư/dưa hấu	Công ty CP NN HP
291	Fenoxanil 220g/l + Ningnanmycin 30g/l	Victoryusa 250SC	Lem lép hạt, đạo ôn/lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
292	Fenoxanil 200g/l + Oxolinic acid 200g/l	Farmer 400SC	Đạo ôn/lúa	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu
293	Fenoxanil 100g/l + Oxolinic acid 100g/l + Tricyclazole 300g/l	Fob 500SC	Đạo ôn/lúa	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu

294	Fenoxanil 100g/l (200g/kg) + Sulfur 300g/l (350g/kg) + Tricyclazole 50g/l (200g/kg)	Kitini super 450SC, 750WP	Đạo ôn/lúa	Công ty TNHH An Nông
295	Fenoxanil 100g/l (200g/kg) + Tricyclazole 250g/l (500g/kg)	Map Famy 35SC, 700WP	Đạo ôn/lúa	Map Pacific Pte Ltd
296	Fenoxanil 150g/l + Tricyclazole 350g/l	Bixanil 500SC	Đạo ôn/lúa	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu
297	Ferimzone (min 95%)	Sumiferi 30WP	Đạo ôn/lúa	Công ty TNHH Hóa chất Sumitomo Việt Nam
298	Florfenicol 5g/kg (min 99%) + Kanamycin sulfate 15g/kg	Usaflotil 20WP	Đạo ôn, lem lép hạt/lúa	Công ty CP Trường Sơn
299	Fluazinam (min 95%)	Lk-Chacha 300SC	Đạo ôn/lúa	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu
		Porsche 50SC	Sương mai/khoai tây	Công ty TNHH MTV BVTV Long An
		TT-amit 500SC	Đạo ôn, khô vằn/lúa; phấn trắng/nho	Công ty TNHH TM Tân Thành
300	Fluazinam 400 g/l (500g/kg) + Metalaxyl-M 80 g/l (180g/kg)	Furama 480SC, 680WP	**480SC:** Đốm lá/ngô, mốc sương/khoai tây, lem lép hạt/lúa; loét sọc mặt cạo/cao su **680WP:** Đốm lá/ngô, héo rũ gốc mốc trắng/lạc; chết nhanh, chết chậm/hồ tiêu; mốc sương/khoai tây; đốm vòng/khoai môn; loét sọc miệng cạo/cao su; lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH An Nông
301	Fludioxonil (min 96.8%)	Thaxonil 500WP	Chết nhanh/hồ tiêu	Công ty TNHH TM DV Thanh Sơn Hóa Nông
302	Flumorph (min 96%) 10% + Metalaxyl-M 5%	Ω-Metano 15WP	Rỉ sắt/cà phê, chết nhanh/hồ tiêu	Công ty TNHH Agrohao Việt Nam

303	Fluopicolide (min 97%) 44.4 g/kg + Fosetyl alumilium 666.7 g/kg	Profiler 711.1WG	Sương mai/bắp cải, cà chua, nho; xì mủ/bưởi; chảy nhựa, xì mủ/cam	Bayer Vietnam Ltd (BVL)
304	Fluopicolide 62.5g/l + Propamocarb hydrochloride 625g/l	Infinito 687.5SC	Mốc sương/cà chua, sương mai/dưa hấu, dưa chuột, bắp cải	Bayer Vietnam Ltd (BVL)
305	Fluopyram (min 96%)	Velum Prime 400SC	Tuyến trùng/hồ tiêu, cà phê, bắp cải	Bayer Vietnam Ltd (BVL)
306	Fluopyram 200g/l + Tebuconazole 200g/l	Luna Experience 400SC	Lem lép hạt/lúa	Bayer Vietnam Ltd (BVL)
307	Fluopyram 250g/l + Trifloxystrobin 250g/l	Luna Sensation 500SC	Đốm vòng/khoai tây	Bayer Vietnam Ltd (BVL)
308	Flusilazole (min 92.5%)	anRUTA 400EC	Lem lép hạt, khô vằn/lúa, rỉ sắt/cà	Công ty TNHH An Nông
		Avastar 40EC	Lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH TM DV Tấn Hưng
		Hatsang 40EC	Lem lép hạt/lúa	Công ty CP Đồng Xanh
		Isonuta 40EC	Lem lép hạt/lúa	Công ty CP Lion Agrevo
		Nôngiaphúc 400EC	Đạo ôn, lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH TM Thái Phong
		Nuzole 40EC	Lem lép hạt, đạo ôn, khô vằn/lúa; rỉ sắt/cà phê; đốm lá/đậu tương	Công ty TNHH Phú Nông
309	Flusilazole 10 g/l + Hexaconazole 30 g/l + Tricyclazole 220 g/l	Avas New 260SC	Đạo ôn/lúa	Công ty TNHH TM DV Tấn Hưng
310	Flusilazole 100g/l + Propiconazole 300g/l	Novotsc 400EC	Lem lép hạt/lúa	Công ty CP Lion Agrevo

311	Flusilazole 50g/kg (25g/l), (30g/kg) + Tebuconazole 250g/kg (100g/l), (500g/kg) + Tricyclazole 200g/kg (400g/l), (250g/kg)	Newthivo 500WP, 525SE, 780WG	**500WP:** khô vằn, đạo ôn, lem lép hạt/lúa, xử lý hạt giống trừ bệnh lúa von/lúa **525SE:** đạo ôn/lúa **780WG:** lem lép hạt, khô vằn/lúa; xử lý hạt giống trừ bệnh lúa von/lúa	Công ty TNHH An Nông
312	Flusulfamide (min 98%)	Nebijin 0.3DP	Bệnh ghẻ/khoai tây (Xử lý đất)	Mitsui Chemicals Agro, Inc.
313	Flutriafol (min 95%)	Blockan 25SC	Đạo ôn, lem lép hạt/lúa; đốm đen, phấn trắng/hoa hồng; thán thư/cà phê; phấn trắng, héo đen đầu lá/cao su; đốm lá/lạc; thán thư/hồ tiêu, ca cao	Công ty CP Tập đoàn Lộc Trời
		Impact 12.5 SC	Rỉ sắt/cà phê; đạo ôn/lúa	Công ty TNHH FMC Việt Nam
314	Flutriafol 30% + Tricyclazole 40%	Victodo 70WP	Đạo ôn, lem lép hạt/lúa	Công ty CP Long Hiệp
315	Flutriafol 300 g/kg + Tricyclazole 400 g/kg	Fiwin 700WP	Đạo ôn/lúa	Công ty TNHH Minh Long
316	Fluxapyroxad (min 98%) 167g/l + Pyraclostrobin 333g/l	Priaxor 500SC	Thán thư/cà phê, hồ tiêu	BASF Vietnam Co., Ltd.
317	Folpet (min 90%)	Folcal 50WP	Xì mủ/cao su	Công ty TNHH UPL Việt Nam
		Folpan 50WP, 50 SC	**50WP:** khô vằn, đạo ôn/lúa, giả sương mai/dưa hấu **50SC:** khô vằn, đạo ôn/lúa; thán thư/xoài; mốc sương/nho; đốm lá/hành	Công ty TNHH Adama Việt Nam
318	Fosetyl-aluminium (min 95%)	Acaete 80WP	Chết nhanh/hồ tiêu	Công ty TNHH - TM Thái Nông
		Agofast 80WP	Chết nhanh/hồ tiêu, đốm lá/thuốc lá, mốc sương/dưa hấu, xì mủ/cao su, thối quả, xì mủ/sầu riêng	Công ty CP Đồng Xanh

		Aliette 80WP, 800 WG	**80WP:** Sương mai/hồ tiêu **800WG:** lở cổ rễ, chết nhanh/hồ tiêu; sương mai/dưa hấu, cà chua, khoai tây; thối quả, xì mủ/sầu riêng,ca cao; bạc lá/lúa; sương mai/ dưa chuột, bắp cải; thối gốc chảy nhựa/bưởi, cam, quýt	Bayer Vietnam Ltd (BVL)
		Alle 800WG	Chết nhanh/hồ tiêu	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
		Alimet 80WP, 80WG, 90SP	**80WP:** sương mai/điều, khoai tây, xoài; chết nhanh/hồ tiêu; xì mủ/sầu riêng, cam; mốc sương/nho, dưa hấu; thối nõn/dứa; chết cây con/thuốc lá **80WG:** mốc sương/nho, xì mủ/sầu riêng, thối nõn/dứa, chết cây con/thuốc lá, chết nhanh/hồ tiêu, chết cây con/dưa hấu **90SP:** mốc sương/nho, dưa hấu; chết nhanh/ hồ tiêu; xì mủ/sầu riêng; đốm lá/thuốc lá	Công ty CP Kiên Nam
		Alonil 80WP, 800WG	**80WP:** chết nhanh/hồ tiêu **800WG:** Bạc lá/lúa, chết nhanh/hồ tiêu, phấn trắng/dưa hấu, thối nõn/dứa	Công ty CP Nicotex
		Alpine 80WP, 80WG	**80WP:** sương mai/hoa hồng; chết nhanh/hồ tiêu **80WG:** thối rễ/dưa hấu, chết nhanh/hồ tiêu, xì mủ/cam, bạc lá/lúa, mốc sương/nho; thối thân xì mủ/cao su; thối đen/phong lan	Công ty CP BVTV Sài Gòn
		Aluminy 800WG	Bạc lá/lúa, xì mủ/cao su, thối rễ, cam	Công ty TNHH TM và SX Ngọc Yến
		ANLIEN-annong 400SC, 800WP, 800WG	**400SC, 800WG:** chết nhanh/hồ tiêu **800WP:** thối thân/hồ tiêu, sương mai/khoai tây	Công ty TNHH An Nông
		Dafostyl 80WP	Chết nhanh/hồ tiêu; sương mai/nho, dưa hấu; xì mủ/cam	Công ty TNHH Kinh doanh hóa chất Việt Bình Phát

		Dibajet 80WP	Chết nhanh/hồ tiêu	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA
		Forliet 80WP	Sương mai/dưa hấu, chết nhanh/hồ tiêu, xì mủ/cam, thối quả/nhãn, cháy lá do vi khuẩn/ lúa, nứt thân chảy nhựa/dưa hấu; sọc lá/ngô; loét sọc mặt cạo/cao su; thối nhũn/gừng; thối nhũn/bắp cải	Công ty TNHH - TM Tân Thành
		Juliet 80WP	Giả sương mai/dưa chuột	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
		Sakin-zai 800WG	Chảy gôm/cam	Công ty CP Nông dược Việt Nam
		Vialphos 80 SP	Chết nhanh, thối thân/hồ tiêu; chảy gôm/cam	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
319	Fosetyl-aluminium 25% + Mancozeb 45%	Binyvil 70WP	Lem lép hạt/lúa, chết cây con/dưa hấu, xì mủ/sầu riêng; đốm nâu/thanh long	Công ty TNHH TM & SX Ngọc Yến.
320	Fosetyl-aluminium 400g/kg + Mancozeb 200g/kg	Anlia 600WG	Chết nhanh/hồ tiêu	Công ty TNHH Thuốc BVTV LD Nhật Mỹ
321	Fthalide 15% (20%) + Kasugamycin 1.2% (1.2%)	Kasai 16.2SC, 21.2WP	**16.2SC:** đạo ôn/lúa **21.2WP:** đạo ôn, lem lép hạt/lúa; thối đen/bắp cải; thối nhũn/hành	Sumitomo Corporation Vietnam LLC.
322	Fthalide 200 g/kg + Kasugamycin 20 g/kg	Saicado 220WP	Đạo ôn/lúa	Công ty CP Vagritex
323	Fugous Proteoglycans	Elcarin 0.5SL	Héo xanh/cà chua, ớt, thuốc lá; thối nhũn/bắp cải; bạc lá/lúa	Công ty CP Nông nghiệp Việt Nam
		Leti Star 1SL	Héo xanh vi khuẩn/cà chua, ớt	Beijing Bioseen Crop Sciences Co., Ltd
324	Garlic oil 20g/l + Ningnanmycin 30g/l	Lusatex 5SL	Bạc lá, lem lép hạt/lúa; héo rũ, sương mai/cà chua; xoăn lá/ớt; phấn trắng/nho; chết nhanh/ hồ tiêu; hoa lá/thuốc lá; chết khô/dưa chuột	Công ty TNHH VT NN Phương Đông

325	Gentamicin sulfate 15g/kg + Ningnanmycin 45g/kg + Streptomycin sulfate 50g/kg	Riazor gold 110WP	Bạc lá do vi khuẩn/lúa	Công ty CP Nông dược Nhật Việt
326	Gentamicin sulfate 2% (20g/kg) + Oxytetracycline hydrochloride 6% (60g/kg)	Antisuper 80WP	Bạc lá/lúa, loét/cam	Công ty CP Điền Thạnh
		Avalon 8WP	Bạc lá/lúa, đốm cành/thanh long, đốm đen xì mủ/xoài, héo xanh vi khuẩn/cà chua, loét/cam; thối quả/thanh long, đốm sọc vi khuẩn/lúa	Công ty TNHH - TM ACP
		Lobo 8WP	Bạc lá, lem lép hạt/lúa; héo xanh/cà chua; héo xanh vi khuẩn/dưa hấu; thối đen gân lá, thối nhũn/bắp cải	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
		Oxysunfate 80WP	Bạc lá/lúa	Công ty CP Đồng Xanh
327	Gentamicin sulfate 20g/kg + Streptomycin sulfate 46.6g/kg	Panta 66.6WP	Bạc lá/lúa, thối nhũn/hành	Công ty TNHH TM SX Ngọc Yến
328	Hexaconazole (min 85%)	Acanvinsuper 55SC	Lem lép hạt/lúa, nấm hồng/cao su, rỉ sắt/cà phê	Công ty TNHH MTV Lucky
		Aicavil 100SC	Đạo ôn, khô vằn/lúa	Công ty CP Hóa chất Nông nghiệp và Công nghiệp AIC
		Anvilando 5SC	Phấn trắng/hoa hồng	Công ty CP TM Hải Ánh
		Angoldvin 50SC	Lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH MTV Gold Ocean
		Anhvinh 50 SC	Lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH US.Chemical
		Annongvin 50SC, 800WG	**50SC:** khô vằn, lem lép hạt/lúa; rỉ sắt/cà phê **800WG:** khô vằn, lem lép hạt/lúa; rỉ sắt/cà phê	Công ty TNHH An Nông
		Amwilusa 50SC	Lem lép hạt/lúa	Công ty CP BVTV An Hưng Phát

		Anvil® 5SC	Khô vằn, lem lép hạt/lúa; rỉ sắt, nấm hồng, đốm vòng/cà phê; đốm lá/lạc; khô vằn/ngô; phấn trắng, đốm đen, rỉ sắt/hoa hồng; lở cổ rễ/thuốc lá; phấn trắng, vàng lá, nấm hồng/ cao su, ghẻ sẹo/cam; đốm nâu/thanh long	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam
		Anwinnong 100SC	Rỉ sắt/cà phê; thán thư/xoài, vải; lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH MTV Us Agro
		Atulvil 5SC, 10EC	**5SC:** rỉ sắt/cà phê; nấm hồng/cao su; đốm lá/lạc; khô vằn, lem lép hạt/lúa; phấn trắng/nho **10EC:** lem lép hạt/lúa	Công ty CP Thanh Điền
		Aviando 50SC	Rỉ sắt/cà phê	Công ty CP BVTV Kiên Giang
		Avil-cali 100SC	Lem lép hạt/lúa	Công ty CP Cali Agritech USA
		A-V-T Vil 5SC	Lem lép hạt, khô vằn, đạo ôn/lúa; đốm lá/lạc; nấm hồng, vàng rụng lá/cao su	Công ty TNHH Việt Thắng
		Awin 100SC	Khô vằn, lem lép hạt/lúa; vàng rụng lá/cao su, rỉ sắt, nấm hồng/cà phê; thán thư/điều; đốm lá/lạc	Công ty TNHH TM Thái Phong
		Best-Harvest 15SC	Rỉ sắt/cà phê, khô vằn/lúa	Sundat (S) Pte Ltd
		Bioride 50SC	lem lép hạt/lúa	Công ty CP Nông dược Việt Nam
		Callihex 5SC	Khô vằn/lúa; đốm lá/lạc; thán thư/điều; rỉ sắt/đậu tương, cà phê	Công ty TNHH UPL Việt Nam
		Centervin 50SC	Khô vằn, lem lép hạt/lúa; nấm hồng/cao su; đốm lá/lạc	Công ty TNHH MTV BVTV Omega

		Chevin 5SC, 40WG	**5SC:** Vàng rụng lá, nấm hồng/cao su; khô vằn, lem lép hạt/lúa; rỉ sắt/cà phê; thán thư, phấn trắng/xoài; ghẻ sẹo/cam **40WG:** Khô vằn, lem lép hạt/lúa; phấn trắng/ dưa hấu	Công ty CP Nicotex
		Convil 100EC, 100SC	**100EC:** Thán thư/điều, khô vằn/lúa **100SC:** Rỉ sắt/cà phê, lem lép hạt/lúa, thán thư/xoài	Công ty TNHH Alfa (Sài Gòn)
		Dibazole 5SC, 10SL	**5SC:** khô vằn, lem lép hạt, đạo ôn/lúa; rỉ sắt/cà phê, khô vằn/ngô; đốm lá/lạc, lở cổ rễ/bầu bí, vàng rụng lá/cao su **10SL:** lem lép hạt, đạo ôn/lúa; rỉ sắt, đốm vòng/cà phê; rỉ sắt/hoa hồng; lở cổ rễ/bầu bí; đốm lá/lạc, đốm mắt cua/cà phê, vàng rụng lá/cao su	Công ty TNHH XNK Quốc tế SARA
		Doctor 5ME, 5SC	**5ME:** khô vằn/lúa **5SC:** Lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH BVTV Đồng Phát
		Dovil 5SC	Khô vằn, lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Thạnh Hưng
		Endico 5SC	Nấm hồng/cao su	Công ty TNHH SX & TM HAI Long An
		Evitin 50SC	Lem lép hạt/lúa; nứt vỏ, phấn trắng/cao su, vàng rụng lá, nấm hồng/cao su; đốm lá/lạc; đốm đen, phấn trắng, rỉ sắt/hoa hồng; nấm hồng, rỉ sắt/cà phê; khô vằn/ngô; thán thư/điều	Công ty CP Tập đoàn Lộc Trời
		Forwavil 5SC	Khô vằn/lúa	Forward International Ltd
		Fulvin 5SC	Khô vằn, lem lép hạt/lúa; thán thư/điều, dưa hấu; phấn trắng, vàng rụng lá/cao su; rỉ sắt/ hoa hồng, rỉ sắt, khô cành, nấm hồng/cà phê	Công ty TNHH TM Tân Thành

		Goldvil 50SC	Lem lép hạt/lúa	Công ty CP Khoa học Công nghệ cao American
		Hakivil 5SC	Khô vằn/lúa	Công ty CP Đầu tư VTNN Sài Gòn
		Hanovil 10SC	Thán thư/điều; nấm hồng/cao su; lem lép hạt/lúa; khô vằn/ngô; rỉ sắt/đậu tương	Công ty CP Nông nghiệp HP
		Haruko 5SC	Nấm hồng/cao su; phấn trắng/hoa hồng	Công ty CP BMC Vĩnh Phúc
		Hecona 10SC	Phấn trắng/cao su	Shandong Sino - Agri United Biotechnology Co., Ltd.
		Hecwin 5SC, 550WP	**5SC:** khô vằn, lem lép hạt/lúa; nấm hồng, phấn trắng, vàng rụng lá/cao su; rỉ sắt, nấm hồng/cà phê **550WP:** khô vằn, lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH ADC
		Hexathai 100SC	Gỉ sắt/cà phê, lem lép hạt/lúa, vàng rụng lá/ cao su	Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Ngọc Lâm
		Hexin 5SC	Lem lép hạt/lúa	Công ty CP Khử trùng Nam Việt
		Hexavil 6SC	Khô vằn/lúa, rỉ sắt/cà phê, vàng rụng lá/cao su, đốm lá/lạc	Công ty CP SX Thuốc BVTV Omega
		Hoanganhvil 50SC	Rỉ sắt/cà phê	Công ty TNHH BVTV Hoàng Anh
		Hosavil 5SC	Khô vằn, lem lép hạt/lúa, đốm lá/lạc, thán thư/điều, rỉ sắt/cà phê, vàng rụng lá/cao su	Công ty CP Hóc Môn
		Huivil 5SC	Khô vằn, lem lép hạt/lúa; nấm hồng/cao su, gỉ sắt/cà phê	Huikwang Corporation
		Indiavil 5SC	Lem lép hạt, khô vằn/lúa; thán thư/điều, xoài; rỉ sắt/cà phê, nấm hồng/cao su, đốm lá/lạc; vàng rụng lá/cao su	Công ty CP Đồng Xanh

		Japa vil 110SC	Lem lép hạt	Công ty TNHH Hóa sinh Phong Phú
		JAVI Vil 50SC	Lem lép hạt/lúa	Công ty CP Nông dược Nhật Việt
		Jiavin 5 SC	Khô vằn/lúa, rỉ sắt/cà phê, thán thư/điều, nấm hồng/cao su	Công ty CP Jia Non Biotech (VN)
		Joara 5SC	Khô vằn/lúa	FarmHannong Co., Ltd.
		Lervil 100SC	Lem lép hạt/lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
		Longanvin 5SC	Khô vằn/lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Long An
		Mainex 50SC	Khô vằn, lem lép hạt/lúa; nấm hồng/cà phê; phấn trắng, vàng rụng lá/cao su	Công ty TNHH Adama Việt Nam
		Mekongvil 5SC	Khô vằn/lúa	Công ty TNHH P - H
		Namotor 100SC	Phấn trắng/hoa hồng	Công ty CP Công nghệ NN Chiến Thắng
		Saizole 5SC	Phấn trắng/nho; nấm hồng/cao su, cà phê; đốm lá/lạc; lem lép hạt, khô vằn/lúa; chết cây con/cà rốt; vàng rụng lá/cao su	Công ty CP BVTV Sài Gòn
		TB-hexa 5SC	Phấn trắng/cao su; lem lép hạt, đạo ôn, khô vằn/lúa	Công ty TNHH SX-TM Tô Ba
		Tecvil 50SC	Lem lép hạt/lúa, gỉ sắt/cà phê, phấn trắng/ chôm chôm	Công ty TNHH Kiên Nam
		Thonvil 100SC	Khô vằn/lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
		Topvil 111SC	Lem lép hạt/lúa, nấm hồng/cao su, thán thư/cà phê	Công ty TNHH TM DV Tấn Hưng

		Tungvil 5SC	Lem lép hạt, đạo ôn, khô vằn/lúa; đốm lá/đậu tương; rỉ sắt, nấm hồng, thán thư/cà phê; lở cổ rễ/thuốc lá; nấm hồng/cao su; đốm đen/hoa hồng; thán thư/điều	Công ty CP SX -TM & DV Ngọc Tùng
		Tvil TSC 50SC	Lem lép hạt/lúa	Công ty CP Lion Agrevo
		Uni-hexma 5SC	Khô văn/lúa, nấm hồng/cao su, rỉ sắt/cà phê	Công ty TNHH World Vision (VN)
		Vilmax 50SC	Vàng rụng lá/cao su, lem lép hạt/lúa, rỉ sắt/cà phê	Công ty TNHH Phú Nông
		Vivil 5SC	Lem lép hạt, khô vằn/lúa; vàng rụng lá/cao su; rỉ sắt, thối quả/cà phê; thán thư/điều; rỉ sắt/ nho; đốm lá/lạc, phấn trắng/xoài	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
329	Hexaconazole 100 g/l + Iprodione 250 g/l	Saipora super 350SC	Khô vằn/lúa	Công ty CP BVTV Sài Gòn
330	Hexaconazole 75g/l + Isoprothiolane 75g/l	Thontrangvil 150SC	Lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
331	Hexaconazole 5% + Isoprothiolane 40%	Starmonas 45WP	Đạo ôn, lem lép hạt/lúa	Công ty CP Công nghệ NN Chiến Thắng
332	Hexaconazole 30g/l (20g/kg) + Isoprothiolane (270g/l), (320g/kg) + Tricyclazole (250g/l), (460g/kg)	Bibiusamy 550SC, 800WP	Đạo ôn/lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
333	Hexaconazole 32 g/kg + Isoprothiolane 350g/kg + Tricyclazole 440g/kg	Nofada 822WP	Đạo ôn/lúa	Công ty TNHH TM Nông Phát
334	Hexaconazole 30g/kg + Isoprothiolane 420g/kg + Tricyclazole 410g/kg	Camel 860WP	Đạo ôn/lúa	Công ty TNHH Việt Đức
335	Hexaconazole 5% + Isoprothiolane 35% + Tricyclazole 40%	Beansuperusa 80WP	Đạo ôn/lúa	Công ty CP BVTV An Hưng Phát

336	Hexaconazole 3% + Isoprothiolane 43% + Tricyclazole 40%	Citymyusa 86WP	Đạo ôn/lúa	Công ty TNHH MTV DV TM Đăng Vũ
337	Hexaconazole 5% (50g/l) + Kasugamycin 3% (30g/l) + Tricyclazole 72% (360g/l)	Lany super 80WP, 440SC	**80WP:** đạo ôn, lem lép hạt, bạc lá/lúa **440SC:** lem lép hạt, thối thân lúa, bạc lá, đạo ôn/lúa; loét sọc mặt cạo/cao su, rỉ sắt/lạc; thán thư/cà phê	Công ty TNHH TM & SX Ngọc Yến
338	Hexaconazole 40g/l + Metconazole 60g/l	Workplay 100SL	Lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH An Nông
339	Hexaconazole 320g/kg + Myclobutanil 380g/kg	Centerbig 700WP	Đạo ôn, lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH Agrohao VN
340	Hexaconazole 55 g/l + Prochloraz 10 g/l	Nevis 65SC	Rỉ sắt/cà phê	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
341	Hexaconazole 62 g/kg + Propineb 615 g/kg	Shut 677WP	Lem lép hạt, khô vằn/lúa; rỉ sắt, nấm hồng/cà phê; phấn trắng, nấm hồng, vàng rụng lá/cao su; đốm nâu/thanh long; thán thư/điều	Công ty TNHH ADC
342	Hexaconazole 75g/kg + Propineb 630g/kg	Passcan 705WP	Vàng rụng lá/cao su	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
343	Hexaconazole 50g/kg + Propiconazole 150g/kg + Tricyclazole 355g/kg	Sieubem super 555WP	Đạo ôn/lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
344	Hexaconazole 50g/l (50g/kg) + Sulfur 49.9g/l (49.9g/kg)	Galirex 99.9SC, 99.9WP	**99.9WP:** Khô vằn/lúa 99.9SC: Rỉ sắt/cà phê	Công ty CP Nông dược Việt Thành
345	Hexaconazole 50g/l (10g/kg) + Sulfur 20g/l (450g/kg) + Tricyclazole 10g/l (50g/kg)	Grandgold 80SC, 510WP	**80SC:** Khô vằn/lúa **510WP:** Đạo ôn/lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
346	Hexaconazole 56g/l + Tebuconazole 10g/l	Ferssy 66SC	Phấn trắng/hoa hồng	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
347	Hexaconazole 50g/l + Tebuconazole 250g/l	Tezole super 300SC	Khô vằn/lúa	Công ty TNHH Ô tô Việt Thắng

348	Hexaconazole 50g/kg (25g/l), (30g/kg) + Tebuconazole 250g/kg (100g/l), (500g/kg) + Tricyclazole 200g/kg (400g/l), (250g/kg)	Vatino super 500WP, 525SE, 780WG	**500WP:** Khô vằn, đạo ôn/lúa **525SE:** Lem lép hạt, đạo ôn, vàng lá/lúa; xử lý hạt giống trừ bệnh lúa von/lúa **780WG:** lem lép hạt/lúa; xử lý hạt giống trừ bệnh lúa von/lúa	Công ty TNHH An Nông
349	Hexaconazole 100g/kg + Tebuconazole 400g/kg + Trifloxystrobin 250g/kg	Natoyo 750WG	Lem lép hạt, đạo ôn/lúa; xử lý hạt giống trừ bệnh lúa von/lúa	Công ty TNHH An Nông
350	Hexaconazole 56 g/l + Tricyclazole 10 g/l	Leener 66SC	Rỉ sắt/cà phê	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
351	Hexaconazole 30g/l + Tricyclazole 220g/l	Bimvin 250SC	Đạo ôn/lúa	Công ty TNHH TM DV Tấn Hưng
		Dohazol 250SC	Khô vằn/lúa	Công ty CP KT Dohaledusa
		Forvilnew 250 SC	Đạo ôn, đốm vằn/lúa; rỉ sắt/đậu tương, cà phê; đốm lá/lạc, đậu tương; thán thư/cà phê	Công ty TNHH Phú Nông
		Hextric 250SC	Đạo ôn, lem lép hạt, khô vằn/lúa	Công ty CP Đồng Xanh
		Sun-hex-tric 25SC	Đạo ôn/lúa, rỉ sắt/lạc, thán thư/điều	Sundat (S) Pte Ltd
		Westminster 250SC	Đạo ôn/lúa	Công ty TNHH TM-SX GNC
352	Hexaconazole 50g/l + Tricyclazole 200g/l	Beamvil-super 250SC	Đạo ôn/lúa	Công ty TNHH XNK Gold Star Thụy Điển
		Lashsuper 250SC	Đạo ôn, khô vằn/lúa; héo đen đầu lá/cao su; rỉ sắt, thán thư/cà phê, thán thư/điều; vàng rụng lá/cao su	Công ty TNHH - TM Tân Thành
353	Hexaconazole 40g/l (35g/kg) + Tricyclazole 239g/l (770g/kg)	King-cide 279SC, 805WP	Đạo ôn/lúa	Công ty CP SX Thuốc BVTV Omega
354	Hexaconazole 30g/l (100g/l), (57g/kg) + Tricyclazole 220g/l (425g/l), (700g/kg)	Siukalin 250SC, 525SE, 757WP	**250SC:** khô vằn, lem lép hạt, đạo ôn/lúa **525SE, 757WP:** đạo ôn, lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH An Nông

355	Hexaconazole 30g/l + Tricyclazole 250g/l	Co-trihex 280SC	Đạo ôn/lúa, thán thư/cà phê	Công ty TNHH Baconco
		Donomyl 280SC	Đạo ôn/lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Thạnh Hưng
356	Hexaconazole 50g/l + Tricyclazole 250g/l	Amilan 300SC	Đạo ôn, lem lép hạt/lúa; nấm hồng, rỉ sắt/cà phê; thán thư/điều; đốm lá/lạc	Công ty TNHH - TM Thái Nông
		HD-pingo 300SC	đạo ôn/lúa	Công ty TNHH TM DV Hằng Duy
		Hexalazole 300SC	Khô vằn, đạo ôn/lúa; rỉ sắt, thán thư/cà phê; héo đen đầu lá/cao su; thán thư/điều, đốm lá/lạc; phấn trắng/cao su	Công ty TNHH TM DV SX XNK Đức Thành
		Newtec® 300SC	Khô vằn, đạo ôn, lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH Syngenta Việt Nam
		Trivin 300SC	Đạo ôn/lúa	Công ty TNHH TM DV Việt Nông
357	Hexaconazole 50g/l + Tricyclazole 450g/l	Gold-duck 500SC	Rỉ sắt/cà phê, thán thư/điều, nấm hồng/cao su	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
358	Hexaconazole 100g/l + Tricyclazole 300g/l	Avinduc 400SC	Đạo ôn, khô vằn, lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH Việt Đức
359	Hexaconazole 125g/l + Tricyclazole 400g/l	Marx 525SC	Đạo ôn/lúa	Công ty CP Tập đoàn Điện bàn
360	Hexaconazole 100g/l (150g/kg) + Tricyclazole 425g/l (600g/kg)	Natofull 525SE, 750WP	Đạo ôn/lúa	Công ty TNHH Hóa nông Mê Kông
361	Hexaconazole 30g/l (30g/kg) + Tricyclazole 270g/l (770g/kg)	Perevil 300SC, 800WP	Đạo ôn/lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
362	Hexaconazole 30g/kg + Tricyclazole 670g/kg	Trihexad 700WP	Đạo ôn/lúa	Công ty CP Bình Điền MeKong
363	Hexaconazole 25g/l + Validamycin 75g/l	Zilla 100SC	Nấm hồng/cao su	Công ty TNHH TM DV SX XNK Đức Thành

364	Hymexazol (min 98%)	Hariwon 30SL	Chết nhanh/hồ tiêu	Công ty CP BMC Vĩnh Phúc
365	Imibenconazole (min 98.3%)	Manage 5WP	Phồng lá/chè; rỉ sắt/đậu tương; thán thư/vải, xoài, ớt; đốm đen/hoa hồng; phấn trắng/dưa chuột, dưa hấu, hoa hồng, nho; vàng lá/lúa	Sumitomo Corporation Vietnam LLC.
366	Iminoctadine (min 93%)	Bellkute 40WP	phấn trắng/hoa hồng	Sumitomo Corporation Vietnam LLC.
367	Iprobenfos (min 94%)	Kisaigon 10GR, 50EC	**10GR:** đạo ôn, thối thân/lúa **50EC:** khô vằn, đạo ôn/lúa	Công ty CP BVTV Sài Gòn
		Kitatigi 10GR, 50EC	**10GR:** đạo ôn/lúa **50EC:** đạo ôn, thối thân/lúa	Công ty CP Vật tư NN Tiền Giang
		Tipozin 10GR, 50EC	Đạo ôn/lúa	Công ty TNHH TM Thái Phong
		Vikita 10GR, 50EC	Đạo ôn/lúa	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
368	Iprobenfos 20% + Isoprothiolane 20%	Vifuki 40EC	Đạo ôn/lúa	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
369	Iprobenfos 30% (10g/kg) + Isoprothiolane 15% (390g/kg)	Afumin 45EC, 400WP	Đạo ôn/lúa	Công ty CP XNK Nông dược Hoàng Ân
370	Iprobenfos 10% + Tricycalzole 10%	Dacbi 20WP	Khô vằn/lúa	Công ty TNHH Hạt giống HANA
371	Iprobenfos 14% + Tricyclazole 6%	Lúa vàng 20WP	Đạo ôn/lúa	Công ty CP BVTV Sài Gòn
372	Iprobenfos 100g/kg+ Tricyclazole 750g/kg	Superbem 850WP	Đạo ôn/lúa	Công ty CP Quốc tế Agritech Hoa kỳ
373	Iprodione (min 96%)	Citione 350SC, 500WP, 700WG	**350SC, 500WP:** lem lép hạt/lúa **700WG:** khô vằn/lúa	Công ty TNHH - TM Tân Thành

		Doroval 50WP	Lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Long An
		Givral 500WP	Lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
		Hạt chắc 50WP	Lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH TM & SX Ngọc Yến
		Hạt vàng 50WP, 250SC	**50WP:** lem lép hạt/lúa **250SC:** lem lép hạt/lúa, đốm quả/nhãn	Công ty CP BVTV Sài Gòn
		Matador 750WG	Lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH CN KH Mùa màng Anh - Rê
		Niforan 50WP	Lem lép hạt/lúa	Công ty CP Nicotex
		Prota 50WP, 750WG	**50WP:** lem lép hạt, khô vằn/lúa; héo vàng/ đậu tương **750WG:** lem lép hạt, khô vằn/lúa; thối gốc/ dưa hấu	Công ty CP SX TM Bio Vina
		Prozalthai 500SC	Khô vằn/lúa	Công ty TNHH Adama Việt Nam
		Rora 750WP	Lem lép hạt, khô vằn/lúa; đốm lá/đậu tương; thán thư/điều, hồ tiêu	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
		Rorang 50WP	lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH - TM ACP
		Rovannong 50WP, 250SC, 750WG	**50WP:** khô vằn/lúa **250SC, 750WG:** lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH An Nông
		Royal 350SC, 350WP	Lem lép hạt, khô vằn/lúa.	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
		Rovral 50WP	Lem lép hạt/lúa; đốm lá/cà chua, dưa hấu, bắp cải, lạc; thán thư/cà phê	Công ty TNHH FMC Việt Nam
		Tilral 500WP	Lem lép hạt/lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình

		Viroval 50WP	Lem lép hạt/lúa	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
		Zoralmy 50WP, 250SC	Lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH Hóa sinh Á Châu
374	Iprodione 200g/l (50g/kg) + Sulfur 300g/l (500g/kg)	Rollone 500SC, 550WP	Lem lép hạt/lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
375	Iprodione 50g/kg + Tricyclazole 700g/kg	Bemgold 750WP	Đạo ôn/lúa	Công ty CP Công nghệ cao Thuốc BVTV USA
376	Iprodione 350g/kg + Zineb 250g/kg	Bigrorpran 600WP	Lem lép hạt/lúa	Công ty TNHH Hóa Nông Lúa Vàng
377	Isoprothiolane (min 96%)	Aco one 400EC	Đạo ôn/lúa	Công ty TNHH - TM Thái Nông
		Anfuan 40EC, 40WP	Đạo ôn/lúa	Công ty TNHH An Nông
		Dojione 40EC	Đạo ôn/lúa	Công ty TNHH MTV BVTV Long An
		Fuan 40EC	Đạo ôn lá, đạo ôn cổ bông/lúa	Công ty CP Tập đoàn Lộc Trời
		Fuannong 400EC	Đạo ôn/lúa	Công ty TNHH US.Chemical
		Fu-army 30WP, 40EC	Đạo ôn/lúa	Công ty CP Nicotex
		Fujiduc 450EC	Đạo ôn/lúa	Công ty TNHH Việt Đức
		Fuji-One 40EC, 40WP	Đạo ôn/lúa	Nihon Nohyaku Co., Ltd.
		Fujy New 40EC, 400WP	Đạo ôn/lúa	Công ty CP SX Thuốc BVTV Omega
		Fuel-One 40EC	Đạo ôn/lúa	Công ty TNHH TM - DV Thanh Sơn Hóa Nông
		Funhat 40EC, 40WP	Đạo ôn/lúa	Công ty TNHH Việt Thắng

		Futrangone 40EC	Đạo ôn/lúa	Công ty TNHH TM SX Thôn Trang
		Fuzin 400EC, 400WP	Đạo ôn/lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
		Iso one 40EC	Đạo ôn/lúa	Công ty CP Nông nghiệp Việt Nam
		Jia-Jione 40EC, 400WP	Đạo ôn/lúa	Công ty CP Jia Non Biotech (VN)
		Kara-one 400EC, 400WP	Đạo ôn/lúa	Eastchem Co., Ltd.
		Lumix 40EC	Đạo ôn/lúa	Công ty TNHH - TM Tân Thành
		One-Over 40EC	Đạo ôn/lúa	Công ty TNHH XNK QT SARA
		One-Super 400EC	Đạo ôn/lúa	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
		Vifusi 40EC	Đạo ôn/lúa	Công ty CP Thuốc sát trùng Việt Nam
378	Isoprothiolane 40% + Kasugamycin 2%	Fukasu 42WP	Đạo ôn/lúa	Công ty CP Công nghệ NN Chiến Thắng
379	Isoprothiolane 235g/kg (230g/kg) + Kasugamycin 15g/kg (20g/kg) + Tricyclazole 400g/kg (550g/kg)	Topzole 650WP, 800WG	Đạo ôn/lúa	Công ty TNHH Hóa chất và TM Trần Vũ
380	Isoprothiolane 50g/l + Propiconazole 250g/l	Tung super 300EC	Lem lép hạt/lúa; đốm lá, rỉ sắt/cà phê	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
381	Isoprothiolane 200g/l + Propiconazole 150g/l	Tilred Super 350EC	Đạo ôn/lúa	Công ty CP Hóa nông Mỹ Việt Đức

382	Isoprothiolane 150g/l + Propiconazole 100g/l + Tricyclazole 350g/l	Tinanosuper 600SE	Đạo ôn/lúa	Công ty TNHH UPL Việt Nam
383	Isoprothiolane 10.5g/l (421g/l) (10g/kg) + Propineb 4.5g/l (5g/l) (150g/kg) + Tricyclazole 400g/l (5g/l), (55g/kg)	Eifelgold 415SC, 431EC, 215WP	Đạo ôn/lúa	Công ty CP Thuốc BVTV Việt Trung
384	Isoprothiolane 40% + Sulfur 3%	Tung One 430EC	Đạo ôn/lúa	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
385	Isoprothiolane 400g/l (250g/kg) + Sulfur 50g/l (400g/kg)	Puvertin 450EC, 650WP	Đạo ôn/lúa	Công ty CP Nông dược Việt Thành
386	Isoprothiolane 250g/kg + Sulfur 350g/kg + Tricyclazole 200.8g/kg	Bimmy 800.8WP	Đạo ôn/lúa	Công ty TNHH An Nông
387	Isoprothiolane 0.5g/l (405g/l) (10g/kg) + Sulfur 20g/l (19.5g/l) (55g/kg) + Tricyclazole 400.5g/l (0.5g/l) (755g/kg)	Ricegold 421SC, 425EC, 820WP	**421SC:** Đạo ôn/lúa **425EC, 820WP:** Đạo ôn, lem lép hạt/lúa	Công ty CP thuốc BVTV Việt Trung
388	Isoprothiolane 400g/l + Tebuconazole 150g/l	Gold-buffalo 550EC	Khô vằn, đạo ôn/lúa	Công ty CP SX - TM - DV Ngọc Tùng
389	Isoprothiolane 10g/kg + Tricyclazole 800g/kg	Citiusa 810WP	Đạo ôn/lúa	Công ty CP Lan Anh
390	Isoprothiolane 400g/kg + Tricyclazole 250 g/kg	Trizim 650WP	Đạo ôn/lúa	Công ty TNHH vật tư BVTV Phương Mai
391	Isoprothiolane 250g/kg + Tricyclazole 400g/kg	Bump 650WP	Đạo ôn/lúa	Công ty TNHH ADC
		Downy 650WP	Đạo ôn/lúa	Công ty CP BMC Vĩnh Phúc

		Ka-bum 650WP	Đạo ôn/lúa	Công ty TNHH Việt Thắng
		Stazole top 650WP	Đạo ôn/lúa	Công ty TNHH Hóa chất và TM Trần Vũ
392	Isoprothiolane 250g/kg + Tricyclazole 450g/kg	Bulny 700WP	Đạo ôn/lúa	Công ty TNHH TM SX Ngọc Yến
393	Isoprothiolane 30% (300g/kg) + Tricyclazole 40% (400g/kg)	Tripro-HB 700WP	Đạo ôn/lúa	Công ty CP Quốc tế Hòa Bình
		Triosuper 70WP	Đạo ôn/lúa	Công ty TNHH - TM Tân Thành
394	Isoprothiolane 18g/kg (460g/kg) + Tricyclazole 30g/kg (400g/kg)	NP G6 4.8GR, 860WP	Đạo ôn/lúa	Công ty TNHH TM Nông Phát
395	Isoprothionale 200g/l (400g/kg) + Tricyclazole 325g/l (250g/kg)	Bom-annong 525SE, 650WP	Đạo ôn/lúa	Công ty TNHH An Nông

(Xem tiếp Công báo số 75 + 76)

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ: Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại liên hệ:
- Nội dung: 080.44417; Fax: 080.44517
- Phát hành: 080.48543
Email: congbao@chinhphu.vn
Website: http://congbao.chinhphu.vn
In tại: Xí nghiệp Bản đồ 1- Bộ Quốc phòng